



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2016



www.bsc.com.vn

ANNUAL REPORT

Tầm nhìn



Sứ mệnh



Giá trị cốt lõi





MỤC LỤC

I. TỔNG QUAN VỀ BSC	4
1. Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi	8
2. Quá trình hình thành và phát triển	10
3. Các thành tựu đã đạt được	11
4. Các chỉ tiêu tài chính nổi bật	12
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	14
II. QUẢN TRỊ CÔNG TY	18
1. Mô hình tổ chức nhân sự	20
2. Hội đồng quản trị	22
3. Báo cáo của HĐQT	24
4. Ban Kiểm soát	32
5. Báo cáo của ban Kiểm soát	34
6. Ban Điều hành	36
7. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	39
III. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG 2016 VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN 2017	41
1. Phân tích tổng quan	42
2. Định hướng phát triển	46
3. Chi tiết các mảng hoạt động kinh doanh	49
4. Các hoạt động khác	55

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

VIẾT TẮT	Ý NGHĨA
ASEAN :	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
BCKT :	Báo cáo kiểm toán
BIDV :	Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam
BKS :	Ban Kiểm soát
BLPH :	Bảo lãnh phát hành
BOJ :	Ngân hàng trung ương Nhật Bản
Brexit :	Sự kiện Vương quốc Liên hiệp Anh và Bắc Ireland rời khỏi Liên minh châu Âu
BSC :	Công ty Cổ phần Chứng khoán NH Đầu tư & Phát triển Việt Nam
CNTT :	Công nghệ thông tin
CP/CCQ:	Cổ phiếu/Chứng chỉ quỹ
CTCK :	Công ty chứng khoán
ĐHĐCĐ:	Đại Hội đồng Cổ đông
DNNN :	Doanh nghiệp Nhà nước
ECB :	Ngân hàng Trung ương châu Âu
ESOP :	Kế hoạch thực hiện quyền sở hữu cổ phần cho nhân viên công ty
FDI :	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
FED :	Cục dự trữ liên bang Mỹ
GDP :	Tổng sản phẩm quốc nội
HĐQT :	Hội đồng quản trị
HNX :	Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
HOSE :	Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
IPO :	Phát hành lần đầu ra công chúng
KHKD :	Kế hoạch kinh doanh
M&A :	Mua bán và sát nhập
QTRR :	Quản trị rủi ro
TMCP :	Thương mại cổ phần
TNHH :	Trách nhiệm hữu hạn
Tp :	Thành phố
TPP :	Hiệp định đối tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương
TTCK :	Thị trường chứng khoán
TVTC :	Tư vấn tài chính
UBCK :	Ủy ban chứng khoán
USD :	Đồng đô la Mỹ
VNĐ :	Việt Nam Đồng
XNK :	Xuất nhập khẩu

TÊN GIAO DỊCH CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

TÊN VIẾT TẮT: BSC

Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty chứng khoán số: 111/GP-UBCK ngày 31/12/2010 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) cấp; Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động số 24/GPĐC-UBCK do UBCKNN ngày 06/4/2011; Giấy phép điều chỉnh số 43/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 12/12/2016.

Vốn điều lệ: 902.191.150 VND

Vốn chủ sở hữu: 983.935 triệu đồng

Trụ sở chính:

Tầng 1, tầng 10, tầng 11, Tháp BIDV số 35 Hàng Vôi, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Chi nhánh: Tầng 9, Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh

Số điện thoại: 84-4 39352722 / 84-8 38128885

Số fax: 84-4 22200669 / 84-8 38128510

Website: www.bsc.com.vn

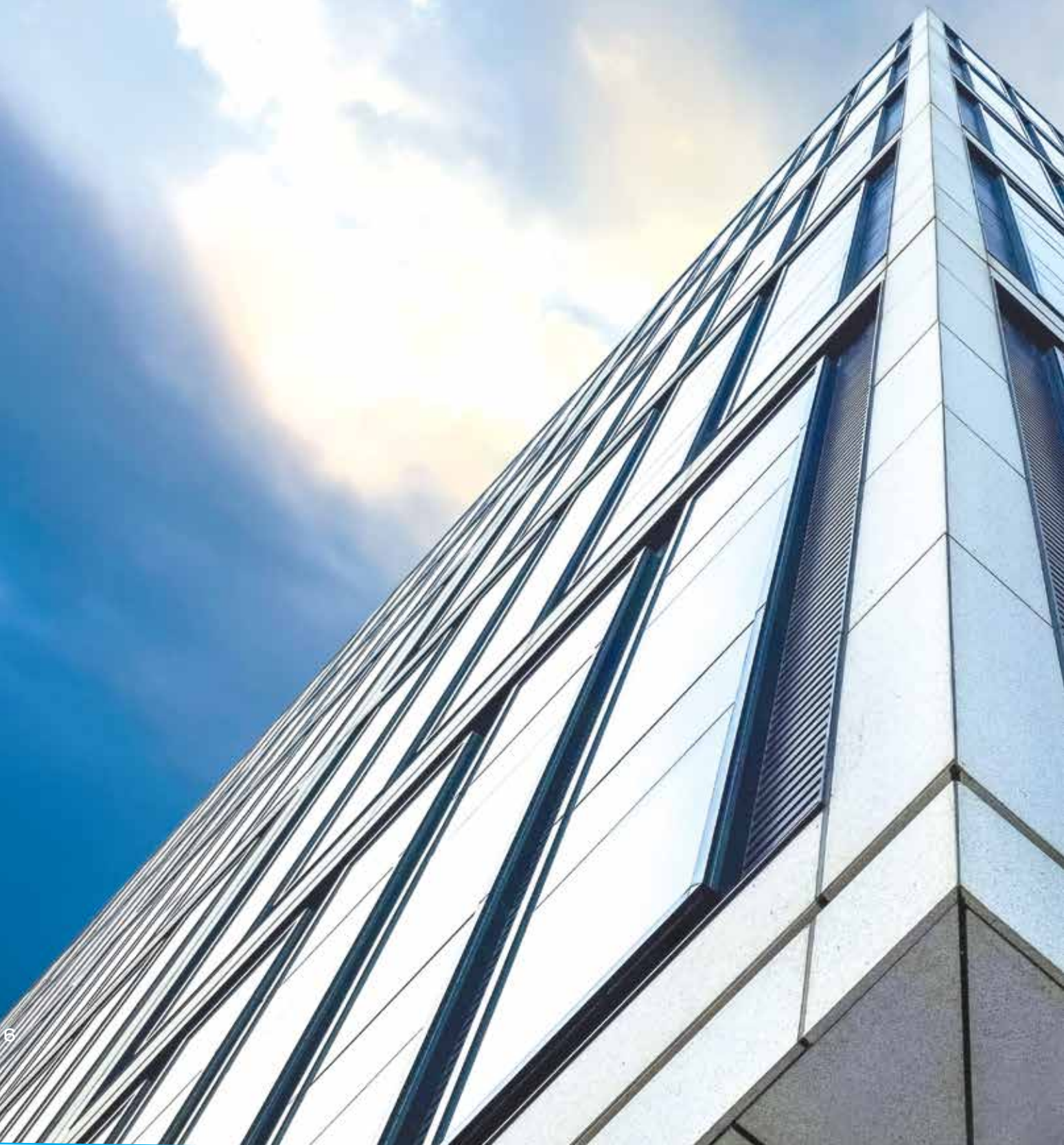
Mã cổ phiếu: BSI

Ngành nghề:

BSC là tổ chức kinh doanh chứng khoán hoạt động với đầy đủ các nghiệp vụ:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Các nghiệp vụ khác được pháp luật cho phép.

I. TỔNG QUAN VỀ BSC







1. TẦM NHÌN, SỨ MỆNH & GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Được cấp phép thành lập ngày 26/11/1999, với tên giao dịch: Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC), Công ty vinh dự trở thành Công ty chứng khoán đầu tiên trong ngành ngân hàng tham gia kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán và cũng là một trong hai công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Kế thừa và phát huy những kinh nghiệm quý báu trong hơn 50 năm qua của hệ thống Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)- Ngân hàng Thương mại quốc doanh được Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước chỉ định làm ngân hàng thanh toán cho thị trường chứng khoán - sự khai trương và đi vào hoạt động với tư cách là một định chế tài chính trung gian hoạt động đa năng của BSC cũng đánh dấu cho sự khởi đầu cho ngành chứng khoán nói chung và nghề môi giới, đầu tư và tư vấn đầu tư chứng khoán tại Việt Nam nói riêng.

Cuối năm 2010, với định hướng phát triển của BIDV, đồng thời để đáp ứng được nhu cầu và đòi hỏi của thị trường, BSC tiến hành cổ phần hóa và đấu giá thành công. Ngày 01/01/2011, Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Hiện BSC có một trụ sở chính tại Hà Nội, một chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, mạng lưới đại lý giao dịch trên toàn quốc, với hơn 200 nhân viên làm việc trong cả khối hỗ trợ và khối nghiệp vụ.

Hơn 10 năm qua, với sự hậu thuẫn toàn diện, mạnh mẽ và có hiệu quả của BIDV, bằng nỗ lực tự thân của đội ngũ cán bộ nhân viên, BSC đã không ngừng vươn lên với mục tiêu trở thành một trong những Công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam.

Sứ mệnh:

Đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty

Tầm nhìn:

Cấu trúc lại nền tảng theo hướng phát triển, bền vững. Giữ vững và từng bước nâng cao thứ hạng trong TOP đầu các CTCK, chuẩn bị cơ sở vững chắc để trở thành Ngân hàng Đầu tư.

Giá trị cốt lõi:

Được xây dựng trên 3 trụ cột: Chất lượng nhân sự, Văn hoá doanh nghiệp, Hạ tầng công nghệ.

Chiến lược phát triển dài hạn:

BSC đặt ra yêu cầu tăng trưởng bứt phá khỏi mức bình quân ổn định của thị trường và độc lập tương đối với diễn biến lên xuống của thị trường, khẳng định thương hiệu khác biệt, hướng tới vị trí dẫn đầu trên thị trường chứng khoán Việt Nam, gia tăng lợi nhuận bền vững, là nơi hội tụ của chuyên gia chứng khoán, đoàn kết toàn thể cán bộ Công ty tạo nên sức mạnh thực hiện mục tiêu chung.

Định hướng phát triển bền vững:

BSC xác định xây dựng văn hóa đề cao tính trách nhiệm với môi trường và tinh thần vì cộng đồng, trợ giúp các hoàn cảnh khó khăn trong xã hội là một trong những nhân tố để phát triển bền vững cho giai đoạn tới. BSC sẽ tiếp tục thực hiện các chương trình từ thiện hoặc thành lập học bổng. Đây không đơn thuần là chuyện của doanh nghiệp đi làm từ thiện, mà chính là cuộc hành trình của những trái tim đầy nhiệt huyết sẵn sàng sẻ chia lòng yêu thương đến từng hoàn cảnh còn nhiều khó khăn trong cuộc sống. Cho đi là để góp phần tái thiết tổ chức và quốc gia được thịnh vượng hơn.



2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN

Năm 1999: Được cấp phép thành lập ngày 26/11/1999, với tên giao dịch: Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – có trụ sở tại Hà Nội, là Công ty chứng khoán đầu tiên trong ngành ngân hàng tham gia kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán và cũng là một trong hai Công ty chứng khoán đầu tiên có những đóng góp cho thị trường chứng khoán Việt Nam.

Năm 2010: Ngày 17 tháng 11 năm 2010, Công ty đã thực hiện thành công việc chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng. Đây là một bước ngoặt lớn đánh dấu sự trưởng thành của Công ty và cũng mở ra một chặng đường đầy thách thức với toàn thể Ban lãnh đạo cũng như cán bộ nhân viên khi Công ty chuyển đổi mô hình hoạt động kinh doanh từ Công ty TNHH Nhà nước một thành viên sang mô hình Công ty cổ phần.

Năm 2011: Từ 01/01/2011 Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam với số vốn điều lệ là 865 tỷ đồng, đi vào hoạt động với mô hình mới. Ngày 19/07/2011, Công ty chính thức niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là BSI.

Năm 2013: BSC có mặt trong TOP10 thị phần môi giới cổ phiếu của hai sàn (giữ vị trí thứ 9 trong TOP10 thị phần môi giới cổ phiếu trên cả hai Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Hồ Chí Minh). Năm 2013 cũng là một năm ghi nhận nỗ lực của BSC trong hoạt động môi giới trái phiếu, Công ty đã vươn lên giữ vị trí dẫn đầu thị phần môi giới trái phiếu Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Năm 2014 & 2015: Hoạt động tư vấn tài chính đã đạt được các thành tựu nổi trội với các thương vụ gây tiếng vang trên thị trường đặc biệt là thương vụ như tư vấn IPO cho Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam; Tư vấn phát hành 3.000 tỷ đồng trái phiếu Vinacomin; Tư vấn IPO cho Vinatex và Vietnam Airlines.

Năm 2016: Vươn lên vị trí TOP 7 trên sàn HOSE, TOP 9 sàn UPCOM các CTCK có thị phần môi giới CP/CCQ lớn nhất, đồng thời, tiếp tục giữ vững vị trí TOP 1 thị phần môi giới trái phiếu chính phủ sàn HNX. Nâng tổng mức vốn điều lệ lên 902 tỷ đồng, đáp ứng điều kiện cung cấp nghiệp vụ chứng khoán phái sinh.

3. CÁC THÀNH TỰU ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

Năm 2005: Được Bộ Tài chính tặng bằng khen về việc tổ chức bán đấu giá thành công cổ phần của Công ty Cổ phần sữa Việt Nam (Vinamilk).

Năm 2009: Được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội tôn vinh là 1 trong 15 Công ty chứng khoán tiêu biểu trong gần 100 thành viên giao dịch.

Năm 2010: Nhận giải thưởng Công ty tư vấn chứng khoán tốt nhất do Diễn đàn kinh tế Việt Nam và báo Vietnamnet bình chọn.

Năm 2011: Nhận Huân chương lao động hạng 3 do Nhà nước trao tặng vì sự nghiệp đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán.

Năm 2014:

- Nhận bằng khen của Bộ tài chính vì đã có những đóng góp vào thị trường chứng khoán giai đoạn 2009- 2013.
- Nhận giải thưởng Ngân hàng Đầu tư tốt nhất Việt Nam do tạp chí Alpha South East Asia bình chọn.
- Được Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vinh danh TOP3 Công ty chứng khoán có thị phần môi giới trái phiếu lớn nhất năm 2014 và TOP5 Công ty chứng khoán có giá trị bán đấu giá cổ phần lớn nhất năm 2014.
- Được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội biểu dương TOP5 thành viên tiêu biểu thị trường Trái phiếu chính phủ năm 2014.

Năm 2015:

- Nhận giải thưởng “Nhà thu xếp chứng khoán nợ tốt nhất Việt Nam” – Tạp chí Finance Asia và Alpha South East Asia bình chọn.

- Nhận giải thưởng “Nhà thu xếp chứng khoán vốn tốt nhất Việt Nam” – Tạp chí Alpha South East Asia bình chọn.

- Nhận giải thưởng “Công ty chứng khoán thành viên tiêu biểu giai đoạn 2005 – 2015” do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội biểu dương.

- Tiếp tục giữ vững vị trí số 1 trong bảng xếp hạng các Công ty chứng khoán về đầu thầu trái phiếu chính phủ và dẫn đầu thị phần môi giới trái phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- Thành viên tiêu biểu thị trường trái phiếu chính phủ 2015 do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội biểu dương.

- Được Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vinh danh nằm trong TOP5 Công ty chứng khoán có thị phần môi giới trái phiếu lớn nhất năm 2015, TOP10 Công ty chứng khoán có thị phần môi giới cổ phiếu lớn nhất năm 2015 và là Công ty chứng khoán có thương vụ IPO điển hình.

Năm 2016:

- Nhận giải thưởng “Best Investment Management 2016” do tạp chí World Finance bình chọn

- Được tạp chí CFI – một tạp chí uy tín về tài chính của Anh - bình chọn là Công ty môi giới chứng khoán tốt nhất Việt Nam năm 2016

- Được Bộ tài chính tặng bằng khen với thành tích xuất sắc trong công tác huy động vốn cho NSNN thông qua phát hành trái phiếu chính phủ, góp phần vào thành công chung của ngành, hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ Tài chính – Ngân sách năm 2016.

4. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NỔI BẬT

CHỈ TIÊU	Năm 2015	Năm 2016	% Tăng trưởng
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Triệu đồng)			
Doanh thu hoạt động	493,164	647,792	31%
1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	107,576	346,302	222%
2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	91,426	23,650	-74%
3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	83,629	101,157	21%
4. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	108,287	136,586	26%
5. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	32,588	11,759	-64%
6. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	36	60	67%
7. Doanh thu lưu ký chứng khoán	9,378	8,548	-9%
8. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	60,244	19,730	-67%
Chi phí hoạt động	(233,955)	(394,458)	69%
1. Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	(119,190)	(266,013)	123%
2. Lỗ từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	(266)	(21)	-92%
3. Chi phí lãi vay, lỗ từ các khoản cho vay và phải thu	(4,323)	(5,981)	38%
4. Chi phí hoạt động tự doanh	(2,474)	(2,377)	-4%
5. Chi phí môi giới chứng khoán	(76,562)	(94,990)	24%
6. Chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	(7,024)	(560)	-92%
7. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	(17,838)	(16,759)	-6%
8. Chi phí lưu ký chứng khoán	(6,277)	(7,757)	24%
Doanh thu hoạt động tài chính	3,879	4,228	9%
Chi phí tài chính	(101,210)	(55,878)	-45%
Chi phí quản lý	(60,334)	(75,712)	25%

CHỈ TIÊU	Năm 2015	Năm 2016	% Tăng trưởng
Lợi nhuận hoạt động	101,543	125,973	24%
Lợi nhuận khác	(53)	27	
Lợi nhuận trước thuế	101,491	126,000	24%
Chi phí thuế	-	(10,958)	
Lợi nhuận sau thuế	101,491	115,042	13%
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (triệu đồng)			
Tổng tài sản	2,118,659	1,445,954	-32%
1. Tài sản ngắn hạn	2,080,224	1,362,064	-35%
2. Tài sản dài hạn	38,435	83,889	118%
Tổng nguồn vốn	2,118,659	1,445,954	-32%
1. Nợ phải trả	1,249,523	462,018	-63%
2. Vốn chủ sở hữu	869,135	983,935	13%
CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU			
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	1.67	2.01	20%
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	59%	48%	-18%
- Hệ số Nợ/Tổng vốn chủ sở hữu	142%	92%	-35%
3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu hoạt động	21%	18%	-14%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	5%	6%	26%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	12%	6%	-48%
4. Chỉ tiêu cho một đơn vị cổ phiếu			
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)	1,173	1,275	9%
- Giá trị sổ sách trên một cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10,048	10,906	9%

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

5.1. CỔ PHẦN

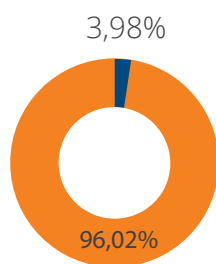
- Tổng số cổ phần: 90.219.115
- Loại cổ phần: Phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 VNĐ
- Số cổ phiếu quỹ: 5.133
- Số cổ phần đang lưu hành: 90.213.982
- Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0
- Số cổ đông lớn: 2 cổ đông – PYN ELITE FUND và BIDV: chiếm 96.02%

5.2. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tiêu chí	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông lớn và cổ đông nhỏ			
Cổ đông nhỏ	537	3,589,164	3.98%
Cổ đông lớn	2	86,629,951	96.02%
Cổ đông tổ chức và cá nhân			
Nhà đầu tư cá nhân	526	2,157,246	2.39%
Nhà đầu tư tổ chức	13	88,061,869	97.61%
Cổ đông nước ngoài và trong nước			
Nhà đầu tư trong nước	505	82,559,587	91.51%
Nhà đầu tư nước ngoài	34	7,659,528	8.49%
Cổ đông nhà nước và cổ đông khác			
Cổ đông nhà nước	1	79,503,019	88.12%
Cổ đông khác	538	10,716,096	11.88%
Tổng	539	90,219,115	

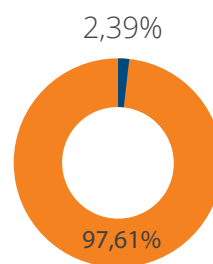


Cổ đông lớn và cổ đông nhỏ



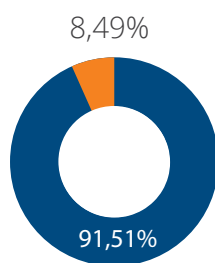
Cổ đông nhỏ ■ Cổ đông lớn

NDT tổ chức và cá nhân



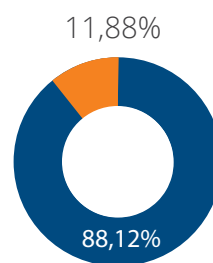
NDT cá nhân ■ NDT tổ chức

NDT trong nước và nước ngoài



NDT trong nước ■ NDT nước ngoài

Cổ đông nhà nước và cổ đông khác



CĐ nhà nước ■ CĐ khác

5.3. TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ TRONG NĂM 2016

Để đáp ứng yêu cầu về quy mô vốn điều lệ phù hợp với các nhu cầu hoạt động cung cấp nghiệp vụ chứng khoán phái sinh, trong năm 2016 BSC đã thực hiện tăng vốn Điều lệ lên 902 tỷ đồng thông qua hình thức tạm ứng cổ tức bằng cổ phiếu.

Vốn điều lệ sau khi phát hành cổ phiếu trả cổ tức

Vốn điều lệ: 902.191.150.000

Số cổ phiếu đã phân phối: 3.179.115

Mệnh giá: 10.000 đồng/Cổ phần

Mã chứng khoán: BSI

Số cổ đông được phân phối: 395

Phương thức xử lý cổ phiếu lẻ: số lượng cổ phiếu chia cho cổ đông hiện hữu được làm tròn đến hàng đơn vị. Cổ phiếu lẻ (hàng thập phân) bị hủy bỏ.





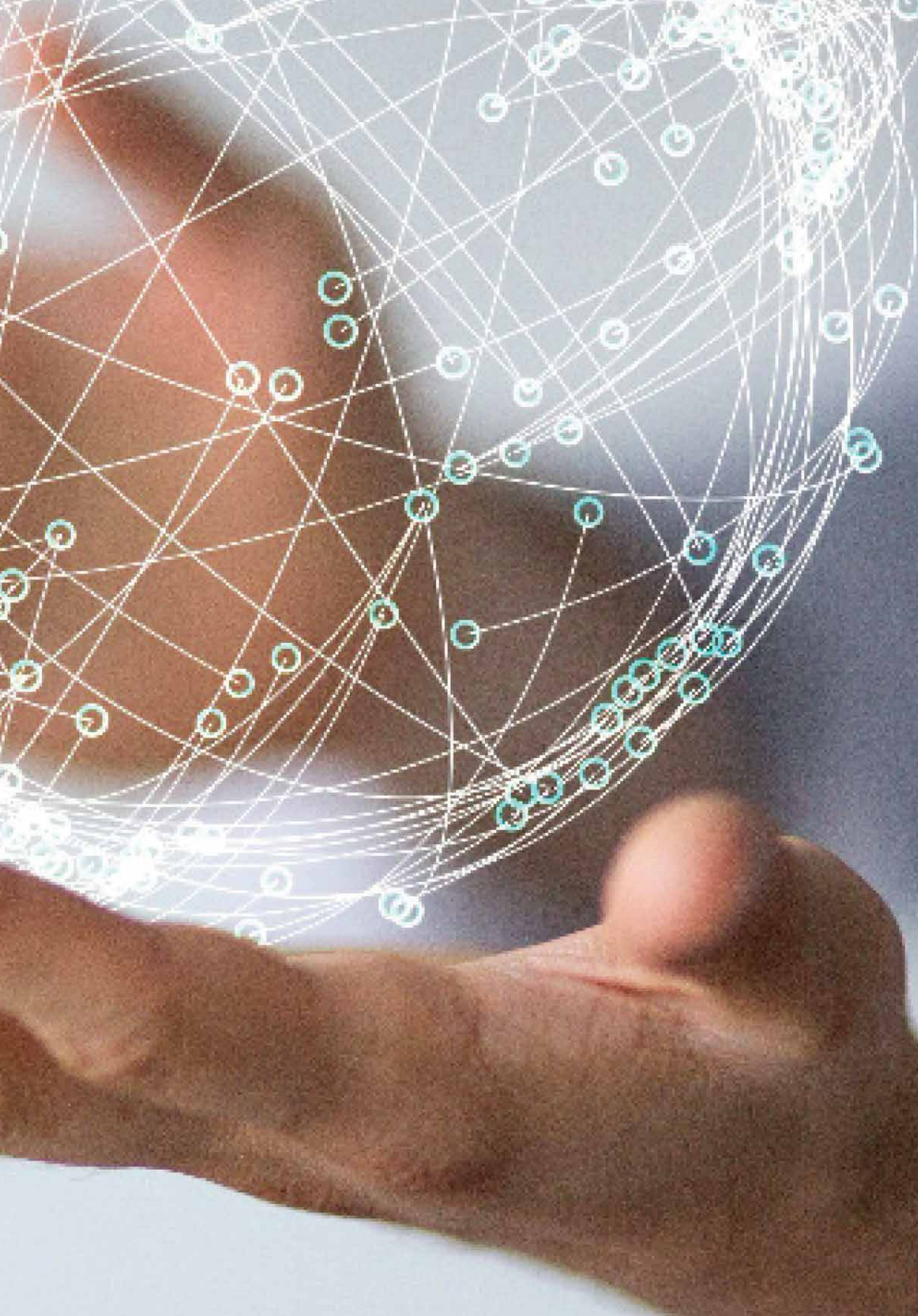
5.4. THAY ĐỔI SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU QUỸ

STT	Ngày giao dịch	Giá giao dịch (VNĐ)	Số lượng	Mục đích
I	Số dư đầu kỳ		97	Giao dịch lô lẻ theo yêu cầu khách hàng
II	Phát sinh tăng trong kỳ		5,036	
1	15/02/2016	8,378	7	Giao dịch lô lẻ theo yêu cầu khách hàng
2	11/03/2016	8,739	1	Giao dịch lô lẻ theo yêu cầu khách hàng
3	14/03/2016	8,919	8	Giao dịch lô lẻ theo yêu cầu khách hàng
4	08/04/2016	8,739	6	Giao dịch lô lẻ theo yêu cầu khách hàng
5	10/05/2016	8,559	6	Giao dịch lô lẻ theo yêu cầu khách hàng
6	28/06/2016	8,600	5,000	Mua sửa lỗi qua VSD
7	07/11/2016	8,198	8	Giao dịch lô lẻ theo yêu cầu khách hàng
III	Giảm trong kỳ		-	
IV	Dư cuối kỳ		5,133	

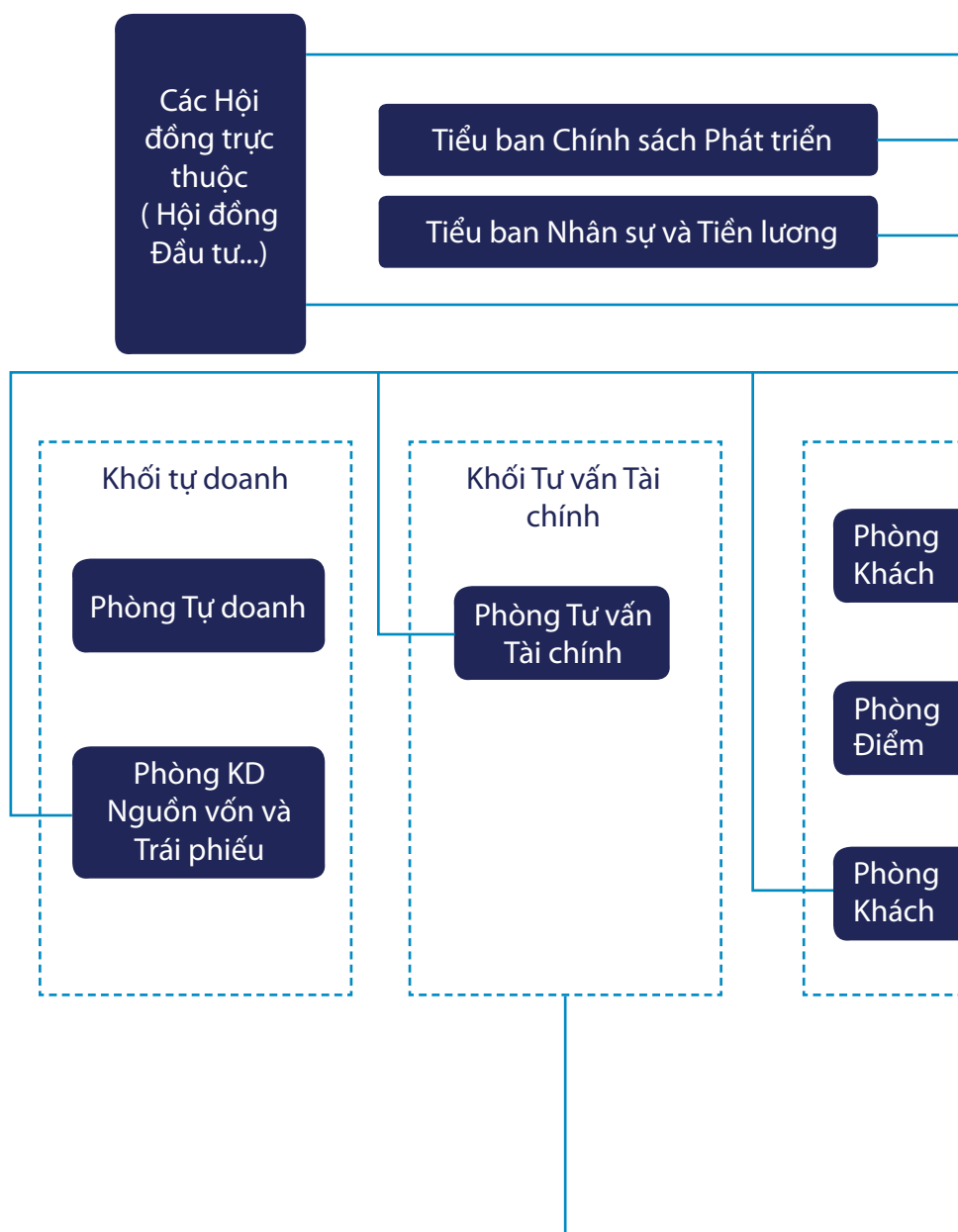
6. CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT: KHÔNG CÓ

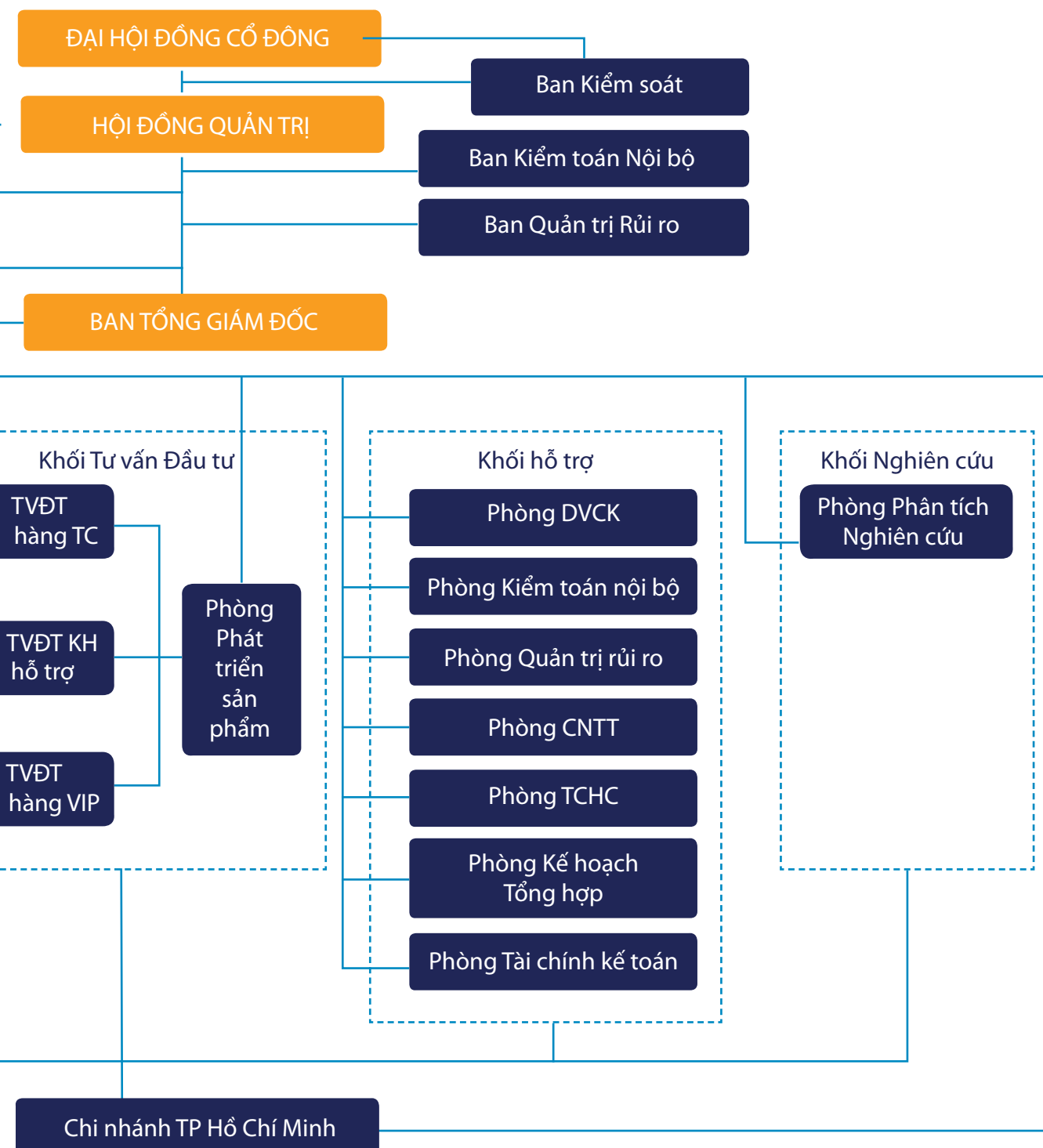


II. QUẢN TRỊ CÔNG TY



1. MÔ HÌNH TỔ CHỨC NHÂN SỰ







2. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông **ĐOÀN ÁNH SÁNG**
Chủ tịch HĐQT

Cử nhân Tài chính - Ngân hàng
• Quá trình công tác: Công tác tại BIDV từ năm 1983 và hiện đang là Phó Tổng Giám đốc BIDV

- Được bầu làm chủ tịch HĐQT BSC từ ngày 26/7/2014
- Tỷ lệ sở hữu cá nhân: 0,0000%
- Tỷ lệ sở hữu do BIDV ủy quyền đại diện: 35,25%

Ông **ĐỖ HUY HOÀI**

Phó chủ tịch HĐQT

Tổng Giám đốc

Thạc sỹ Tài chính ngân hàng

• Quá trình công tác: Công tác tại BIDV từ tháng 02/1988. Công tác tại BSC từ năm 2007 và hiện đang là Tổng Giám đốc BSC.

• Được bầu làm thành viên HĐQT BSC từ ngày 17/12/2010.

• Tỷ lệ sở hữu cá nhân: 0,0024%

• Tỷ lệ sở hữu do BIDV ủy quyền đại diện: 26,43%



Ông **LÊ NGỌC LÂM**

Ủy Viên HĐQT

Thạc sỹ Kinh tế

• Quá trình công tác: Công tác tại BIDV từ tháng 10/1997 và hiện đang là Phó Tổng Giám đốc BIDV kiêm Giám đốc Ban Khách hàng doanh nghiệp

• Được bầu làm thành viên HĐQT BSC từ ngày 11/04/2014.

• Tỷ lệ sở hữu cá nhân: 0,0000%

Tỷ lệ sở hữu do BIDV ủy quyền đại diện:
• 13,22 %



Ông **NGUYỄN THIỀU SƠN**

Ủy Viên HĐQT

Thạc sỹ Tài chính ngân hàng

• Quá trình công tác: Công tác tại BIDV và các Công ty thuộc BIDV từ năm 1997, hiện đang là Phó Giám đốc Ban Quản lý đầu tư BIDV.

• Được bầu bổ sung tạm thời làm thành viên HĐQT BSC từ ngày 18/11/2015.

• Tỷ lệ sở hữu cá nhân: 0,0000%

• Tỷ lệ sở hữu do BIDV ủy quyền đại diện: 13,22 %



3. BÁO CÁO CỦA HĐQT

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2016

Trong năm 2016, các chỉ số cho thấy tăng trưởng kinh tế Việt Nam có dấu hiệu sụt giảm lần đầu tiên trong 4 năm qua. Tăng trưởng kinh tế cả năm đạt 6.2%, giảm 0.5% so với năm 2015 và không đạt mục tiêu tăng trưởng. Nguyên nhân dẫn đến sự suy giảm tốc độ tăng trưởng trên là do ảnh hưởng bởi sự chững lại của tăng trưởng thương mại toàn cầu và một sự xuất hiện của hàng loạt thiên tai và sự cố môi trường xảy ra trong nước tiêu biểu là sự nạn hạn hán kỷ lục trong 100 năm qua, sự xâm nhập mặn của nước biển vào sông gây thiệt hại lớn cho đồng bằng sông Cửu Long và thảm họa sinh thái tại tỉnh Hà Tĩnh gây ô nhiễm khu vực khai thác thủy sản và du lịch của địa phương này. Tuy nhiên, năm 2016 lại chứng kiến mức gia tăng chóng mặt của hai lĩnh vực cốt lõi là sản xuất công nghiệp và chế biến chế tạo, góp phần lớn vào tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam.

Năm 2016 khép lại với nhiều cột mốc được xác lập khi chứng kiến mức đỉnh của thị trường được thiết lập sau hơn 8 năm và VN-Index tăng gần 15% so với thời điểm cuối năm 2015. Thị trường chứng khoán một năm vừa qua biến động tăng giảm đột ngột dù vậy mang lại phần thưởng xứng đáng cho nhà đầu tư kiên định trong cơn hoảng loạn.

Trong bối cảnh chung của môi trường kinh doanh năm 2016, BSC đã bám sát chủ trương chỉ đạo của Hội đồng quản trị công ty, linh hoạt ứng phó với diễn biến của thị trường, chủ động và nỗ lực phấn đấu để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Hầu hết các mảng hoạt động kinh doanh đều đạt hoặc vượt kế hoạch kinh doanh đề ra đầu năm. Một số kết quả nổi bật như sau:

1. Thị phần môi giới cổ phiếu năm 2016 đạt mức 4.02%.

2. Thị phần môi giới trái phiếu chính phủ của BSC tiếp tục duy trì được vị trí đứng đầu sàn HNX.

3. Lợi nhuận trước thuế thực hiện đạt 126 tỷ đồng. Bên cạnh việc kinh doanh ổn định và bám sát kế hoạch mục tiêu năm, BSC tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động quản trị nhằm hướng đến mục tiêu phát triển bền vững. Năm 2016, BSC đã tích cực tìm kiếm cổ đông chiến lược và cổ đông tài chính để tăng quy mô vốn nâng cao năng lực tài chính đồng thời nâng cao năng lực cạnh tranh cho BSC qua việc chú trọng chuẩn hóa đội ngũ và thực hiện xây dựng cơ chế lương mới đảm bảo tính cạnh tranh nhằm thu hút và giữ chân nhân sự.

Bên cạnh việc nỗ lực đạt được kết quả kinh doanh như kỳ vọng, BSC luôn chủ động tham gia vào các hoạt động từ thiện tình nguyện đóng góp cho việc phát triển bền vững của thị trường chứng khoán nói riêng và kinh tế xã hội môi trường Việt Nam nói chung. Cụ thể, từ năm 2015 đến nay, BSC liên tục là nhà đồng hành với cuộc thi Go Finance đóng vai trò cầu nối giữa các bạn sinh viên trẻ và các doanh nghiệp hoạt động trong TTCK Việt Nam. Cuộc thi đã thu hút mối quan tâm từ đông đảo các sinh viên có đam mê với ngành tài chính và được đánh giá có sức lan tỏa lớn đến cộng đồng và xã hội. Năm 2016, BSC đã tổ chức thực hiện một số các chương trình hỗ trợ bà con có hoàn cảnh khó khăn trong đó nổi bật là các hoạt động tình nghĩa được tổ chức tại các tỉnh vùng xa xôi của đất nước như chương trình từ thiện “Tết ấm Tà Xi Láng” được tổ chức tại tỉnh Yên Bái và chương trình từ thiện “Tết yêu thương” được tổ chức tại tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2016

TỔNG KẾT CÁC CUỘC HỌP VÀ NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2016, nhằm thông qua những vấn đề lớn trong hoạt động của Công ty, HĐQT tiếp tục duy trì các cuộc họp với sự tham gia của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban điều hành và một số cán bộ chủ chốt trong Công ty. Các cuộc họp của HĐQT nhằm mục tiêu bàn bạc, thảo luận và thống nhất các quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT để kịp thời đưa ra những chỉ đạo trong điều hành hoạt động kinh doanh của BSC phù hợp với biến động của thị trường. Theo đó, HĐQT đã tổ chức năm (05) cuộc họp tập trung và hai mươi (20) cuộc họp bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

CÁC CUỘC HỌP TRỰC TIẾP CỦA HĐQT TRONG NĂM 2016

Phiên họp	Ngày	Số thành viên tham dự	Nội dung
1	22/02/2016	04	Vay vốn tại Ngân hàng TMCP Phát triển Hồ Chí Minh – Chi nhánh Hàng Xanh
2	28/04/2016	04	Bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
3	24/08/2016	04	Bổ sung kế hoạch trang bị tài sản cố định - đầu tư hệ thống phần mềm phái sinh
4	15/08/2016	04	Vay vốn tại Ngân hàng Việt Nga
5	28/10/2016	04	Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành công trình cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Chi nhánh Hồ Chí Minh

CÁC CUỘC HỌP LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN CỦA HĐQT TRONG NĂM 2016:

STT	Số văn bản	Ngày họp	Nội dung
1	01/BB-HĐQT	07/01/2016	Đề xuất thay đổi nhận diện thương hiệu công ty
2	02/BB-HĐQT	07/01/2016	Báo cáo đánh giá triển khai nghiệp vụ QTRR năm 2015 và phê duyệt chính sách QTRR cho năm 2016
3	03/BB-HĐQT	19/01/2016	Trích quỹ lương hiệu suất cao năm 2015 công ty BSC
4	04/BB-HĐQT	21/01/2016	Đề xuất tổ chức ĐHĐCĐ thường niên

3. BÁO CÁO CỦA HĐQT

CÁC CUỘC HỌP LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN CỦA HĐQT TRONG NĂM 2016: (Tiếp theo)

STT	Số văn bản	Ngày họp	Nội dung
5	05/BB-HĐQT	27/01/2016	Kế hoạch trang bị tài sản cố định và đầu tư xây dựng cơ bản năm 2016
6	07/BB-HĐQT	03/03/2016	Trích lập các quỹ và phân chia lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính 2015
7	08/BB-HĐQT	03/03/2016	Dự thảo BCKT 2015
8	09/BB-HĐQT	23/03/2016	Chiến lược đầu tư cổ phiếu năm 2016
9	11/BB-HĐQT	09/05/2016	Báo cáo đánh giá và giám sát QTRR quý 1.2016
10	12/BB-HĐQT	09/06/2016	Thoái vốn OTC
11	13/BB-HĐQT	10/06/2016	Kế hoạch tăng vốn điều lệ thông qua hình thức tạm ứng cổ tức bằng cổ phiếu năm 2016
12	14/BB-HĐQT	21/06/2016	Điều chỉnh một số nội dung thuộc Quyết định số 03/QĐ-HĐQT về phân cấp ủy quyền trong quản trị và điều hành hoạt động

STT	Số văn bản	Ngày họp	Nội dung
13	15/BB-HĐQT	27/06/2016	Bổ nhiệm kế toán trưởng
14	16/BB-HĐQT	28/06/2016	Đề xuất mở rộng diện tích trụ sở làm việc công ty BSC tại tầng 10 – 35 Hàng Vôi – Hà Nội
15	18/BB-HĐQT	04/08/2016	Tăng vốn điều lệ thông qua hình thức tạm ứng cổ tức bằng cổ phiếu năm 2016
16	21/BB-HĐQT	23/08/2016	Tham gia cung cấp dịch vụ giao dịch trong ngày theo quy định pháp luật hiện hành
17	23/BB-HĐQT	26/10/2016	Đề xuất chủ trương cải tạo sửa chữa mặt bằng tầng 10 và trang bị nội thất bổ sung cho một số phòng ban tại 35 Hàng Vôi
18	24/BB-HĐQT	14/11/2016	Trích lập quỹ dự phòng tiền lương năm 2016
19	25/BB-HĐQT	26/12/2016	Kế hoạch trang bị tài sản cố định và đầu tư xây dựng cơ bản năm 2017
20	27/BB-HĐQT	31/12/2016	Điều chỉnh lương chức danh định kỳ năm 2016

NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG CỦA TỪNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2016, mỗi thành viên HĐQT BSC đã có nhiều nỗ lực để hoàn thiện bản thân cũng như cải thiện năng lực quản trị, thông qua đó nâng cao chất lượng quản trị BSC phù hợp với quy định hiện hành và tiệm cận thông lệ quốc tế. Nội dung hoạt động của từng thành viên HĐQT:



Ông **ĐOÀN ÁNH SÁNG**

Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị
- Triệu tập và chủ tọa các cuộc họp Hội đồng quản trị
- Thông qua Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị.
- Lãnh đạo và đảm bảo sự hoạt động có hiệu quả của Hội đồng quản trị trong các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị.
- Thực hiện giám sát, chỉ đạo, định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty để hoàn thành các nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.



Ông **ĐỖ HUY HOÀI**

Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

- Tổ chức, thực hiện và giám sát các Nghị quyết/ quyết định của Hội đồng quản trị
- Thực thi những nhiệm vụ và trách nhiệm theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
- Chỉ đạo, giám sát tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty theo thẩm quyền.
- Điều hành chung mọi hoạt động của Công ty.
- Chỉ đạo, điều hành hoạt động của một số phòng nghiệp vụ theo phân công nhiệm vụ trong Ban điều hành.
- Đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời và đầy đủ từ Ban điều hành Công ty đến Hội đồng quản trị.
- Chỉ đạo công tác chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp Hội đồng quản trị



Ông **LÊ NGỌC LÂM**

Ủy viên HĐQT

- Hoàn thành các chỉ tiêu đã được giao tại Đại hội đồng cổ đông thường niên trong phạm vi thẩm quyền hoạt động của mình
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp chính thức của Hội đồng quản trị cũng như tham gia ý kiến các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT bằng văn bản
- Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị
- Tham gia chỉ đạo và hỗ trợ công ty trong các mảng nghiệp vụ đặc biệt liên quan đến hoạt động tư vấn tài chính, cổ phần hóa, M&A...



Ông **NGUYỄN THIỀU SƠN**

Ủy viên HĐQT

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp chính thức của Hội đồng quản trị cũng như tham gia ý kiến các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT bằng văn bản
- Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị
- Tham gia chỉ đạo và hỗ trợ công ty trong các mảng nghiệp vụ đặc biệt liên quan đến hoạt động đầu tư

KẾT QUẢ GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm 2016, với các hình thức kiểm tra, giám sát trực tiếp và gián tiếp việc thực hiện các nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, hoạt động của Ban Tổng giám đốc đã đạt được những kết quả như sau:

- Phân công nhiệm vụ rõ ràng của Tổng Giám đốc cho các thành viên trong ban Tổng Giám đốc và định kỳ tổ chức các cuộc họp giao ban hàng tháng, hàng quý để đánh giá kết quả triển khai các nhiệm vụ được giao.
- Ban Tổng Giám đốc đã tiếp thu và có những biện pháp triển khai những nhiệm vụ mà Hội đồng quản trị phân quyền, thường xuyên cập nhật tình hình hoạt động Công ty qua báo cáo trực tiếp hoặc báo cáo bằng các văn bản định kỳ.
- Ban Tổng Giám đốc định kỳ thực hiện báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và kết quả thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT.
- Ban Tổng giám đốc đã triển khai hoạt động kinh doanh của đơn vị phù hợp với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của Hội đồng quản trị và tuân thủ đúng Điều lệ Công ty, quy định của pháp luật.
- Kiểm soát có hiệu quả, thực hiện tốt vai trò quản trị rủi ro trong các mảng hoạt động nghiệp vụ của Công ty theo đúng các quy định của pháp luật và các quy định về kinh doanh chứng khoán.
- Ban Tổng Giám đốc đã chủ động trong việc xây dựng và đề xuất những vấn đề trọng yếu của Công ty lên Hội đồng quản trị.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2017

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị BSC sẽ tiếp tục đồng hành và sát cánh cùng Ban điều hành để định hướng và chỉ đạo hoạt động kinh doanh của Công ty nhằm giữ vững thành quả đã đạt được và nâng cao năng lực cạnh tranh trên phạm vi toàn Công ty. Cụ thể:

- Nâng cao năng lực tài chính thông qua việc phát hành cổ phiếu tăng vốn, từng bước tự chủ tài chính trong điều kiện hội nhập để củng cố và xây dựng vị thế BSC trên thị trường trong nước và khu vực ASEAN
- Tập trung phát triển dịch vụ trong đó đặc biệt là các nghiệp vụ Ngân hàng Đầu tư, M&A. Lấy tư vấn làm thế mạnh nổi trội, vượt trội của BSC trong giai đoạn tới, thể hiện đẳng cấp và giá trị của BSC
- Lấy sự hài lòng của khách hàng và đối tác làm thước đo uy tín của BSC; thúc đẩy quảng bá thương hiệu;
- Nâng cao năng lực quản trị theo mô hình hoạt động của một công ty chứng khoán hội nhập đầy đủ. Nâng cao kỹ năng, tính chuyên nghiệp và đạo đức nghề nghiệp. Xây dựng chính sách động lực, nâng cao năng lực đội ngũ
- Tham gia các giao dịch tư vấn IPO lớn cho các Doanh nghiệp nhà nước trong thời gian tới. Nghiên cứu thực hiện các giao dịch tư vấn phát hành, niêm yết ra thị trường khu vực và quốc tế trong bối cảnh cộng đồng kinh tế chung ASEAN đang được hình thành.





4. BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 1 (2011-2015) lần đầu được ĐHĐCĐ bầu vào ngày 17/12/2010 có 03 thành viên. Các thành viên BKS cũng bầu chức danh Trưởng ban tại cùng ngày. Sau đó tại ĐHĐCĐ bất thường ngày 31/07/2011, một thành viên BKS xin miễn nhiệm và Đại hội đã bầu bổ sung một thành viên mới.

Tiếp đến tại ĐHĐCĐ thường niên ngày 11/04/2015, Trưởng Ban Kiểm soát xin miễn nhiệm, Đại hội bầu bổ sung 01 thành viên mới, cùng ngày BKS họp và bầu Trưởng ban kiểm soát mới. Tiếp đó tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 thực hiện bầu BKS mới nhiệm kỳ II (2016-2020) sau khi BKS nhiệm kỳ I (2011-2015) kết thúc nhiệm kỳ, Thành phần Ban kiểm soát tại thời điểm hiện tại như sau:

- Bà Phạm Thanh Thủy : Trưởng BKS
- Bà Hoàng Thị Hương : Thành viên BKS
- Ông Trần Minh Hải : Thành viên BKS

Bà **PHẠM THANH THỦY**

Sinh năm 1974

Trưởng Ban Kiểm Soát

Thạc sỹ kinh tế

- Công tác tại BIDV từ năm 1995
- Được bầu làm trưởng BKS BSC ngày 11/04/2015
- Tỷ lệ sở hữu cá nhân: 0,0000%



Bà **HOÀNG THỊ HƯƠNG**

Sinh năm 1974

Thành viên Ban kiểm soát

Thạc sỹ kinh tế

- Công tác tại BIDV từ năm 1997, hiện đang là Phó Giám đốc Ban Kiểm tra và giám sát BIDV.
- Được bầu làm thành viên BKS BSC ngày 17/12/2010.
- Tỷ lệ sở hữu cá nhân: 0,0000%



Ông **TRẦN MINH HẢI**

Sinh năm 1973

Thành viên Ban kiểm soát

Cử nhân Tài chính ngân hàng

- Công tác tại BIDV từ năm 1997; công tác tại BSC từ năm 1999 và hiện đang là Chuyên viên Phòng Kiểm soát nội bộ BSC
- Được bầu làm thành viên BKS BSC ngày 31/07/2011
- Tỷ lệ sở hữu cá nhân: 0,0000%



5. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT



HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2016

Ban Kiểm soát của BSC hoạt động theo hình thức bán chuyên trách. Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2016 bao gồm:

- Thực hiện tổ chức họp để xây dựng kế hoạch hoạt động năm của Ban Kiểm soát và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên.
- Giám sát hoạt động Hội Đồng Quản Trị và Tổng Giám Đốc trong việc điều hành hoạt động kinh doanh và quản trị công ty đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật và Điều lệ hoạt động của Công ty;
- Thực hiện giám sát theo định kỳ tình hình chấp hành nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, tình hình kinh doanh và tình hình tài chính năm 2016.
- Xem xét tính hợp pháp, hợp lý, trung thực, mức độ cần trọng trong công tác quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, trong công tác tổ chức kế toán, công tác lập báo cáo tài chính.
- Tham gia các phiên họp thường kỳ và đột

xuất của Hội đồng quản trị để nắm bắt và giám sát tình hình quản trị, điều hành hoạt động của công ty.

- Tham gia xem xét và thống nhất các số liệu trong báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính hàng quý, 6 tháng, năm 2016, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị. Ban kiểm soát đánh giá các nội dung của báo cáo tài chính, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã đảm bảo tuân thủ theo các quy định hiện hành và được soát xét bởi công ty kiểm toán độc lập.
- Tham khảo ý kiến về việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập.
- Ngoài ra Ban kiểm soát tham gia các ý kiến đóng góp các biện pháp tổ chức quản lý điều hành hoạt động kinh doanh với Hội đồng quản trị và ban điều hành nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và quản trị rủi ro trong kinh doanh.
- Tiếp nhận và giải quyết khiếu nại của các nhóm cổ đông lên Ban kiểm soát trong năm: Không phát sinh.



CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2016:

Ban Kiểm soát đã tổ chức 03 cuộc họp với sự tham gia đầy đủ của các thành viên.

- Tháng 3/2016: Họp chuẩn bị ĐHCĐ thường niên năm 2016.
- Tháng 4/2016: Ngay sau khi kết thúc ĐHCĐ, Ban Kiểm soát thực hiện tổ chức họp xây dựng kế hoạch nhiệm vụ năm 2016, phân công nhiệm vụ và bầu Trưởng Ban Kiểm soát.
- Tháng 7/2016: tổ chức họp thông qua báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2016 đã được soát xét.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2016 CỦA BKS VÀ CÁC THÀNH VIÊN BKS

- Trong năm, BKS đã thực hiện đúng chức trách vai trò quyền hạn theo luật định, Điều lệ công ty và Quy chế hoạt động của BKS trong quá trình giám sát hoạt động của Công ty.
- Đáp ứng yêu cầu thay mặt cổ đông giám sát hoạt động của Công ty trong năm thông qua giám sát việc quản lý điều hành của HĐQT, Tổng Giám đốc và các bộ phận tác nghiệp quản trị rủi ro, kiểm tra nội bộ của Công ty.
- Trưởng Ban Kiểm soát và các thành viên trong Ban Kiểm soát đã hoàn thành vai trò trách nhiệm trong thực thi kế hoạch mà Ban Kiểm soát đề ra cho từng thành viên trong năm.

6. BAN ĐIỀU HÀNH

6.1. CƠ CẤU BAN ĐIỀU HÀNH

Ông ĐỖ HUY HOÀI

Sinh năm 1963

Phó chủ tịch HĐQT

Tổng Giám đốc

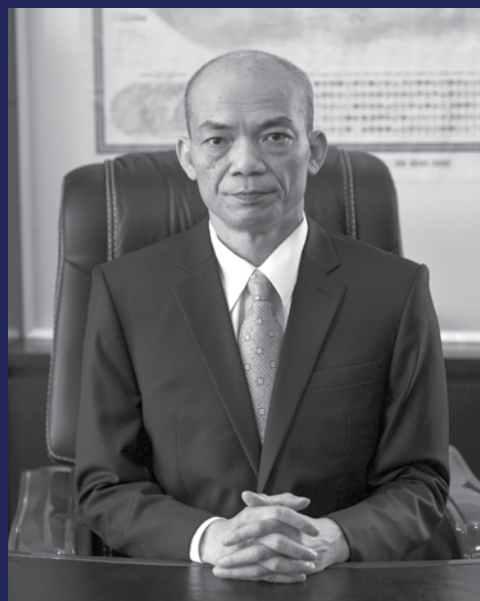
Thạc sĩ Tài chính ngân hàng

• *Quá trình công tác: Công tác tại BIDV từ tháng 02/1988. Công tác tại BSC từ năm 2007 và hiện đang là Tổng Giám đốc BSC.*

• *Được bầu làm thành viên HĐQT BSC kiêm Tổng Giám đốc từ ngày 17/12/2010 và tái bổ nhiệm ngày 17/12/2015.*

• *Tỷ lệ sở hữu cá nhân: 0,0024%*

• *Tỷ lệ sở hữu do BIDV ủy quyền đại diện: 26,43%*



Bà TRẦN THỊ THU THANH

Sinh năm 1975

Phó Tổng Giám đốc

Cử nhân Tài chính ngân hàng

• *Quá trình công tác: Công tác tại BIDV từ năm 1998. Công tác tại BSC từ năm 2007.*

• *Được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc BSC từ ngày 01/04/2008 và tái bổ nhiệm từ ngày 01/04/2016.*

• *Tỷ lệ sở hữu cá nhân: 0,0111%*



Ông LÊ QUANG HUY

Sinh năm 1978

Phó Tổng Giám Đốc

Cử nhân Tài chính ngân hàng

- Quá trình công tác: Công tác tại BIDV từ năm 2002. Công tác tại BSC từ năm 2007.
- Được bổ nhiệm Phó Tổng Giám Đốc BSC từ ngày 15/05/2012 và tái bổ nhiệm từ ngày 15/05/2015.
- Tỷ lệ sở hữu cá nhân: 0,0000%



Bà NGÔ THỊ PHONG LAN

Sinh năm 1978

Phó Tổng Giám Đốc

Giám đốc Chi nhánh Công ty tại Tp Hồ Chí Minh

Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

- Quá trình công tác: Công tác tại BSC từ năm 2001
- Được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 27/10/2014.
- Tỷ lệ sở hữu cá nhân: 0,0116%



6.2. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm 2016 vừa qua là một năm đầy biến động với nền kinh tế Việt Nam mặc dù vậy, bức tranh chủ đạo của nền kinh tế Việt Nam đã có nhiều cải thiện đáng kể. Diễn biến kinh tế chính trị trong nước và quốc tế dù có ảnh hưởng nhất định đến thị trường chứng khoán nhưng nhìn chung năm qua được đánh giá là một năm tương đối khởi sắc của thị trường chứng khoán Việt Nam trên các phương diện tốc độ tăng chỉ số, mức độ ổn định, khối lượng giao dịch và phản ánh khá rõ nét những chuyển biến tích cực trong nền kinh tế. Tình hình huy động vốn qua thị trường chứng khoán tiếp tục duy trì ở mức cao, nhiều doanh nghiệp đầu ngành đã thực hiện các đợt IPO và niêm yết vào giai đoạn nửa cuối năm 2016.

Trong bối cảnh chung của môi trường kinh doanh năm 2016, BSC đã bám sát chủ trương chỉ đạo của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Hội đồng quản trị Công ty, linh hoạt ứng phó với diễn biến của thị trường, chủ động và nỗ lực phấn đấu để hoàn thành kế hoạch được giao. Theo đó, lợi nhuận trước thuế thực hiện đạt 126 tỷ đồng, tăng trưởng 24% so với năm 2015 đạt 168% kế hoạch Đại hội cổ đông phê duyệt. Ngoài việc hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh trong năm vừa qua, BSC đã tích cực đẩy mạnh triển khai và hoàn thành các dự án nâng cao năng lực hoạt động và cạnh tranh trên thị trường, tiêu biểu như:

- Thực hiện tăng vốn Điều lệ lên 902 tỷ đồng thông qua hình thức tạm ứng cổ tức bằng cổ phiếu để đáp ứng yêu cầu về quy mô vốn điều lệ phù hợp với các nhu cầu hoạt động cung cấp nghiệp vụ chứng khoán phái sinh
- Triển khai thành công các hệ thống giao dịch trực tuyến cho iPhone, iPad và hệ điều hành Android hỗ trợ khách hàng giao dịch thuận tiện và dễ dàng hơn.

- Triển khai thực hiện dự án tư vấn xây dựng cơ chế lương mới đảm bảo tính cạnh tranh trong thu hút và duy trì nhân sự.

Tự hào với truyền thống và giá trị văn hóa riêng có được xây dựng qua hơn 15 năm phát triển cùng thị trường chứng khoán Việt Nam, đến nay BSC đã đào tạo và xây dựng được các lớp cán bộ kế cận có trình độ chuyên môn sâu, nhiệt huyết với công việc và gắn bó với Công ty tạo nên một khối thống nhất có sức mạnh vượt qua các giai đoạn khó khăn nhất. Ngoài ra, Công ty tiếp tục có những cải tiến về các chính sách quản trị nhân sự, đãi ngộ phù hợp tạo động lực cho cán bộ phát triển hoạt động kinh doanh.

Năm 2017 được dự báo có nhiều biến động có tác động tới tăng trưởng trung và dài hạn của nhiều nền kinh tế, là một năm có nhiều khó khăn với thị trường chứng khoán nói riêng cũng như kinh tế toàn cầu. Trên cơ sở đánh giá vĩ mô, doanh nghiệp và các thông tin tác động đến thị trường, BSC đã xây dựng những định hướng kinh doanh cho năm 2017 hướng tới mục tiêu tăng trưởng bền vững và trở lại vị thế TOP đầu của BSC trên thị trường, thông qua việc đảm bảo hoạt động kinh doanh có lãi và hoàn thiện mô hình tổ chức, cơ cấu nhân sự các phòng và đảm bảo các chính sách động lực đi vào hoạt động sẽ thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động của toàn Công ty.



7. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC & BAN KIỂM SOÁT

7.1. THÙ LAO HĐQT VÀ BSK

Thù lao HĐQT và BKS BSC năm 2016 được ĐHCĐ phê duyệt tại Nghị quyết số 08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/4/2016. Trên cơ sở hoạt động thực tế của HĐQT, BKS, Công ty đã thực hiện thanh toán thù lao (trước thuế Thu nhập cá nhân) cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát BSC như sau:

Mức thù lao thực hiện

- Chủ tịch Hội đồng Quản trị :	60 triệu đồng/năm (5.000.000 đồng/tháng)
- Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị :	0 triệu đồng/năm
- Thành viên Hội đồng Quản trị :	72 triệu đồng/năm (6.000.000 đồng/tháng)
- Trưởng ban Kiểm soát :	30 triệu đồng/năm (2.500.000 đồng /tháng)
- Thành viên Ban Kiểm soát :	12 triệu đồng/năm (1.000.000 đồng/tháng)

Theo đó, tổng thù lao thực hiện chi trả cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát BSC tính từ 01/01/2016 đến 31/12/2016 là 174.000.000 VNĐ (Một trăm bảy mươi tư triệu đồng). Đối với các thành viên chuyên trách thì không được hưởng thù lao do đã hưởng lương, phụ cấp, tiền thưởng và các quyền lợi khác của Công ty. Đối với các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát làm đại diện phần vốn của BIDV tại BSC, thù lao được chuyển về BIDV mà không chuyển vào tài khoản cá nhân.

Phụ cấp tham gia hội họp thực hiện

- Thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát: 2.000.000 đồng/người/lần họp
- Tổng phụ cấp tham gia hội họp thực hiện chi trả cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát BSC tính từ 01/01/2016 đến 31/12/2016 là 58.000.000 VNĐ (Năm mươi tám triệu đồng).



7.2. THU NHẬP CỦA HĐQT, BKS VÀ BAN GIÁM ĐỐC:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	6,329,604,562	5,341,331,325

7.3. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ:

STT	NGƯỜI THỰC HIỆN GIAO DỊCH	QUAN HỆ VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU ĐẦU KỲ		SỐ CỔ PHIẾU THAY ĐỔI TRONG KỲ		SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU CUỐI KỲ		LÝ DO TĂNG GIẢM (MUA, BÁN, CHUYỂN ĐỔI, THƯỜNG,...)
			Số lượng	Tỷ lệ	Số CP tăng	Số CP giảm	Số lượng	Tỷ lệ	
1	Ông Trần Minh Hải	Thành viên ban Kiểm soát	4.008	0,00463%	172	4.180	0	0%	
					172				Nhận tạm ứng cổ tức bằng cổ phiếu năm 2016, tỷ lệ 4,3%
						4.180			Bán 4.180 cổ phiếu với mục đích phục vụ nhu cầu chi tiêu cá nhân
2	PYN ELITE FUND (NON-UCITS)	Cổ đông lớn	1.129.710	1,31%	5.997.222	-	7.126.932	0,79%	
					3.253.030				mua qua sàn, nâng tỷ lệ sở hữu lên 5,07% trở thành cổ đông lớn của BSC
					2.450.369				mua qua sàn từ ngày 13/07/2016 đến ngày 02/08/2016, nâng tỷ lệ sở hữu lên 7,9%
					293.823				Nhận tạm ứng cổ tức bằng cổ phiếu năm 2016, tỷ lệ 4,3%

Ngoài ra, trong năm BSC cũng thực hiện tạm ứng cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 4.3% cho các cổ đông. Việc chi trả cổ tức này không làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của các thành viên có liên quan.

7.4. HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ: KHÔNG PHÁT SINH



III. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG 2016 VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN TƯƠNG LAI

1. PHÂN TÍCH TỔNG QUAN

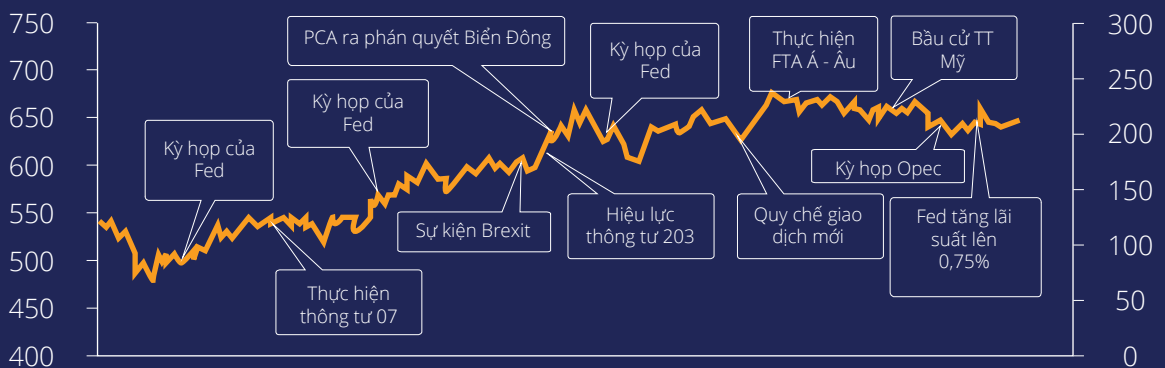
KINH TẾ VĨ MÔ

Kinh tế vĩ mô Việt Nam 2016 khá thuận lợi, thể hiện ở các điểm cụ thể như sau:

- Về GDP: Tổng sản phẩm trong nước năm 2016 ước tính tăng 6,21% YoY.
- Về lạm phát: Tính đến hết tháng 12, chỉ số giá tiêu dùng tăng 4.7% YoY, thấp hơn mức 5% đề ra cho năm 2016.
- Về đầu tư nước ngoài: FDI đạt 2,556 dự án cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 20.94 tỷ USD, tăng 27% về số dự án nhưng giảm 8.0% về giá trị YoY. Vốn FDI thực hiện đạt 15.8 tỷ USD, +9.0% YoY
- Về tỷ giá, tính chung cả năm 2016, đồng VNĐ chỉ mất giá khoảng 1.3% so với USD
- Về ngân hàng, lãi suất: Tăng trưởng tín dụng đến 20/12 ước đạt mức 16.46% tiếp tục tăng mạnh MoM, huy động vốn đạt 16.88%. Lãi suất huy động và cho vay ổn định, thanh khoản liên ngân hàng không có hiện tượng căng thẳng.

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

VN – INDEX THEO DÒNG SỰ KIỆN



Thị trường chứng khoán năm 2016 đầy bất ngờ và khó dự đoán. Biến động tăng giảm đột ngột dù vậy mang lại phần thưởng xứng đáng cho nhà đầu tư kiên định trong cơn hoảng loạn. Ngay từ trong tháng 1, chỉ số MSCI thế mới lao dốc 13% trước lo ngại tình hình dự trữ ngoại hối Trung Quốc, chỉ số VN-Index cũng giảm 9,8% nhưng đến tháng 3 các thị trường nhanh chóng lấy lại số điểm đã mất. Thị trường thế giới có phiên giao dịch tồi tệ trong tháng 6 sau sự kiện Brexit và cũng chỉ mất vài tuần để thị trường tạo đỉnh mới. Kết quả bầu cử Tổng thống Mỹ tháng 11 là cú sốc tiếp theo và cũng chỉ cần một thời gian ngắn để thị trường hồi phục. Xu hướng tăng điểm của VN-Index trong năm 2016 khá rõ rệt do có sự tham gia tích cực của cầu nội và sự hỗ trợ giá của các cổ phiếu chủ chốt. Nhìn chung chỉ số thị trường phản ánh xu hướng tăng chủ đạo trong năm 2016 và có các điểm cải thiện rõ rệt cụ thể như sau :

Thanh khoản thị trường: Thanh khoản thị trường chủ yếu tập trung tăng mạnh trong khoảng Quý II và III của năm, và có phần suy yếu trong quý cuối năm. Xu hướng rút ròng của khối ngoại làm suy yếu thanh khoản thị trường cũng như tâm lý giao dịch những tháng cuối năm. Thanh khoản bình quân năm 2016 đạt 2.936 tỷ/ phiên, tăng 18,34% so với bình quân thị trường năm 2015.

Quy mô thị trường: Tính đến hết tháng 12/2016, quy mô vốn hóa của hai sàn đạt 1.642 tỷ VND, tương đương 37,34% GDP và tăng 26,83% so năm 2015.

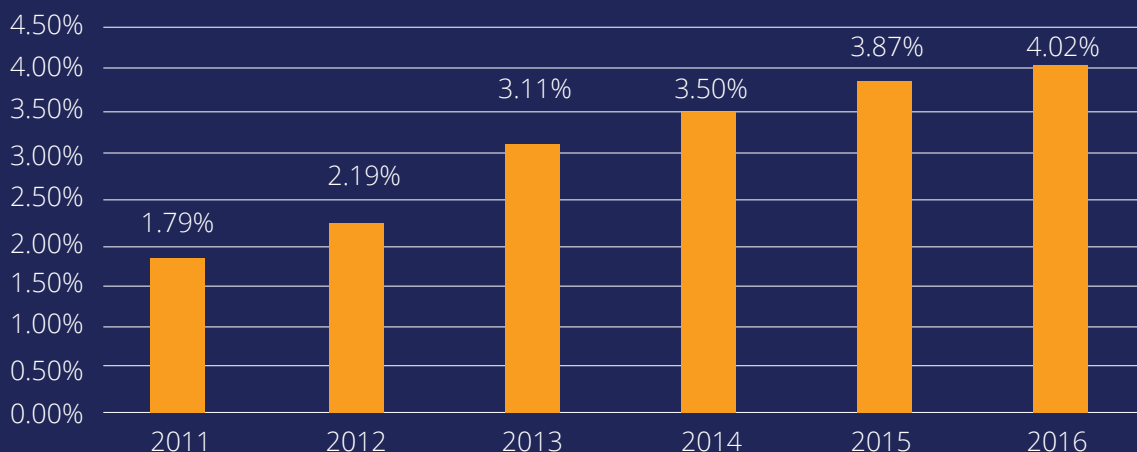
TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BSC

Kinh tế vĩ mô thuận lợi, thị trường chứng khoán có thanh khoản và qui mô gia tăng mạnh là các điều kiện thuận lợi giúp các công ty chứng khoán nói chung và BSC có những bước phát triển mạnh mẽ. Kết quả hoạt động kinh doanh của BSC trong năm 2016 rất khả quan. Công ty không chỉ đạt được tất cả các chỉ tiêu kinh doanh do Đại Hội đồng cổ đông đề ra mà còn có sự tăng trưởng tốt so với năm 2015.

Thị phần môi giới CP/CCQ:

Đóng góp nhiều phần lớn nguồn thu của công ty chứng khoán, hoạt động môi giới cổ phiếu luôn được BSC chú trọng tăng trưởng cả về chất lượng và qui mô. Năm 2016 đánh dấu năm thứ 5 liên tiếp thị phần môi giới của BSC tăng trưởng cả về chất lượng và qui mô. Năm 2016 đánh dấu năm thứ 5 liên tiếp thị phần môi giới của BSC tăng trưởng. Thị phần môi giới CP/CCQ của BSC đạt 4.02% tương ứng 103.1% kế hoạch năm được giao, tăng trưởng 3.9% so với thực hiện 2015. Thị phần môi giới CP/CCQ năm 2016 của BSC cao thứ 7 sàn HOSE và thứ 9 sàn UPCOM. Trong bối cảnh năm 2016 có nhiều biến động, thị trường có nhiều giao dịch thỏa thuận của các đối tượng khách hàng tổ chức, đạt được kết quả thị phần như trên là nỗ lực rất lớn của khối môi giới BSC.

THỊ PHẦN MÔI GIỚI CP/CCQ CỦA BSC 2011-2016



Doanh thu và lợi nhuận:

BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TỔNG QUAN CỦA CÔNG TY

CHỈ TIÊU	Thực hiện 2016	Thực hiện 2015	% Tăng trưởng so với thực hiện 2015	Kế hoạch 2016	% Tăng trưởng so với kế hoạch 2016
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (triệu đồng)					
Doanh thu hoạt động	647,792	493,164	31%	330,397	96%
1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	346,302	107,576	222%		
2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	23,650	91,426	-74%		
3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	101,157	83,629	21%		
4. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	136,586	108,287	26%		
5. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	11,759	32,588	-64%		
6. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	60	36	67%		
7. Doanh thu lưu ký chứng khoán	8,548	9,378	-9%		
8. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	19,730	60,244	-67%		
Chi phí hoạt động	(394,458)	(233,955)	69%	255,342	-254%
1. Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	(266,013)	(119,190)	123%		
2. Lỗ từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	(21)	(266)	-92%		
3. Chi phí lãi vay, lỗ từ các khoản cho vay và phải thu	(5,981)	(4,323)	38%		
4. Chi phí hoạt động tự doanh	(2,377)	(2,474)	-4%		
5. Chi phí môi giới chứng khoán	(94,990)	(76,562)	24%		
6. Chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	(560)	(7,024)	-92%		
7. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	(16,759)	(17,838)	-6%		
8. Chi phí lưu ký chứng khoán	(7,757)	(6,277)	24%		

Doanh thu hoạt động tài chính	4,228	3,879	9%		
Chi phí tài chính	(55,878)	(101,210)	-45%		
Chi phí quản lý	(75,712)	(60,334)	25%		
Lợi nhuận hoạt động	125,973	101,543	24%		
Lợi nhuận khác	27	(53)			
Lợi nhuận trước thuế	126,000	101,491	24%	75,055	68%
Chi phí thuế	(10,958)	-			
Lợi nhuận sau thuế	115,042	101,491	13%		

Mục tiêu về doanh thu lợi nhuận được ĐHĐCĐ giao phó đều được BSC hoàn thành trong năm 2016. Doanh thu đạt 647.8 tỷ đồng tăng trưởng 31% so với thực hiện 2015 và vượt kế hoạch được giao 96%. Lợi nhuận trước thuế đạt 126.0 tỷ đồng tăng trưởng 24% so với năm 2015 và vượt kế hoạch ĐHĐCĐ giao 68%.

Có thể thấy, kết quả trên không chỉ thể hiện nỗ lực xuất sắc của công ty trong việc hoàn thành kế hoạch kinh doanh của ĐHĐCĐ mà còn thể hiện sự phát triển của công ty trong giai đoạn gần đây qua mức độ tăng trưởng trong lợi nhuận so với năm 2015. BSC đang dần đi lên lấy lại sự ổn định trong tăng trưởng với mục tiêu lấy lại vị thế vốn có là 1 trong các công ty chứng khoán đứng đầu thị trường.

Những điểm nổi bật trong kết quả hoạt động kinh doanh của BSC trong năm 2016 cụ thể như sau:

Tăng thu mạnh nhờ nghiệp vụ tự doanh và môi giới :

Tập trung phát triển nhiệm vụ môi giới cổ phiếu và những điều kiện thuận lợi từ thị trường đã giúp BSC có nguồn thu từ hoạt động này tăng lên đáng kể: Doanh thu từ môi giới chứng khoán tăng 26% so với 2015; Lãi

phải thu tăng 21% so với 2015.

Ngoài ra, nhờ dự báo tốt các sóng đầu tư, tự doanh BSC đã có kết quả hoạt động rất tốt trong năm 2016. Lãi hoạt động ròng từ các tài sản tài chính ghi nhận qua lãi lỗ và các khoản đầu tư nắm giữ đến đáo hạn của BSC đạt 104 tỷ đồng tăng 31% so với thực hiện năm 2015.

Thu Tư vấn tài chính và bảo lãnh phát hành (TVTC&BLPH) tuy giảm nhưng đạt được thành tựu bước đầu ở mảng M&A:

Nghiệp vụ TVTC & BLPH có kết quả không được như ý muốn do một số hợp đồng lớn không thể triển khai được như kế hoạch. Tuy nhiên, khối đã hoàn các giao dịch lớn có tiếng vang trên thị trường. Đặc biệt là giao dịch M&A cho Công ty Eurowindow. Cụ thể, sau thời gian tư vấn và thương thảo các nội dung giao dịch thông qua hai đơn vị tư vấn là Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) và Amidas, Công ty Bunka Shutter (Nhật Bản) đã chính thức trở thành cổ đông lớn và đối tác chiến lược của Công ty Eurowindow bằng việc mua lại từ Private Equity New Markets KS (PENM) để sở hữu gần 30% cổ phần của Eurowindow. Thương vụ này đánh dấu giao dịch thành công đầu tiên của của Bộ phận M&A – Phòng TVTC, cũng là deal M&A đầu tiên của BSC. Đây là giao dịch lớn, có ý nghĩa quan trọng tạo bước tiền đề cho hoạt động M&A và các giao dịch quốc tế của BSC phát triển trong giai đoạn sắp tới.

2. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Triển vọng kinh tế vĩ mô

Sau khi đà tăng chững lại trong năm 2016, GDP được kỳ vọng sẽ tiếp tục xu hướng phục hồi trong năm 2017. Mức tăng trưởng 6.6% của GDP trong năm 2017 có thể đạt được khi giá dầu thô trung bình năm 2017 được kỳ vọng phục hồi về mức 55 USD/thùng đi cùng sự phục hồi của ngành nông nghiệp và tăng trưởng ổn định của công nghiệp sản xuất, chế biến chế tạo.

Kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam ước tính sẽ tiếp tục tăng trưởng ổn định bất chấp những vấn đề từ TPP và Brexit nhờ những hiệp định thương mại tiềm năng mới. Tăng trưởng xuất khẩu bền vững của khối FDI cũng sẽ giúp giữ cân cán cân thương mại tiếp tục thặng dư trong năm 2017. Áp dụng mô hình Arima (2,0,0) cho dữ liệu nhập khẩu và Arima (1,0,1) cho dữ liệu xuất khẩu, dự báo tổng kim ngạch xuất nhập khẩu trong năm 2017 sẽ ở mức 354 tỷ USD trong khi cán cân thương mại sẽ thặng dư gần 4 tỷ USD (trong trường hợp không có biến động lớn).

Nợ công và nợ chính phủ nhiều khả năng sẽ tiếp tục tăng trong năm 2017, tuy nhiên, nhờ (1) GDP danh nghĩa phục hồi và (2) Chính phủ có thêm nguồn thu từ thoái vốn các doanh nghiệp Nhà nước, mức độ tăng của nợ công sẽ chững lại.

Indicator /year	2012	2013	2014	2015	2016E	2017E
GDP YoY (%)	5,2	5,4	6	6,7	6,2	6,6
Inflation (%)	9,09	6,59	4,08	0,62	4,8	4,5 - 6
Trade balance (billion USD)	0,78	0,86	2,14	-3,54	2,4	4
Total trade (billion USD)	228	263	298	327	346.6	354
Exchange rate (VND/USD)	20.840	21.095	21.388	22.485	22.755	23.200
Public debt/GDP (%)	50,6	54,2	59,6	61,3	63	64,5
Government debt/GDP (%)	39,4	42,3	47,4	48,9	49,5	50
Credit growth (%)	8,91	12,51	14,16	17,29	18	18
FDI disbursed (billion USD)	10,5	11,5	12,4	14,5	16	17
FDI registered (billion USD)	13	21,6	20,2	22,76	19,1	20

Triển vọng thị trường chứng khoán:

STT	Nội dung	Nội dung chi tiết	Mức độ tác động	Chiều hướng tác động
1	Môi trường kinh tế	Dân số, thu nhập và đô thị hóa		Dài hạn
2		Kế hoạch thoái vốn các DNNN		Cung cấp hàng hóa chất lượng

STT		Nội dung	Mức độ tác động	Chiều hướng tác động
3	Môi trường kinh tế	Nâng hạng thị trường	...	Cải thiện chất lượng & quy mô
4		Tái cấu trúc TTCK		Hoàn thiện và phát triển
5		Cải thiện hệ thống luật		Cải thiện chất lượng và nâng cao quy tắc ứng xử
6	Nội tại thị trường	Vốn hóa thị trường	...	Định giá thị trường
7		Thanh khoản thị trường		Mức độ hấp dẫn của thị trường
8		Thoái vốn nhà nước		
9		Các cổ phiếu OTC		
10		Mức độ cải thiện lợi nhuận		Định giá thị trường
11		Cung cấp các sản phẩm mới		Mức độ hấp dẫn và đa dạng của thị trường
12	Các dòng vốn	Lãi suất và tỷ giá		Định giá thị trường và dòng tiền
13		Dòng tiền đầu tư nước ngoài		Dòng tiền đầu tư mới
14		Vấn đề cho vay margin	...	Rủi ro thị trường
15		Các hiệp định thương mại		
16	Các vấn đề khác	Ngân sách nhà nước	...	Áp lực thoái vốn
17		Các thị trường hàng hóa		Áp lực lên lạm phát
18		Các vấn đề địa chính trị	...	
19	Kinh tế thế giới	FED nâng lãi suất		Ảnh hưởng dòng vốn ngoại
20		Chính sách của BOJ, ECB	...	Ảnh hưởng XNK và tỷ giá
21		Chính sách kinh tế của Trung Quốc		Ảnh hưởng tỷ giá
22		Chính sách của Tổng thống Mỹ		Triển vọng XNK

Đánh giá các yếu tố tác động đến triển vọng TTCK 2017 trên cơ sở xem xét các khía cạnh (1) Môi trường kinh tế, (2) Nội tại thị trường, (3) Các dòng vốn, (4) Kinh tế thế giới và (5) Các vấn đề khác, BSC nhận thấy: TTCK vẫn được hỗ trợ bởi môi trường kinh doanh thuận lợi. Quy mô thị trường sẽ phát triển nhanh chóng nhờ hoạt động niêm yết mới, thoái vốn cổ phần hóa. Tuy nhiên quy mô thị trường tăng trưởng quá nhanh đi kèm theo các hệ lụy cung cầu không cân bằng, chất lượng cổ phiếu niêm yết và tính kiểm soát minh bạch đi xuống. Ngoài ra biến động của thị trường quốc tế, đặc biệt là hoạt động tăng lãi suất của FED cũng ảnh hưởng khá mạnh đến TTCK Việt Nam thông qua hoạt động rút dòng vốn ngoại.

Định hướng hoạt động chung 2017

Trong giai đoạn mở đầu chuẩn bị cho thời kỳ phát triển đột phá lấy lại vị thế TOP đầu thị trường, năm 2017 sẽ là năm BSC tiếp tục tập trung phát triển các nhân tố bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh. KHKD năm 2017 được xây dựng trên cơ sở chiến lược phát triển an toàn, hiệu quả và bền vững. Một số điểm chính của kế hoạch kinh doanh 2017 BSC cụ thể như sau :

Mục tiêu:

- Kinh doanh an toàn, có lãi, lợi nhuận trước thuế đạt 82.6 tỷ đồng.
- TOP 10 thị phần giao dịch cổ phiếu.
- TOP 3 thị phần giao dịch trái phiếu.
- Tiếp tục tái cơ cấu hoạt động các phòng, mô hình tổ chức công ty, nâng cao năng lực thể chế và sức mạnh hệ thống, chuẩn hóa đội ngũ, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động. Đây được coi là yếu tố nền tảng nâng cao năng lực cạnh tranh.
- Tiếp tục lộ trình tìm kiếm cổ đông tài chính để có thể sẵn sàng đàm phán, thực hiện các thủ tục hành chính phần đầu tăng vốn lên 1200 tỷ vào năm 2018.
- Tích cực tìm kiếm cổ đông tiềm năng để thực hiện việc giảm tỷ lệ sở hữu BIDV tại BSC.
- Bám sát thị trường, chuẩn bị các thủ tục cần thiết phần đầu thực hiện ESOP trong năm 2018.
- Tập trung phát triển nghiệp vụ Tư vấn tài chính, đặc biệt là mảng nghiệp vụ M&A. Đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ thúc đẩy quan hệ quốc tế, tiếp tục gây dựng thương hiệu vững mạnh.

Các biện pháp triển khai KHKD 2017:

Gia tăng chất lượng dịch vụ, đẩy mạnh phát triển thương hiệu

- Bám sát thị trường, điều chỉnh chính sách khách hàng, chính sách cho vay và chính sách sản phẩm hợp lý để cân bằng giữa tăng trưởng thị phần và quản trị rủi ro, đảm bảo sự phát triển bền vững.
- Sử dụng sự hài lòng của khách hàng và đối tác làm thước đo uy tín của BSC. Gia tăng chất lượng dịch vụ môi giới bằng việc đào tạo cán bộ tư vấn, nâng cao chất lượng báo cáo phân tích.
- Thuê tư vấn định hướng phát triển chiến lược phòng CNTT 2017 – 2020 và tầm nhìn 2030, hướng tới mục tiêu đứng đầu về chất lượng phần mềm giao dịch chứng khoán trên thị trường.
- Tiếp tục thúc đẩy phát triển quan hệ quốc tế thông qua nghiệp vụ M&A, môi giới cho khách hàng tổ chức nước ngoài, quảng bá thương hiệu BSC cho khách hàng quốc tế.
- Đẩy mạnh phát triển và quảng bá thương hiệu thông qua các kênh truyền thông. Chú trọng xây dựng các ấn phẩm có chất lượng, chuyên nghiệp.

Nâng cao năng lực tài chính của công ty

- Xác định việc phát hành tăng vốn là công tác trọng tâm, tích cực tìm kiếm đối tác chào bán chiến lược.
- Chủ động tạo mối quan hệ, tạo nguồn vay hợp lý, góp phần tăng sự linh hoạt trong quá trình sử dụng vốn.

Hoàn thiện hệ thống đánh giá năng lực và cơ chế thu hút nhân tài

- Thường xuyên cập nhật và xây dựng các chỉ tiêu KPIs mới phù hợp với định hướng kinh doanh và xu thế thị trường, nâng cao năng suất lao động.
- Tiếp tục thực hiện dự án cải tiến cơ chế tiền lương bám sát mức thị trường, hoàn thiện lộ trình công danh nhằm giữ chân và thu hút nhân sự có chất lượng, tương xứng với mục tiêu top 5 CTCK hàng đầu trên thị trường.
- Đẩy mạnh truyền thông nội bộ, tăng tính đoàn kết gắn bó của tập thể nhân viên BSC.

3. CHI TIẾT CÁC MẢNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

MÔI GIỚI

Kết quả năm 2016:

Kết quả nổi bật:

- Thị phần môi giới trái phiếu tiếp tục duy trì được vị trí dẫn đầu thị trường.
- Tăng trưởng thị phần môi giới cổ phiếu năm thứ 5 liên tiếp và đã vươn lên vị trí TOP 7 trên sàn HOSE, TOP 9 sàn UPCOM các CTCK có thị phần môi giới CP/CCQ lớn nhất.

Thị phần môi giới cổ phiếu tiếp tục đà tăng trưởng từ cuối năm 2011. Trong bối cảnh thị trường diễn biến phức tạp, thị phần môi giới cổ phiếu vẫn tận dụng được các sóng của thị trường, tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng so với năm 2015. Thị phần BSC năm 2016 bình quân cả hai sàn đã tăng trưởng 3.8%, đạt 4.02% và đã vượt 3% so với mức 3.9% như kế hoạch được giao. Đây là năm thứ năm liên tiếp thị phần BSC có sự tăng trưởng (thị phần môi giới bình quân năm 2011 là 1.78%, năm 2012 là 2.19% tăng 23%; năm 2013 là 3.11% tăng 42%; năm 2014 là 3.5% tăng 12.5%; năm 2015 là 3,87% tăng 10.6%; năm 2016 là 4,02% tăng 3,8%).

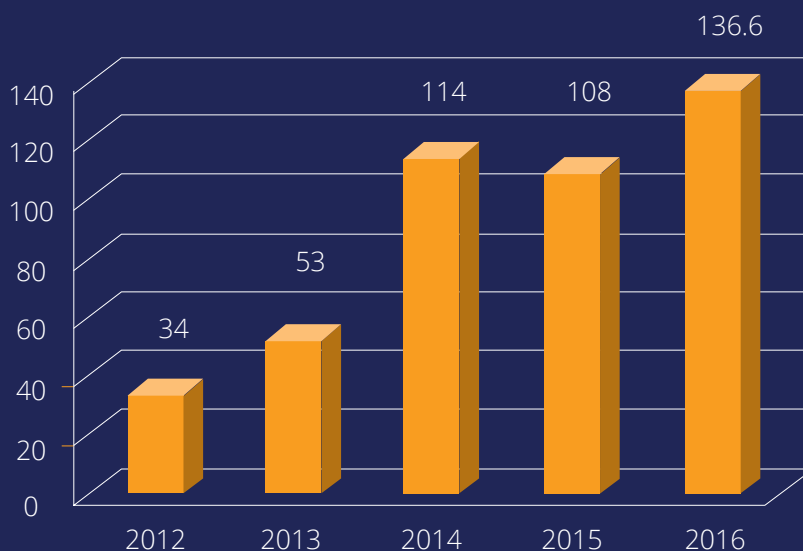
BSC đã quay trở lại TOP10 môi giới cổ phiếu từ cuối năm 2013. Trong điều kiện thị trường năm 2016 có nhiều biến động, nhiều giao dịch thỏa thuận lớn của các đối tượng khách hàng tổ chức, thị phần môi giới cổ phiếu BSC vẫn giữ được tốc độ tăng trưởng ổn định và bền vững, cải thiện vị thế trong Top 10, vươn lên vị trí thứ 7 trên sàn HOSE và TOP 9 sàn UPCOM. Qua đó tái khẳng định chiến lược phát triển chậm nhưng chắc chắn của BSC đã bước đầu đem lại những thành quả tích cực.

Năm 2016 tiếp tục ghi nhận sự tăng trưởng vượt bậc của khối khách hàng tổ chức, tăng 30% so với 2015.

Tổng doanh thu từ phí môi giới năm 2016 đạt 136.6 tỷ đồng, tăng 26% so với năm 2015 trong khi thanh khoản bình quân thị trường tăng 19.4%. Tốc độ tăng trưởng doanh thu cao hơn so với tốc độ tăng trưởng thanh khoản bình quân thị trường cho thấy sự ổn định và từng bước phát triển trong nền tảng khách hàng của BSC.

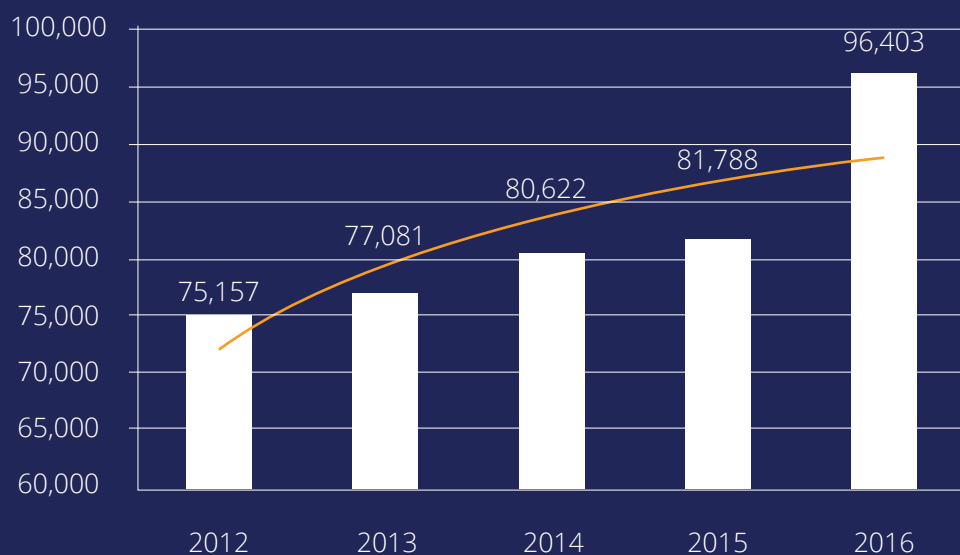


Biểu đồ doanh thu môi giới các năm



Số lượng tài khoản giao dịch không ngừng gia tăng qua các năm, khẳng định thương hiệu BSC có sức lan tỏa nói riêng và sự hấp dẫn của thị trường chứng khoán nói chung. Đặc biệt năm 2016, BSC ghi nhận số lượng tài khoản giao dịch mở mới tăng đáng kể so với năm 2015.

Biểu đồ số lượng tài khoản mở mới giai đoạn 2012-2016



Tiếp tục phát triển các sản phẩm môi giới mới:

Với nền tảng khách hàng từng bước tăng trưởng và ổn định, số dư margin của khách hàng tại Công ty tiếp tục tăng trưởng so với năm 2015.

Cải tiến các sản phẩm tiện ích và triển khai thành công các hệ thống giao dịch trực tuyến cho iPhone, iPad và hệ điều hành Android nhằm phục vụ nhu cầu giao dịch đa dạng của nhà đầu tư một cách nhanh gọn, thuận tiện nhất.

Để hướng tới mục tiêu phát triển các khách hàng là các định chế tài chính lớn, Công ty tiếp tục cải tiến phương thức đặt lệnh qua Bloomberg, chuẩn hóa các văn bản hợp đồng theo thông lệ quốc tế phục vụ giao dịch của các nhà đầu tư tổ chức đồng thời tích cực tiếp xúc với các quỹ đầu tư. Trong năm 2016 BSC vẫn duy trì tổ chức các buổi thuyết trình có quy mô lớn, tiếp xúc gặp gỡ các doanh nghiệp thường xuyên để khuyến nghị các mã cổ phiếu tốt cho các nhà đầu tư.

BSC chủ động triển khai công tác chuẩn bị sẵn sàng cho sự ra mắt của sản phẩm “chứng khoán phái sinh”, một sản phẩm quan trọng sẽ xuất hiện trên thị trường chứng khoán Việt Nam trong tương lai gần.

Đẩy mạnh khai thác phát triển khách hàng giao dịch chứng khoán từ mạng lưới khách hàng rộng lớn của BIDV

Thừa hưởng sức mạnh, vị thế và mạng lưới của ngân hàng mẹ, BSC luôn coi trọng việc phối hợp chặt chẽ với các chi nhánh BIDV nhằm phát triển nền khách hàng rộng lớn có quan hệ tín dụng với BIDV. Sự kết hợp bán chéo sản phẩm này mang lại sự hài lòng của khách hàng, đem lại sự thuận lợi trong việc chuyển dịch từ hình thức tiết kiệm sang đầu tư.

Định hướng 2017

Duy trì được nền tảng khách hàng có giao dịch ổn định làm tiền đề gia tăng thị phần bền vững. Hướng tới mục tiêu duy trì vị trí vững chắc tại Top 10 HSX và HNX.

Chú trọng nâng cao chất lượng tư vấn cho khách hàng: Tập trung tư vấn theo chiều sâu, coi trọng mục tiêu gia tăng lợi nhuận cho khách hàng. Tiếp tục chú trọng đào tạo chuyên sâu cho các cán bộ môi giới và liên tục tuyển dụng các cán bộ môi giới có kinh nghiệm trên thị trường nhằm nâng cao chất lượng phân tích và tư vấn đầu tư, từng bước mở rộng thị phần BSC; phát triển các sản phẩm mới như sản phẩm phái sinh để phục vụ nhu cầu đa dạng của nhà đầu tư.

Phát triển nền khách hàng tổ chức mới: Hướng tới tiếp cận và thu hút các khách hàng tổ chức tại các thị trường quốc tế. Nâng cao chất lượng môi giới, tư vấn và tập trung thiết kế các sản phẩm đặc thù cung cấp cho đối tượng khách hàng tổ chức. Từng bước nâng cao tỷ trọng thị phần khách hàng tổ chức trong tổng thị phần tại BSC.

Tiên phong và chủ động trong việc triển khai các sản phẩm mới: chứng khoán phái sinh, giao dịch trong ngày, sản phẩm chứng quyền có bảo đảm theo dự kiến của UBCKNN và các Sở GDCK.

Gia tăng cạnh tranh về các chính sách về phí, các dịch vụ gia tăng với khách hàng. Ngoài ra, các chính sách động lực, chính sách lương thưởng cho khối Môi giới liên tục được điều chỉnh phù hợp với thị trường, tạo điều kiện thu hút nhân viên môi giới giỏi và tạo động lực gắn bó và phát triển.

TƯ VẤN TÀI CHÍNH

Kết quả 2016:

Kết quả nổi bật:

Tiếp tục duy trì định hướng, chiến lược tập trung khai thác các khách hàng là các Tổng Công ty thuộc lĩnh vực cốt lõi của nền kinh tế quốc dân, bao gồm Hàng không, May mặc, Khoáng sản, Điện v.v. Khách hàng lớn là các Tổng Công ty, Doanh nghiệp đầu ngành, chiếm thị phần chủ yếu trong lĩnh vực hoạt động.

Năm 2016 là một năm không thuận lợi với hoạt động tư vấn tài chính của BSC do một số hợp đồng lớn không thể triển khai theo đúng kế hoạch. Tuy nhiên, BSC đã bước đầu ghi nhận những thành quả trong nghiệp vụ hoạt động M&A trong năm 2016 với việc hoàn thành 02 giao dịch lớn cho tập đoàn CJ và Eurowindow. Đây là các giao dịch có ý nghĩa quan trọng tạo bước tiền đề cho hoạt động M&A và các giao dịch quốc tế của BSC phát triển trong giai đoạn sắp tới và tiếp tục củng cố thương hiệu BSC.

BSC tiếp tục duy trì mục tiêu hướng tới triển khai dịch vụ tư vấn trọn gói cho khách hàng lớn là các Tập đoàn, Tổng Công ty đầu ngành, thu hẹp dần không triển khai mới đối với các hợp đồng có giá trị nhỏ và bước đầu triển khai phát triển các giao dịch quốc tế.

Do chịu ảnh hưởng khó khăn chung từ thị trường, hoạt động tư vấn tài chính năm 2016 có sự suy giảm đáng kể so với năm 2015. Tổng doanh thu tư vấn tài chính và bảo lãnh phát hành năm 2016 là 31.5 tỷ đồng, giảm 66% so với mức thực hiện 2015. Kết quả hoạt động không đạt như mong muốn do một số hợp đồng lớn đã tốn nhiều công sức triển khai nhưng không thể hoàn thành do nguyên nhân khách quan không lường trước. Doanh thu mảng hoạt động này chỉ còn đóng góp 5% tổng doanh thu của

Công ty. Các hoạt động chính là hoạt động IPO, cổ phần hóa và tư vấn chào bán, đại lý phát hành trái phiếu, hoạt động M&A.

Tiếp tục tìm kiếm, triển khai các giao dịch quy mô lớn gắn liền với khách hàng có tên tuổi là bàn đạp vững chắc phát triển thương hiệu BSC. Trong thời gian vừa qua, các giao dịch tư vấn cổ phần hóa, phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng các Tổng Công ty, Tập đoàn đầu ngành, hoạt động M&A đã mang lại tiếng vang lớn cho BSC. Giao dịch là cầu nối mang lại mối quan hệ đối tác chặt chẽ giữa BSC và các Quỹ đầu tư trong và ngoài nước, mở rộng thêm mạng lưới khách hàng cho không chỉ dịch vụ tư vấn tài chính mà còn hỗ trợ đẩy mạnh dịch vụ tư vấn đầu tư khách hàng tổ chức.



Định hướng 2017:

Tình hình thị trường trong năm 2017 được đánh giá sẽ tiếp tục khó khăn do các nhu cầu sử dụng dịch vụ tư vấn tài chính đã bước vào giai đoạn bão hòa. Do đó, bên cạnh việc bám sát định hướng xuyên suốt đã đặt ra, BSC đang từng bước nghiên cứu chiến lược phát triển sản phẩm mới, bắt nhịp với xu thế chung của thị trường. Cụ thể:

Tiếp tục khẳng định, duy trì và phát triển thế mạnh của mình, làm nền tảng đóng góp vào sự chuyển động lớn của BSC. Trên cơ sở phát huy tối đa giá trị và thương hiệu vốn có, BSC có bước đầu ghi nhận thành quả trên mảng hoạt động M&A. Mảng hoạt động này tiếp tục được dự báo có tiềm năng lớn trong tương lai đặc biệt trong điều kiện hội nhập quốc tế và khu vực, các chính sách của nhà nước đang tạo điều kiện cho các doanh nghiệp gấp rút tái cấu trúc và thực hiện các thương vụ mua bán sáp nhập.

Tiếp tục thực hiện định hướng khai thác khách hàng lớn là các Tập đoàn, Tổng Công ty đầu ngành và cung cấp dịch vụ tư vấn trọn gói, ban đầu là tư vấn tái cấu trúc, sau đó là tư vấn thu xếp vốn và các dịch vụ gia tăng khác.

Đối với những doanh nghiệp nhà nước đã trở thành khách hàng của BSC, trong thời gian tới, BSC sẽ tiếp tục duy trì nhu cầu huy động vốn và phát huy nhu cầu đối với các sản phẩm tài chính đa dạng khác thông qua công tác khách hàng và sản phẩm tư vấn mang tính định kỳ.

Đối tượng khách hàng được BSC ưu tiên trong thời gian tới vẫn duy trì là các Tổng Công ty thuộc lĩnh vực cốt lõi của nền kinh tế quốc dân, bao gồm Hàng không, May mặc, Khoáng sản, Điện v.v. Khách hàng lớn là các Tổng Công ty, Doanh nghiệp đầu ngành, chiếm thị phần chủ yếu trong lĩnh vực hoạt động. Tiếp cận và phát triển nhóm Khách hàng này là công tác tiền đề dẫn đến các giao dịch lớn và trọng điểm trong giai đoạn phát triển sắp tới của BSC.

Khai thác phát triển khách hàng của BIDV đồng thời tiếp tục duy trì mối quan hệ với các khách hàng thuộc nhóm vừa và nhỏ: Tận dụng khai thác triệt để cơ sở khách hàng doanh nghiệp khổng lồ, phổ rộng trên nhiều lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân và khách hàng thường có bề dày quan hệ tín dụng với BIDV. Đồng thời khai thác nhu cầu sử dụng dịch vụ của đối tượng khách hàng tư nhân vừa và nhỏ nhằm cung cấp các sản phẩm tài chính đặc thù đồng thời bước đầu tạo ra các sản phẩm dịch vụ gia tăng mới.

Hướng tới phát triển cung ứng chuỗi dịch vụ giá trị gia tăng. Khai thác triệt để chiến lược Top-Down bằng việc cung cấp đa dạng các dịch vụ tư vấn tài chính cao cấp cho các Tổng Công ty lớn, đầu ngành để làm điểm tựa tiếp cận xuống hệ thống các doanh nghiệp trực thuộc, có tiềm năng phát triển tốt, tạo nền tảng để BSC cung cấp chuỗi các dịch vụ tư vấn có giá trị gia tăng cao.

TỰ DOANH

Kết quả 2016

Kết quả nổi bật: Hoạt động đầu tư năm 2016 ghi nhận kết quả khả quan hơn so với năm 2015, đóng góp vào tăng trưởng trong kết quả chung của toàn hệ thống.

Với định hướng, chiến lược của hoạt động đầu tư tiếp tục không thực hiện đầu tư dài hạn mới, chỉ thực hiện đầu tư ngắn hạn, quay vòng vốn nhanh, đảm bảo quản trị rủi ro chặt chẽ để tối đa hóa lợi nhuận.

Năm 2016, nhờ điều kiện thị trường thuận lợi và nắm bắt được nhu cầu của thị trường, đón đầu các đợt sóng thị trường, lợi nhuận đầu tư cơ bản thu được kết quả tích cực. Tổng doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán bao gồm hoạt động đầu tư trái phiếu và đầu tư cổ phiếu đạt 115.9 tỷ đồng, tăng 36% so với thực hiện 2015 trong đó hoạt động tự doanh trái phiếu có sự tăng trưởng 44% so với năm 2015. Hoạt động tự doanh cổ phiếu của BSC năm 2016 đạt kết quả khả quan hơn so với năm 2015 do công ty đã chủ động giảm số dư đầu tư để hạn chế rủi ro trước sự biến động khó lường của thị trường.

Định hướng 2017

Mục tiêu: Hoàn thiện mô hình tổ chức mới, xây dựng hệ thống và chiến lược hoạt động mới cho hoạt động đầu tư cổ phiếu, bám sát chiến lược đầu tư cho hoạt động đầu tư trái phiếu: đầu tư ngắn hạn, quay vòng vốn nhanh, đảm bảo quản trị rủi ro chặt chẽ để tối đa hóa lợi nhuận, năm 2017 hoạt động đầu tư cổ phiếu và trái phiếu được kỳ vọng mang lại lợi nhuận khả quan và giảm thiểu rủi ro cho BSC.

Biện pháp:

Nắm bắt cơ hội để thực hiện đầu tư mang lại lợi nhuận trong cả hai mảng cổ phiếu và trái phiếu trong điều kiện nền kinh tế thế giới còn nhiều biến chuyển, nền kinh tế Việt Nam đang dần hồi phục và chính sách vĩ mô có nhiều thay đổi. Tuy nhiên, do nhận định thị trường lãi suất năm 2017 gặp nhiều khó khăn, hoạt động tự doanh trái phiếu.



4. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

PHÂN TÍCH

Kết quả 2016

Kết quả nổi bật:

- Sản phẩm phân tích đa dạng từ các báo cáo ngày, tuần, tháng cho đến các báo cáo phân tích ngành, báo cáo triển vọng ngành. Chất lượng phân tích tiếp tục được cải thiện, các mô hình, công cụ mới được vận hành bước đầu tạo được uy tín, có tác động nhất định đến quyết định đầu tư của các nhà đầu tư trên thị trường.
- Không ngừng xây dựng và phát triển đội ngũ. Năm 2016, một chuyên viên phân tích tại BSC được bình chọn là Chuyên viên phân tích tốt nhất trong mảng cổ phiếu nhỏ tại Việt Nam theo đánh giá của tạp chí Asianmoney.
- Công tác khảo sát gặp gỡ doanh nghiệp để tìm kiếm thông tin về các mã cổ phiếu tốt để khuyến nghị cho các nhà đầu tư được triển khai, duy trì thường xuyên.

Cơ cấu tổ chức phòng tiếp tục được duy trì phù hợp với xu thế thị trường bao gồm: nhóm Vĩ mô/Thị trường và nhóm Ngành/Doanh nghiệp. Nền tảng nhân sự ổn định có năng lực trong vòng ba năm trở lại đây là nhân tố thúc đẩy phát triển bền vững của bộ phận Phân tích nói riêng và BSC nói chung.

Sản phẩm phân tích đa dạng, cải thiện về cả chất và lượng, từng bước gây được tiếng vang và có tác động trên thị trường. Năm vừa qua, gần 500 báo cáo phân tích được phát hành trong đó nổi bật là các báo cáo phân tích ngành và triển vọng ngành bao phủ 12 ngành chủ yếu trên thị trường, được dịch ra tiếng Anh và tiếng Nhật. Thêm vào đó, các báo cáo phân tích được trình bày chuẩn mực với văn phong tiệm cận với các báo cáo của các Công ty chứng khoán khu vực sẽ là một điểm nhấn thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư trong nước và quốc tế. Chất

lượng sản phẩm báo cáo phân tích luôn được chú trọng nâng cao, là phương tiện góp phần tạo nên tên tuổi và thương hiệu của BSC trên thị trường.

Chủ động trong công tác tư vấn và nghiên cứu nhờ vào việc triển khai phát triển các mô hình, công cụ phân tích. Các mô hình, công cụ dự báo được áp dụng trong ba năm trở lại đây cho thấy kết quả khả quan, hỗ trợ công tác tư vấn khách hàng một cách chủ động và chính xác hơn. Các sản phẩm phân tích, nghiên cứu, nhận định thị trường của khối phân tích BSC đã có mặt trên các kênh thông tin đầu tư chuyên ngành, bước đầu tạo được uy tín và có tác động nhất định đến quyết định đầu tư của các nhà đầu tư trên thị trường.

Tiếp tục duy trì và mở rộng xây dựng quan hệ với các Công ty chứng khoán và các quỹ đầu tư. Trong năm 2016, khối phân tích BSC đã chủ động trong việc tiếp cận và tổ chức các buổi thuyết trình, phân tích và định hướng cơ hội đầu tư cho các khách hàng tổ chức và quỹ đầu tư. Công tác chăm sóc khách hàng được duy trì định kỳ ghi nhận được phản hồi rất khả quan, thị phần giao dịch của khối khách hàng trên đã có sự tăng trưởng 30% so với năm 2015, bước đầu mở rộng và duy trì nền khách hàng tổ chức ổn định, tạo đà cho việc gia tăng thị phần của khối khách hàng tổ chức tại BSC trong các năm tiếp theo, hỗ trợ cho việc phát triển hoạt động môi giới theo đúng định hướng phát triển toàn công ty.

Đẩy mạnh khảo sát thực địa doanh nghiệp tìm kiếm cơ hội. Song song với việc phân tích và nghiên cứu thị trường dựa trên thông tin có sẵn, BSC tiếp tục chú trọng trong việc thường xuyên có những cuộc khảo sát thực địa, từ đó đưa ra những phân tích, báo cáo cập nhật bám sát tình hình hoạt động của các doanh nghiệp trên thị trường.



Định hướng 2017

Với mục tiêu xây dựng mảng Phân tích một cách bài bản, nhanh nhạy, mạng lưới thông tin rộng so với thị trường, bộ phận chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ và các công cụ, mô hình phân tích đáp ứng được nhu cầu phát triển kết hợp với việc tăng cường khảo sát doanh nghiệp. Từ đó nâng mặt bằng, tạo sức bật cho toàn bộ phận trở thành nền tảng hỗ trợ cho bộ phận môi giới, tự doanh và đón đầu xu hướng mới của thị trường trong các giai đoạn tiếp theo.

Để đạt được mục tiêu kể trên, BSC tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo đội ngũ phân tích nhằm nâng cao chất lượng cán bộ đáp ứng được nhu cầu công việc, tạo nên nền tảng cơ bản tốt và đồng đều so với thị trường. Đồng thời không ngừng nâng cấp các mô hình lượng hóa, dự báo, đánh giá, định giá để phục vụ mục tiêu phân tích và tư vấn đầu tư, nhằm tăng hiệu quả, tốc độ và tính tiện dụng của các công cụ nói trên, nâng cao chuẩn mực báo cáo. Ngoài ra, đẩy mạnh công tác khảo sát thực địa các doanh nghiệp lớn thuộc các ngành kinh tế trọng yếu hoặc có khả năng có cơ hội đầu tư trong năm 2017 nhằm theo dõi, tạo dựng quan hệ và thường xuyên cập nhật với các doanh nghiệp.

CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Kết quả hoạt động 2016

BSC luôn xác định rằng nền tảng công nghệ thông tin hiện đại là một trong những yếu tố quan trọng trong việc hỗ trợ các hoạt động kinh doanh của BSC và tạo ra lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp.

Thực hiện năm 2016: Năm 2016 là năm vận hành ổn định với nhiều đổi mới và cải tiến về hệ thống CNTT của BSC. Kết quả hoạt động của phòng năm 2016 đạt nhiều thành tựu đóng góp lớn cho BSC. Cụ thể:

- Sản phẩm phần mềm: Triển khai thành công các hệ thống giao dịch trực tuyến cho iPhone, iPad và hệ điều hành Android;
- Bảo mật: Hoàn thiện và nâng cấp hệ thống Bảo mật, Phòng chống virus và Quản lý internet đối với người dùng;
- Dự phòng dữ liệu: triển khai hệ thống dự phòng thảm họa tại trung tâm dự phòng của BIDV.
- Hệ thống máy chủ: ảo hóa hệ thống máy chủ tại thành phố Hồ Chí Minh giúp BSC chuẩn hóa công tác quản trị máy chủ cho chi nhánh và nâng cao tính sẵn sàng cho hệ thống giao dịch trực tuyến với HOSE;
- Hạ tầng mạng: nâng cấp theo mô hình chuẩn 3 lớp mang lại nhiều lợi ích.



Định hướng 2017

Năm 2017, với mục tiêu xây dựng bộ phận CNTT chuyên nghiệp. BSC thực hiện gói tư vấn chiến lược CNTT 2017-2020 và tầm nhìn 2030 với đơn vị tư vấn PWC. Dự án tư vấn chiến lược này sẽ cơ cấu lại bộ phận CNTT tại BSC theo hướng hiện đại, qui chuẩn, tháo gỡ các khó khăn, cải thiện các nhược điểm hiện tại, đồng thời, tạo điều kiện cho các sản phẩm công nghệ phát triển thuận lợi. Các mục tiêu chính của dự án cụ thể như sau :

- Đảm bảo các phần mềm ứng dụng cung cấp đầy đủ các chức năng, tiện ích nâng cao để hỗ trợ triển khai các sản phẩm và dịch vụ mới. Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng và tối ưu hiệu quả công việc.
- Tăng cường năng lực cỡ sở hạ tầng CNTT, đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định, có tính sẵn sàng và dự phòng cao, đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh, nhu cầu tăng trưởng của BSC và tuân thủ các qui định của nhà nước
- Tăng cường năng lực, kiểm soát an ninh bảo mật CNTT để đối phó với các rủi ro ngày càng gia tăng và đảm bảo tuân thủ quy định của các cơ quan nhà nước.
- Tối ưu hóa cơ cấu tổ chức và nguồn nhân lực, phát triển triển nguồn nhân lực CNTT chất lượng cao nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động CNTT.





QUẢN TRỊ RỦI RO

Môi trường kinh doanh ngày càng phức tạp, biến đổi liên tục, và chứa đựng nhiều rủi ro. Khoảng thời gian gần đây khủng hoảng, suy thoái kinh tế và bê bối tài chính xảy ra ngày càng nhiều và quy mô ngày càng lớn, đã tác động mạnh mẽ đến nền kinh tế toàn cầu nói chung và tại Việt Nam nói riêng. Vì vậy, vai trò của quản trị rủi ro ngày càng được nhắc đến nhiều hơn trong hoạt động quản trị của doanh nghiệp.

Tại BSC, với định hướng phát triển bền vững, trở thành công ty chứng khoán top 3 trên thị trường, Hội đồng quản trị và Ban Điều hành công ty hiểu rõ và quan tâm sâu sắc đến việc xây dựng một hệ thống quản trị rủi ro hoàn chỉnh và thống nhất, đảm bảo việc chủ động phát hiện các rủi ro tiềm tàng, quản lý rủi ro, ngăn chặn và giảm thiểu tối đa những tổn thất do các rủi ro gây ra, và tuân thủ các quy định của UBCKNN.

Rủi ro trong hoạt động kinh doanh của BSC:

Môi trường hoạt động kinh doanh của ngành chứng khoán nói chung và BSC nói riêng luôn tiềm ẩn nhiều rủi ro. Có thể phân loại rủi ro ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của BSC bao gồm :

Rủi ro thảm họa: Bao gồm các thảm họa thiên nhiên, thảm họa do con người hoặc có sự tác động gián tiếp của con người ví dụ như hỏa hoạn, chiến tranh hay khủng bố.

Ở trong môi trường xã hội chính trị ổn định, ít có thiên tai, khả năng xảy ra thảm họa là ít. Tuy nhiên, để giảm thiểu tối đa khả năng xảy ra rủi ro cũng như thiệt hại khi rủi ro xảy ra, BSC luôn chú trọng thực hiện các biện pháp như : giáo dục ý thức cho cán bộ công nhân viên về giữ gìn an toàn chung, thực hiện tham ra diễn tập phòng cháy chữa cháy,... Đối với cơ sở dữ liệu khách hàng để phòng chống việc xảy ra mất mát trong trường hợp cháy nổ, BSC đã tiến hành xây dựng và lưu trữ dữ liệu tại trung tâm dự phòng thảm họa riêng.

Rủi ro tài chính: rủi ro liên quan đến các khoản nợ xấu, giảm giá cổ phiếu, biến động lãi suất, rủi ro thanh khoản,...

Xây dựng và hoàn thiện chính sách cho vay, chính sách quản trị rủi ro đầu tư và giám sát thực hiện nghiêm túc qui chế cho vay, qui chế đầu tư là các biện pháp thiết thực BSC đã làm để làm hạn chế tối đa khả năng xảy ra nợ xấu.

Về rủi ro thanh khoản, vấn đề thanh khoản luôn được BSC chú trọng quản lý. Thanh khoản được kiểm soát hàng ngày, kế hoạch nguồn vốn luôn dành một phần để dự phòng thanh khoản, hạn mức sử dụng vốn của các hoạt động luôn được kiểm soát chặt chẽ. Thêm vào đó, BSC luôn duy trì các nguồn vay đa dạng và đáng tin cậy, lãi suất vay nhờ đó luôn được duy trì ở mức cạnh tranh và được nhiều ưu đãi.

Rủi ro tác nghiệp: Thao tác sai, lỗi con người luôn tồn tại ngay cả khi qui trình được xây dựng hoàn hảo. Nhằm giảm thiểu tối đa khả năng xảy ra sai sót, trong qui trình tác nghiệp của BSC luôn đảm bảo khâu giám sát, kiểm tra lại được sắp xếp chặt chẽ, thường xuyên đào tạo và kiểm tra nghiệp vụ đối với nhân viên tác nghiệp, rà soát và cập nhật quy trình định kỳ. Ngoài ra, bộ phận kiểm soát nội bộ của BSC cũng thường xuyên có những cuộc kiểm tra định kỳ toàn diện để đảm bảo các sai sót nghiệp vụ được phát hiện và có biện pháp xử lý kịp thời.

Rủi ro đối với môi trường: Với bản chất là hoạt động dịch vụ, tác động của BSC tới ô nhiễm môi trường chung là không cao. Tuy nhiên, BSC luôn quan niệm rằng việc bảo vệ môi trường có thể bắt nguồn từ các hoạt động nhỏ nhất. Cùng cộng đồng hướng tới xây dựng một môi trường xanh sạch đẹp, BSC đã phát động và duy trì nhiều phong trào như : tiết kiệm giấy in, phân loại rác vô cơ hữu cơ, phong trào trồng cây văn phòng xanh... Tuy hành động nhỏ nhưng những điều đó đã và đang góp phần xây dựng ý thức cho từng cán bộ, để mỗi cán bộ trở thành một công dân văn



minh, luôn có ý thức bảo vệ môi trường chung.

Rủi ro khác: rủi ro đến từ thị trường, khách hàng, đối thủ cạnh tranh, thông tin truyền thông... đều được bộ phận Quản trị rủi ro tại BSC theo dõi chặt chẽ. Bất cứ khe hở của chốt chặn rủi ro nào được phát hiện sẽ được nhanh chóng sửa chữa.

Năm 2016

Khung quản trị rủi ro cấp doanh nghiệp tại BSC được thiết kế dựa trên 03 mục tiêu chính gồm (i) chiến lược; (ii) hoạt động; và (iii) báo cáo và tuân thủ; và bao gồm 08 thành phần có liên hệ trực tiếp với nhau gồm (i) môi trường nội bộ, (ii) thiết lập mục tiêu, (iii) xác định sự kiện, (iv) đánh giá rủi ro, (v) phản ứng rủi ro, (vi) hoạt động kiểm soát, (vii) thông tin – liên lạc, và (viii) giám sát. Khung quản trị rủi ro cấp doanh nghiệp được BSC áp dụng thống nhất và toàn diện trong toàn hệ thống.

Bên cạnh đó, trong năm 2016, BSC xây dựng và triển khai “mô hình ba tuyến phòng vệ quản trị rủi ro”. Mô hình này cho phép phân tách trách nhiệm giữa các khối kinh doanh và khối tuân thủ; đồng thời vẫn đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc và khẩu vị về quản trị rủi ro của BSC. Trong đó, Bộ phận Quản trị rủi ro thuộc tuyến phòng vệ thứ hai trong chiến lược quản trị rủi ro thống nhất và toàn diện. Dưới sự điều hành trực tiếp của Tổng Giám đốc, Bộ phận Quản trị rủi ro đã thực hiện:

- Độc lập đánh giá và kiểm soát tính hiệu quả của hệ thống QTRR ở tuyến phòng thủ thứ nhất;
- Thực hiện QTRR cấp doanh nghiệp thông qua việc xây dựng khung và chính sách QTRR; khẩu vị rủi ro của doanh nghiệp; quy trình hoạt động và chốt kiểm soát để giảm thiểu rủi ro...
- Giám sát và cảnh báo tới cấp quản lý những rủi ro có khả năng xảy ra và ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh;
- Tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật; và tham vấn ý kiến của các cơ quan quản lý và xin ý kiến hướng dẫn bổ sung trong trường hợp chưa có các quy định hoặc các quy định chưa rõ ràng;
- Xây dựng văn hóa QTRR toàn doanh nghiệp và đào tạo về QTRR.

Định hướng năm 2017

Dựa trên nền tảng khung quản trị rủi ro cấp doanh nghiệp đã xây dựng được, BSC cam kết nâng cao các chuẩn mực thực hành tốt nhất và tăng cường áp dụng các thông lệ tốt về quản trị rủi ro và quản trị doanh nghiệp tại BSC.

Các quy định được xây dựng phù hợp với định hướng hoạt động của BSC trong năm 2017, và sẵn sàng chuẩn bị cho sự ra đời của các sản phẩm phái sinh phức tạp hơn sắp được UBCKNN và các Sở Giao dịch cho phép cung cấp ra thị trường.

Ngoài ra, trong năm 2017, một trong những quan tâm hàng đầu về quản trị rủi ro tại BSC là xây dựng văn hóa quản trị rủi ro cấp doanh nghiệp – thể hiện chiến lược quản trị rủi ro tổng thể. Văn hóa QTRR được thiết lập từ tiếng nói của lãnh đạo cao nhất và được truyền thông nhất quán đến các cán bộ nhân viên BSC nhằm xây dựng một môi trường mà trong đó QTRR cấp doanh nghiệp đóng vai trò là một công cụ thúc đẩy đối thoại về rủi ro ở tất cả các cấp để tối đa hóa hiệu quả và QTRR trong ngưỡng chấp nhận rủi ro.

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG BSC 2016

KỲ BÁO CÁO: 01/01/2016 ĐẾN 31/12/2016





PHẦN 1. CÁC CON SỐ NỔI BẬT

1. Lợi nhuận sau thuế: 115 tỷ VNĐ
2. Tỷ lệ an toàn tài chính: 695%
3. Tuổi trung bình của nhân viên: 31 tuổi
4. Dư nợ cho vay ký quỹ, ứng trước: 464 tỷ VNĐ
5. Thị phần Môi giới trái phiếu: Top 1 Sở GDCK Hà Nội
6. Thị phần Môi giới cổ phiếu: Top 7 Sở GDCK Hồ chí minh
7. EPS: 1.274 VNĐ/cổ phiếu.

PHẦN 2. MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

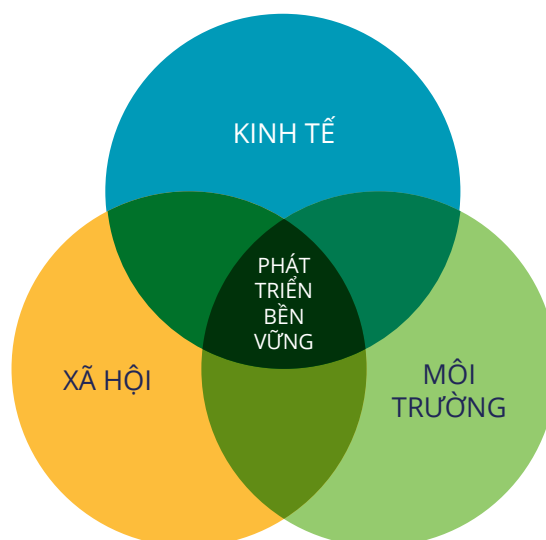
1. GIỚI THIỆU

Báo cáo Phát triển bền vững (BCPTBV) là thông lệ đo đếm, công bố và chịu trách nhiệm của doanh nghiệp trước các bên liên quan về các hoạt động của mình nhằm hướng tới phát triển bền vững. Các doanh nghiệp xây dựng và công bố BCPTBV giúp đánh giá và công bố những thông tin về hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp trên các khía cạnh môi trường và xã hội bên cạnh những thông tin về hiệu quả hoạt động tài chính và quản trị, vốn là những thông tin vẫn được công bố như thường lệ. BCPTBV là cách thức mới để xây dựng và định lượng giá trị của doanh nghiệp.

Tầm quan trọng của Báo cáo Phát triển bền vững

Thông qua việc phát triển và công bố thông tin về mối quan hệ giữa sự phát triển bền vững và hoạt động kinh doanh, doanh nghiệp có thể nâng cao các giá trị, các chỉ số đo lường hiệu quả hoạt động và quản lý sự thay đổi, theo đó thúc đẩy sự cải tiến và đổi mới. Để thực hiện trách nhiệm của doanh nghiệp và đáp ứng sự đòi hỏi của các bên liên quan, công ty cần phải minh bạch trong các mục tiêu, hành động và tác động đối với sự phát triển bền vững.

2. MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA BSC



KINH TẾ	Quản trị rủi ro và kiểm soát tuân thủ Tăng trưởng ổn định, tăng động lực phát triển; Tăng tính minh bạch Duy trì cổ tức ổn định cho cổ đông, phục vụ khách hàng/đối tác Tăng kênh huy động vốn, phát triển đội ngũ Đóng góp phát triển thị trường vốn, tham gia phát triển kinh tế khu vực
XÃ HỘI	Hoàn thành trách nhiệm với Nhà nước Chia sẻ với cộng đồng Đảm bảo thu nhập và lợi ích tài chính tinh thần cho người lao động Chăm lo đời sống người lao động
MÔI TRƯỜNG	Bảo vệ môi trường

3. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CHÍNH VÀ ĐÁP ỨNG CỦA BSC

Quy trình đánh giá mức độ trọng yếu của các khía cạnh chính là một phần quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững của chúng tôi vì đây là cơ sở để chúng tôi triển khai các hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu của tất cả các bên liên quan một cách thích hợp nhất. Chúng tôi tiến hành các trình tự sau trong việc đánh giá mức độ trọng yếu của các tiêu chí đối với các bên liên quan bên trong và bên ngoài Công ty.

- Nhân quyền
- Đầu tư
- Xã hội
- Cộng đồng địa phương
- Chống tham nhũng
- Sự tuân thủ
- o Môi trường:
 - Năng lượng
 - Nước
 - Tuân thủ

Giai đoạn 1:

- Các bên liên quan chủ yếu được xác định bao gồm (1) cổ đông, (2) khách hàng, (3) đối tác, (4) cơ quan quản lý, (5) hiệp hội nghề nghiệp, (6) nhân viên và (7) cộng đồng địa phương. Chúng tôi tiến hành đánh giá mức độ lợi ích mà các bên liên quan sở hữu và mức độ ảnh hưởng của các bên liên quan này trong mối quan hệ với BSC.

- Các khía cạnh GRI (GRI Aspects) được xác định là phù hợp với trường hợp của BSC:

o Kinh tế

- Kết quả kinh doanh

o Xã hội

- Lao động và làm việc
- Quan hệ lao động
- Giáo dục và đào tạo
- Sự đa dạng và Cơ hội công bằng
- Cơ chế khiếu nại về lao động

Giai đoạn 2: Chúng tôi thực hiện các hoạt động sau để thu thập thông tin về các lĩnh vực mà các bên liên quan quan tâm:

- Phỏng vấn đội ngũ lãnh đạo cấp cao về kết quả kinh doanh và tăng trưởng cũng như các lĩnh vực mới nổi liên quan đến phát triển bền vững có tác động lớn đến tăng trưởng.
- Thu thập thông tin từ Khách hàng để cải thiện chất lượng dịch vụ.
- Trao đổi với các cơ quan quản lý và các cộng đồng, các tổ chức, các nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán.

Giai đoạn 3: Tiến hành đánh giá để thiết lập mức độ ưu tiên nhóm khía cạnh theo hai tiêu chí:

- Mức độ quan tâm và ảnh hưởng đến BSC của các bên liên quan.
- Các tác động đáng kể của BSC tới kinh tế, môi trường và xã hội.

MÔ HÌNH ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ QUAN TÂM VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tất cả các tiêu chí được phân loại thành các nhóm dựa trên mức độ quan tâm và mức độ ảnh hưởng đến BSC theo mô hình dưới đây:

MỨC ĐỘ QUAN TÂM ĐẾN BSC	4 - Rất cao				(1) Cổ đông (2) Khách hàng
	3 - Cao			(6) Nhân viên (3) Đối tác	
	2 - Trung bình		(7) Cộng đồng địa phương	(4) Cơ quan quản lý (5) Hiệp hội nghề nghiệp	
	1 - Thấp				
		1 - Không quan trọng	2 - Trung bình	3 - Quan trọng	4 - Rất quan trọng
MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BSC					

Các bên liên quan trọng yếu	Các mối quan tâm	Quan điểm và hành động của BSC	Các chỉ số GRI tương ứng
Cổ đông	Cổ tức	Cổ tức ổn định	G4-EC1
	Giá cổ phiếu	Nâng cao quản trị doanh nghiệp và sức mạnh nội lực doanh nghiệp đảm bảo tăng trưởng giá cổ phiếu đi đôi với tăng trưởng giá trị doanh nghiệp	
	Thông tin minh bạch	Cung cấp thông tin minh bạch, kịp thời cho Cổ đông	
Khách hàng/Đối tác	Chất lượng và uy tín của sản phẩm dịch vụ	Duy trì, nâng cao chất lượng của sản phẩm dịch vụ thường xuyên áp dụng các thông lệ tốt nhất trong khu vực và thế giới về chất lượng sản phẩm dịch vụ	
Cơ quan quản lý và các Hiệp Hội	Tuân thủ quy định của pháp luật	Quản trị rủi ro pháp lý, quản trị rủi ro Doanh nghiệp hiệu quả	G4-SO8
	Giải pháp phát triển thị trường	Tích cực tham gia đóng góp ý kiến và các giải pháp phát triển thị trường	
	Đóng góp cho ngân sách nhà nước	Tuân thủ nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước	G4-EC1
Nhân viên	Lương thưởng và chính sách phúc lợi	Đảm bảo lương thưởng và chính sách phúc lợi gắn liền với kết quả kinh doanh và ngày càng cải thiện cho người lao động	G4-LA2
	Chính sách đào tạo và phát triển đội ngũ	Thường xuyên xây dựng đội ngũ, đào tạo kiến thức kỹ năng cho nhân viên	G4-LA10
	Lộ trình công danh	Có lộ trình công danh cụ thể rõ ràng cho nhân viên phấn đấu	
Cộng đồng địa phương	Phát triển thể hệ trẻ	Tích cực hỗ trợ chương trình phát triển thể hệ trẻ, đặc biệt thể hệ nhân sự làm công tác tài chính ngân hàng	
	Chia sẻ với các hoàn cảnh khó khăn trong xã hội	Tổ chức các hoạt động thiện nguyện san sẻ với các hoàn cảnh khó khăn trong cộng đồng	

CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ TÁC ĐỘNG ĐẾN KINH TẾ, MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Dựa trên ý kiến của chuyên gia, đánh giá của bản thân BSC theo kinh nghiệm sẵn có trong quá trình xây dựng và phát triển doanh nghiệp, các hồi đáp của các bên liên quan trọng yếu, BSC tiến hành đánh giá mức độ tác động theo các tiêu chí:

- Khả năng xảy ra của tác động
- Mức độ nghiêm trọng của tác động
- Khả năng về rủi ro và cơ hội phát sinh từ một khía cạnh
- Mức độ ảnh hưởng của khía cạnh đến kết quả kinh doanh dài hạn của BSC
- Cơ hội tăng trưởng hoặc lợi thế mà BSC có được từ tác động

CÁC KHÍA CẠNH GRI TRỌNG YẾU ĐƯỢC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO

CÁC TIÊU CHÍ CHÍNH	CÁC KHÍA CẠNH TRỌNG YẾU (GRI)	CÁC PHẦN ĐƯỢC TRÌNH BÀY TƯƠNG ỨNG TRONG BÁO CÁO
Xử lý giao dịch hiệu quả	Các sản phẩm và dịch vụ	Các sản phẩm và dịch vụ
Dịch vụ tư vấn		
Hệ thống xử lý giao dịch		
Năng lực nghiên cứu thị trường		
Dịch vụ khách hàng		
Kết quả kinh doanh	Kết quả kinh doanh	Các lợi ích kinh tế trực tiếp và gián tiếp
Kế hoạch chi trả cổ tức		Kết quả kinh doanh
Giá cổ phiếu		
Nghĩa vụ với Nhà nước		
Tuân thủ pháp luật	Tuân thủ	Tuân thủ pháp luật
Khả năng chịu đựng về mặt tài chính		
Quản trị công ty	Quản trị doanh nghiệp	Quản trị doanh nghiệp và quản lý rủi ro
Quản lý rủi ro		
Nhân quyền	Quyền con người, quan hệ công đoàn và người lao động	Phúc lợi nhân viên
Phúc lợi nhân viên		
Đa dạng và đồng đều cơ hội		
Hoạt động tự do của Công đoàn		

Sức khỏe và an toàn lao động		
Đánh giá kết quả và thành tích		
Chế độ lương thưởng và đãi ngộ		
Thu hút và tuyển dụng nhân sự	Tuyển dụng	Phát triển từ nội bộ và tuyển dụng từ thị trường
Đào tạo	Đào tạo và phát triển	Đào tạo và phát triển
Đạo đức	Đạo đức kinh doanh	Đạo đức kinh doanh
Công bố thông tin thị trường	Báo cáo và minh bạch	Đối thoại dân chủ cơ sở
Trao đổi thông tin minh bạch		
Phát triển thị trường	Phát triển thị trường	Đóng góp xây dựng thị trường
Định hướng nghề nghiệp, cơ hội tuyển dụng, giáo dục đào tạo và khởi nghiệp	Cộng đồng địa phương	Đầu tư vào cộng đồng để bồi dưỡng thế hệ kế cận
Trách nhiệm xã hội		Hỗ trợ những hoàn cảnh khó khăn
		Kế hoạch các hoạt động cộng đồng 2017



CÁC CAM KẾT ĐÁP ỨNG MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA BSC

Cam kết của ban lãnh đạo: Chúng tôi luôn coi các vấn đề về Cổ đông, Con người, Môi trường và Xã hội là nền tảng để phát triển bền vững. Cam kết của BSC xuyên suốt tất cả các khía cạnh của hoạt động kinh doanh - đó là cung cấp các dịch vụ chuyên nghiệp cho khách hàng, gia tăng giá trị cổ đông thông qua các chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế bền vững, xây dựng một môi trường làm việc hấp dẫn, giảm chi phí hoạt động và hạn chế các tác động ảnh hưởng đến môi trường thông qua các hoạt động Xanh

ĐỐI VỚI CỔ ĐÔNG

Đảm bảo giá trị khoản đầu tư an toàn, sinh lợi bền vững cho các cổ đông.

ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG

Đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ tạo ra sự tối ưu cho khách hàng trong việc lựa chọn và tiếp cận sản phẩm, dịch vụ.

Sản phẩm và dịch vụ được tạo ra với mức giá phù hợp.

ĐỐI VỚI ĐỐI TÁC

Hợp tác phát triển trên cơ sở cùng có lợi, minh bạch và có trách nhiệm với xã hội.

ĐỐI VỚI CƠ QUAN QUẢN LÝ

Tuân thủ các chính sách, quy định của cơ quan Nhà nước trong lĩnh vực hoạt động và ngành nghề kinh doanh.

Tuân thủ và thực hiện các nghĩa vụ với ngân sách nhà nước đầy đủ, kịp thời.

ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN

Tạo sự hài lòng của nhân viên về môi trường lao động, an toàn, sức khỏe và thu nhập.

ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG

Có trách nhiệm, chia sẻ giá trị và chung tay phát triển cộng đồng.



PHẦN 3. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đối với cổ đông, chúng tôi cam kết tính hiệu quả trong hoạt động kinh doanh. Thu nhập trên cổ phiếu là chỉ số cơ bản để đo lường mức độ lợi nhuận hiện tại và quá khứ, và quan trọng hơn là mức độ bền vững của chúng tôi.

Đối với đối tác, BSC xác định tăng trưởng dài hạn phải đến từ chất lượng sản phẩm dịch vụ và năng lực tài chính vững mạnh. Chúng tôi luôn xem trọng công tác đảm bảo cân đối giữa mục tiêu tăng trưởng kinh doanh và đảm bảo an toàn tài chính.

1. CÁC SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ

BSC cung cấp danh mục các dịch vụ tài chính cho khách hàng cá nhân, khách hàng tổ chức. Bộ phận kinh doanh của BSC được tổ chức thành ba Khối dịch vụ khách hàng chính: Môi giới, Tư vấn tài chính, Tự doanh cùng với một nhóm nghiên cứu chung phục vụ cho các khối khách hàng khác nhau tại BSC.

KHỐI MÔI GIỚI

Thị phần môi giới cổ phiếu tăng trưởng năm thứ 5 liên tiếp, tăng 3.9% so với năm 2015, đạt 4.02% tương ứng 100.5% kế hoạch năm được giao. Thị phần môi giới cổ phiếu năm của BSC cao thứ 7 sàn HOSE và thứ 9 sàn UPCOM. Trong bối cảnh năm 2016 có nhiều biến động, thị trường có nhiều giao dịch thuận của các đối tượng khách hàng tổ chức, đạt được kết quả thị phần như trên là nỗ lực rất lớn của khối TVĐT BSC.

Thị phần môi giới trái phiếu chính phủ của BSC tiếp tục duy trì vị trí đứng đầu sàn HNX. Tận dụng lợi thế là nhà môi giới trái phiếu hàng đầu tiếp tục phát triển giữ vững vị trí top đầu thị trường: Môi giới trái phiếu BSC đã có một năm thành công. Năm 2016, BSC đã phát triển được 11 khách hàng mới là các tổ chức tài chính hàng đầu như: HSBC, Prevoir, Ngân hàng Bản Việt, VietinAviva, Cathay Life, MB Ageas và TCB capital... So với tổng số 6 khách hàng phát triển được trong năm 2015, số lượng khách hàng mở mới và có giao dịch trái phiếu năm 2016 tăng trưởng mạnh, đạt 83%.

• **Môi giới chứng khoán:** Nhân viên môi giới tiếp xúc với khách hàng, tìm hiểu năng lực tài chính, mức độ chấp nhận rủi ro cũng như các nhu cầu khác của khách hàng, từ đó, cung cấp giải pháp đầu tư tài chính hiệu quả, phù hợp với tình trạng tài chính cụ thể của từng khách hàng, nhân viên môi giới duy trì mối liên lạc thường xuyên với khách hàng thông qua điện thoại hoặc thư điện tử.

• **Dịch vụ chứng khoán:** BSC cung cấp đầy đủ các dịch vụ lưu ký, quản lý tài khoản của khách hàng nhằm đảm bảo tất cả các giao dịch và thông tin được theo dõi, quản lý và cập nhật liên tục.

• **Sản phẩm tài chính hỗ trợ giao dịch chứng khoán:** Dựa trên thế mạnh về năng lực tài chính và CNTT, BSC cung cấp sản phẩm và tiện ích tài chính hợp pháp giúp theo nhu cầu khách hàng.

• **Báo cáo phân tích:** Chất lượng phân tích gây được tiếng vang và có tác động nhất định trên thị trường với các điểm nhấn là báo cáo ngành, báo cáo vĩ mô được nhiều nhà đầu tư là tổ chức, cá nhân đầu tư chuyên nghiệp đánh giá cao. Điểm mạnh trong các báo cáo phân tích của BSC là các phân tích sâu, chi tiết trên cơ sở nghiên cứu kỹ lưỡng tình hình kinh tế vĩ mô, ngành và từng doanh nghiệp, giúp nhà đầu tư ra quyết định kịp thời.

1) Báo cáo vĩ mô được xuất bản thường xuyên, và thường vào những thời điểm có các tin tức thị trường quan trọng;

2) Báo cáo nghiên cứu ngành của BSC tập trung chủ yếu vào các ngành chính: Bất động sản, Dịch vụ Tài chính, Hàng tiêu dùng, Nông nghiệp, Sản xuất, Công nghệ, Năng lượng và Vận tải. Báo

cáo nghiên cứu này cung cấp các phân tích chuyên sâu về giá trị cổ phiếu, rủi ro, sự biến động giá cổ phiếu và dự báo triển vọng kinh doanh của các công ty được theo dõi. Các chuyên viên phân tích cũng theo dõi sát sao thông tin hàng ngày về các công ty và đánh giá tác động của những thông tin này vào giá trị cổ phiếu. Đội ngũ nghiên cứu của chúng tôi cũng phân tích các báo cáo tài chính định kỳ, đi thăm doanh nghiệp, phỏng vấn ban lãnh đạo, khách hàng của doanh nghiệp và các chuyên gia trong ngành để có cái nhìn toàn diện về doanh nghiệp. Báo cáo công ty được xuất bản định kỳ hàng quý và vào những thời điểm có các tin tức quan trọng từ thị trường;

3) Bản tin ngày: đưa thông tin và bình luận về thị trường chứng khoán, kinh tế vĩ mô và doanh nghiệp, đồng thời tư vấn cho các nhà đầu tư về các mã chứng khoán trên thị trường.

KHOẢNG TƯ VẤN TÀI CHÍNH

BSC thực hiện các giao dịch quy mô lớn gắn liền với khách hàng có tên tuổi là bàn đạp vững chắc phát triển thương hiệu BSC. Trong thời gian vừa qua, các giao dịch tư vấn cổ phần hóa, phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng các Tổng Công ty, Tập đoàn đầu ngành đã mang lại tiếng vang lớn cho BSC. Giao dịch là cầu nối mang lại mối quan hệ đối tác chặt chẽ giữa BSC và các Quỹ đầu tư trong và ngoài nước, mở rộng thêm mạng lưới khách hàng cho không chỉ dịch vụ tư vấn tài chính mà còn hỗ trợ đẩy mạnh dịch vụ tư vấn đầu tư khách hàng tổ chức.

Giữ vững định hướng, chiến lược tập trung khai thác các khách hàng là các Tổng Công ty thuộc lĩnh vực cốt lõi của nền kinh tế quốc dân, bao gồm Hàng không, May mặc, Khoáng sản, Điện v.v. Khách hàng lớn là các Tổng Công ty, Doanh nghiệp đầu ngành, chiếm thị phần chủ yếu trong lĩnh vực hoạt động. Phí tư vấn các đợt IPO cho các khách hàng lớn tương đối nhỏ nhưng mang lại danh tiếng và củng cố thương hiệu của BSC. BSC không

chú trọng về việc cạnh tranh về phí, đặc biệt là đối với các giao dịch niêm yết, mà tập trung vào các khách hàng lớn. Đôi khi còn làm việc miễn phí cho dịch vụ đầu tiên, để thu hút khách hàng và làm cầu nối để tiếp tục ký hợp đồng thực hiện các giao dịch tiếp theo. Tỷ lệ thành công trong việc ký kết hợp đồng do đó cao từ 90%-95%.

Mỗi giao dịch tư vấn thực hiện đều khác biệt và do đó BSC chú trọng vào việc cung cấp dịch vụ chất lượng hơn là giá trị hợp đồng, với tâm niệm không ngại thử thách.

Trong năm 2016 TVTC BSC cũng đã đạt được nhiều thành tựu về mảng M&A. Đặc biệt là việc thực hiện thành công hợp đồng tư vấn cổ phần hóa cho Tập đoàn CJ và hợp đồng tư vấn M&A Eurowindow. Các deal giao dịch này đã được trích dẫn tại nhiều trang báo mạng uy tín và gây tiếng vang lớn trên thị trường. Đây cũng là các deal M&A đầu tiên của BSC, có ý nghĩa quan trọng tạo bước tiền đề cho hoạt động M&A và phát triển quan hệ quốc tế của BSC trong giai đoạn sắp tới.

KHOẢNG TƯ DOANH

Tư doanh cổ phiếu

Do sự biến động khó lường của thị trường, tư doanh cổ phiếu BSC đã chủ động giảm số dư đầu tư để hạn chế rủi ro. Số dư đầu tư bình quân 2016 đạt 83.9 tỷ đồng tương đương 42% kế hoạch được giao. Tư doanh danh mục mới của BSC năm 2016 cũng đạt được kết quả khả quan hơn so với năm 2015 khi ghi nhận lãi 2.9 tỷ lợi nhuận.

Tư doanh trái phiếu

Với định hướng, chiến lược đầu tư ngắn hạn, quay vòng vốn liên tục, đón đầu được các đợt sóng để tối đa hóa lợi nhuận, phần đầu trở thành một trong các hoạt động nòng cốt đem lại lợi nhuận cho công ty. Năm 2016, tiếp tục nắm bắt được nhu cầu của thị trường và khai thác tốt nền khách hàng, hoạt động kinh doanh nguồn vốn và trái phiếu thu được kết quả rất tích cực. Nhờ điều kiện thị trường trái phiếu thuận lợi, lợi nhuận 2016 từ kinh doanh trái phiếu là 60.2 tỷ đồng, đạt 195% kế hoạch năm và tăng 44% so với năm 2015.

2. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

CÁC GIÁ TRỊ KINH TẾ TRỰC TIẾP ĐƯỢC TẠO RA VÀ PHÂN BỐ

- Giá trị kinh tế trực tiếp tạo ra năm 2016 (1)
 - + Doanh thu: 648 tỷ đồng
- Giá trị kinh tế đã phân bổ năm 2016 (2):
 - + Chi phí hoạt động: 405.2 tỷ đồng
 - + Lương, thưởng, phúc lợi nhân viên: 75 tỷ đồng
 - + Các khoản chi trả cho cổ đông: tạm ứng cổ tức bằng cổ phiếu 4.3%, dự kiến sẽ chi trả phần lợi nhuận còn lại thông qua hình thức cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 6.4%.
 - + Các khoản chi trả thuế cho chính phủ: 11.3 tỷ đồng thuế thu nhập doanh nghiệp và 35.5 tỷ các loại thuế giá trị gia tăng, nhà thầu, thu nhập cá nhân...
 - + Các khoản đầu tư vào cộng đồng: 0
- Giá trị kinh tế giữ lại ((1) – (2)): 121 tỷ đồng

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tạo ra các nguồn lực cho phép chúng tôi có thể đem đến các giá trị gia tăng cho cổ đông và hoàn thành các trách nhiệm đối với xã hội. Do đó, chúng tôi xác định sự thành công trong hoạt động kinh doanh là phương diện trọng yếu nhất đóng vai trò tiền đề giúp thực thi các chiến lược phát triển bền vững của chúng tôi. Năm 2016, chúng tôi chi trả 75 tỷ VND các khoản lương thưởng, bảo hiểm và phúc lợi cho đội ngũ nhân viên. Thêm vào đó, chúng tôi đóng góp vào ngân sách nhà nước, qua đó gián tiếp góp phần tài trợ cho xây dựng trường học, bệnh viện, cơ sở cộng đồng và các hoạt động công ích khác. Trong năm 2016, BSC nộp tổng cộng 46.8 tỷ VND thuế.

Hoạt động của chúng tôi cũng đem lại lợi ích kinh tế gián tiếp cho các bên liên quan khác thông qua mạng lưới giao dịch trên toàn Việt Nam.

Hoàn thành các mục tiêu kinh doanh cho phép chúng tôi đầu tư vào hoạt động nghiên cứu và phát triển các phân khúc thị trường, sản phẩm và dịch vụ mới, đem lại lợi ích cho khách hàng, ngành và cổ đông.

3. KẾT QUẢ KINH DOANH

Đảm nhận vai trò là một tổ chức tài chính trung gian kết nối cung và cầu trên thị trường vốn, lợi ích và thành công của các bên liên quan cũng chính là thành công của chúng tôi. BSC luôn duy trì vị trí là một trong những công ty TOP10 thị trường chứng khoán Việt Nam. Lợi nhuận sau thuế năm 2016 đạt 115 tỷ VND. Thu nhập của BSC đến tương đối đồng đều từ 03 mảng: Môi giới, tư doanh và tư vấn.

Đối với các bên liên quan khác, đặc biệt là cơ quan nhà nước, mức đóng góp ngân sách Nhà nước đã tăng trong năm 2016 so với năm trước.

PHẦN 4. GẮN KẾT PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

1. TUÂN THỦ PHÁP LUẬT

Là một trong những công ty thành lập đầu tiên và nằm trong top đầu trên thị trường chứng khoán Việt Nam, BSC luôn đặt ra tiêu chuẩn tuân thủ cao nhất đối với luật pháp Việt Nam và quy định khu vực cũng như quốc tế.

BỘ QUY TẮC ỨNG XỬ CỦA BSC

Bộ Quy tắc ứng xử của BSC quy định toàn thể nhân viên phải luôn đảm bảo mức tuân thủ cao nhất đối với các chuẩn mực về sự chính trực trong mối quan hệ với đồng nghiệp, khách hàng, đối thủ và cộng đồng. Tất cả nhân viên mới đều được huấn luyện về các nội dung quy định trong bộ quy tắc này khi bắt đầu gia nhập Công ty. Bất kỳ nhân viên nào bị nghi ngờ có dấu hiệu thực hiện các hành vi gian lận hoặc nhận hối lộ sẽ bị điều tra trực tiếp bởi ban Thanh tra Nhân dân và đội ngũ quản trị cấp cao. Trong năm 2016, BSC không phát hiện bất kỳ trường hợp nào liên quan đến nhận hối lộ, tham nhũng hoặc các hành vi liên quan đến rửa tiền.

Tổng số lượng và tỷ lệ phần trăm các hoạt động đã được đánh giá rủi ro liên quan đến tham nhũng và các rủi ro trọng yếu đã được xác định: 6/11 rủi ro hoạt động tương ứng 64.55% liên quan đến tham nhũng và các rủi ro trọng yếu đã được BSC nhận diện và có biện pháp phòng ngừa, giám sát trong năm 2016.

CHÍNH SÁCH PHÒNG CHỐNG RỬA TIỀN

BSC đã xây dựng văn bản hướng dẫn về đánh giá khách hàng, chia sẻ thông tin và các nỗ lực trong việc phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố, rủi ro tuân thủ và chức năng kiểm soát tuân thủ, các nguyên tắc quản lý rủi ro trong hoạt động ngân hàng điện tử... Trong đó điển hình là “Các yêu cầu chú ý xác đáng khách hàng. Trong tài liệu này, BSC nhấn mạnh rằng, chất lượng hay độ sâu của các thủ tục nhận biết khách hàng có ảnh hưởng trực tiếp đến sự an toàn và lành mạnh trong hoạt động của BSC. Theo đó, chính sách phòng chống rửa tiền của BSC nhấn mạnh các nội dung cơ bản sau:

I. Các giao dịch đáng ngờ

1. Các dấu hiệu đáng ngờ cơ bản

- Khách hàng cung cấp thông tin nhận biết khách hàng không chính xác, không đầy đủ, không nhất quán;
- Khách hàng thuyết phục đối tượng báo cáo không báo cáo giao dịch cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- Không thể xác định được khách hàng theo thông tin khách hàng cung cấp hoặc giao dịch liên quan đến một bên không xác định được danh tính;
- Số điện thoại cá nhân hoặc cơ quan do khách hàng cung cấp không thể liên lạc được hoặc không có số này sau khi mở tài khoản hoặc thực hiện giao dịch;
- Các giao dịch được thực hiện theo lệnh hoặc theo uỷ quyền của tổ chức, cá nhân có trong danh sách cảnh báo;
- Các giao dịch mà qua thông tin nhận biết khách hàng hoặc qua xem xét về cơ sở kinh tế và pháp lý của giao dịch có thể xác định được mối liên hệ giữa các bên tham gia giao dịch với các hoạt động phạm tội hoặc có liên quan tới tổ chức, cá nhân có trong danh sách cảnh báo;
- Các tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch với số tiền lớn không phù hợp với thu nhập, hoạt động kinh doanh của tổ chức, cá nhân này;
- Giao dịch của khách hàng thực hiện thông qua đối tượng báo cáo không đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

2. Các dấu hiệu đáng ngờ trong lĩnh vực chứng khoán

- a. Giao dịch mua, bán chứng khoán có dấu hiệu bất thường trong một ngày hoặc một số ngày do một tổ chức hoặc một cá nhân thực hiện;
- b. Khách hàng thực hiện chuyển nhượng chứng khoán ngoài hệ thống mà không có lý do hợp lý;
- c. Công ty chứng khoán chuyển tiền không phù hợp với các hoạt động kinh doanh chứng khoán;
- d. Người không cư trú chuyển số tiền lớn từ tài khoản giao dịch chứng khoán ra khỏi Việt Nam;
- e. Khách hàng thường xuyên bán danh mục đầu tư và đề nghị công ty chứng khoán thanh toán bằng tiền mặt hoặc séc;
- f. Khách hàng đầu tư bất thường vào nhiều loại chứng khoán bằng tiền mặt hoặc séc trong khoảng thời gian ngắn hoặc sẵn sàng đầu tư vào các danh mục chứng khoán không có lợi;
- g. Tài khoản chứng khoán của khách hàng không hoạt động trong một thời gian dài nhưng đột nhiên được đầu tư lớn không phù hợp với khả năng tài chính của khách hàng;
- h. Giao dịch mua, bán chứng khoán có nguồn tiền từ các quỹ đầu tư được mở ở các vùng lãnh thổ được các tổ chức quốc tế xếp loại là có nguy cơ rửa tiền cao.

3. Các giao dịch yêu cầu thực hiện liên quan đến danh sách đen, danh sách cảnh báo (bao gồm: người ra lệnh thực hiện là các cá nhân, tổ chức nằm trong Danh sách đen, Danh sách cảnh báo được cập nhật theo từng thời kỳ)

4. Khi khách hàng có hành vi đáng ngờ dưới đây hoặc phát sinh nghi ngờ về tính trung thực hoặc đầy đủ của các thông tin nhận biết khách hàng đã thu thập từ khi mở tài khoản:

- a. Khách hàng không có giấy tờ pháp lý như chứng minh thư, hộ chiếu.
- b. Các giao dịch ngoài phạm vi thuộc sở hữu của công ty hoặc kinh nghiệm của khách hàng;
- c. Khách hàng có ý định hoặc hành vi hối lộ

nhân viên BSC để bằng mọi cách thực hiện giao dịch cho mình;

- d. Khách hàng tỏ ra hoảng sợ không có lý do rõ ràng;
- e. Khách hàng tỏ ra không quan tâm đến lệ phí và các phí khác;
- f. Khách hàng tỏ ra quá lo ngại về tính bảo mật của các giao dịch;
- g. Các giao dịch và hành vi khác của khách hàng mà Đơn vị thấy đáng ngờ.

II. Các hành vi bị cấm

Các hành vi liệt kê dưới đây bị cấm trong hoạt động phòng, chống rửa tiền:

1. Tổ chức, tham gia hoặc tạo điều kiện thực hiện hành vi rửa tiền;
2. Thiết lập hoặc duy trì tài khoản vô danh hoặc tài khoản sử dụng tên giả;
3. Thiết lập và duy trì quan hệ kinh doanh với ngân hàng được thành lập tại một quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nhưng không có sự hiện diện hữu hình tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ đó và không chịu sự quản lý, giám sát của cơ quan quản lý có thẩm quyền;
4. Cung cấp trái phép nhận tiền mặt, séc, công cụ tiền tệ khác hoặc công cụ lưu trữ giá trị và thực hiện thanh toán cho người thụ hưởng tại một địa điểm khác;
5. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong phòng, chống rửa tiền xâm hại quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân;
6. Cản trở việc cung cấp thông tin phục vụ công tác phòng, chống rửa tiền;
7. Đe dọa, trả thù người phát hiện, cung cấp thông tin, báo cáo, tố cáo về hành vi rửa tiền.

CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG, CHỐNG RỬA TIỀN

I. Nhận biết khách hàng

Tổ chức tài chính phải áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng trong các trường hợp sau:

1. Khi khách hàng lần đầu mở tài khoản, bao gồm tài khoản thanh toán, tài khoản tiết kiệm, tài khoản thẻ và các loại tài khoản khác;
2. Khi khách hàng lần đầu thiết lập mối quan hệ với tổ chức tài chính nhằm sử dụng sản phẩm, dịch vụ do tổ chức tài chính cung cấp;
3. Khi khách hàng thực hiện giao dịch không thường xuyên có giá trị lớn. Trong đó, giao dịch không thường xuyên có giá trị lớn là giao dịch của khách hàng không có tài khoản hoặc có tài khoản thanh toán nhưng không giao dịch trong vòng 6 tháng trở lên với tổng giá trị từ 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng trở lên trong một ngày;
4. Khi thực hiện chuyển tiền điện tử nhưng thiếu thông tin về tên, địa chỉ, hoặc số tài khoản của người khởi tạo;
5. Khi nghi ngờ giao dịch hoặc các bên liên quan đến giao dịch có liên quan đến hoạt động rửa tiền;
6. Khi nghi ngờ về tính chính xác hoặc tính đầy đủ của các thông tin nhận biết khách hàng đã thu thập trước đó;

II. Xác nhận thông tin nhận biết về khách hàng

1. Thông tin nhận biết khách hàng

Thông tin nhận biết khách hàng phải có các thông tin chính sau đây:

a. Thông tin nhận dạng khách hàng

- Đối với khách hàng cá nhân là người Việt Nam: họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; quốc tịch; nghề nghiệp, chức vụ; số điện thoại; số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp; địa chỉ nơi đăng ký thường trú và nơi ở hiện tại.
- Đối với khách hàng cá nhân là người nước ngoài: họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; quốc tịch; nghề nghiệp, chức vụ; số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, thị thực nhập cảnh; địa chỉ nơi đăng ký cư trú ở nước ngoài và địa chỉ nơi đăng ký cư trú ở Việt Nam;
- Đối với khách hàng cá nhân là người không quốc tịch: họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; nghề nghiệp, chức vụ; số thị thực; cơ quan cấp thị thực nhập cảnh; địa chỉ nơi đăng ký cư trú ở nước ngoài và ở Việt Nam.
- Đối với khách hàng cá nhân là người có từ hai (02) quốc tịch trở lên: ngoài việc cung cấp các thông tin bao gồm họ và tên; ngày, tháng,

năm sinh; nghề nghiệp; chức vụ; số điện thoại; số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu; ngày cấp, nơi cấp; khách hàng cần cung cấp thêm các thông tin về các quốc tịch, các địa chỉ đăng ký cư trú tại các quốc gia mang quốc tịch.

- Đối với khách hàng là tổ chức: tên giao dịch đầy đủ và viết tắt; địa chỉ đặt trụ sở chính; số điện thoại, số fax; lĩnh vực hoạt động, kinh doanh; thông tin về người thành lập, đại diện cho tổ chức bao gồm các thông tin quy định tại điểm a khoản này.

b. Thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi

- Xác định chủ sở hữu hưởng lợi và áp dụng các biện pháp để nhận biết và cập nhật thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi;
- Đối với khách hàng là pháp nhân hoặc khi cung ứng dịch vụ thỏa thuận ủy quyền, đối tượng báo cáo phải thu thập thông tin về quyền sở hữu và cơ cấu kiểm soát để xác định được cá nhân có lợi ích kiểm soát và chi phối hoạt động của pháp nhân hoặc thỏa thuận ủy quyền đó.

c. Mục đích của khách hàng trong mối quan hệ với đối tượng báo cáo.

2. Biện pháp xác minh thông tin nhận biết khách hàng

Thông tin nhận biết khách hàng có thể được xác minh thông qua việc sử dụng các tài liệu, dữ liệu bao gồm:

a. Đối với khách hàng cá nhân

- Nhận dạng khách hàng cá nhân dựa trên giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu còn thời hạn sử dụng và các giấy tờ khác do cơ quan có thẩm quyền cấp (bằng lái xe, thẻ bảo hiểm y tế...);
- Khi có dấu hiệu nghi ngờ thì yêu cầu khách hàng xuất trình thêm các giấy tờ khác có thông tin về nhân thân của khách hàng. Phải lưu lại bản sao đã đối chiếu theo quy định để có thể tìm thêm được những thông tin khi cần thiết;
- Lưu ý kiểm tra dấu thị thực nhập cảnh vào Việt Nam (trừ trường hợp được miễn thị thực theo quy định) đối với khách hàng cá nhân nước ngoài khi sử dụng hộ chiếu để mở tài khoản;

b. Đối với khách hàng tổ chức: cần xác minh việc những người đại diện tổ chức hoặc những người làm việc nhân danh tổ chức thực sự được ủy quyền căn cứ vào các tài liệu bao gồm: giấy phép hoặc quyết định thành lập; quyết định đổi tên gọi, chia tách, sáp nhập; giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; điều lệ; quyết định bổ nhiệm hoặc hợp đồng thuê Tổng giám đốc (Giám đốc), Kế toán trưởng, đại diện theo pháp luật của tổ chức; chứng minh thư, hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật của tổ chức; các giấy tờ hợp pháp khác về việc ủy quyền cho người đại diện là chủ tài khoản của tổ chức; các tài liệu khác của người được ủy quyền; các tài liệu khác liên quan đến hoạt động của tổ chức

Ngoài ra, trong các trường hợp cần thiết, việc xác minh thông tin khách hàng có thể được thực hiện thông qua bên thứ ba, cụ thể:

- Thông qua các cá nhân, tổ chức đã hoặc đang có quan hệ với khách hàng và đối chiếu thông tin có được với thông tin khách hàng cung cấp;
- Thông qua cơ quan quản lý hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan;
- Thuê, hợp tác với các tổ chức khác để xác minh nhận dạng khách hàng và chịu trách nhiệm về nhận biết và cập nhật thông tin khách hàng trước cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

III. Cập nhật thông tin nhận biết khách hàng

Thường xuyên cập nhật thông tin nhận biết khách hàng trong suốt thời gian thiết lập quan hệ với khách hàng; bảo đảm các giao dịch mà khách hàng đang tiến hành thông qua đối tượng báo cáo phù hợp với những thông tin đã biết về khách hàng, về hoạt động kinh doanh, về rủi ro và về nguồn gốc tài sản của khách hàng.

IV. Phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro

1. Xây dựng quy định về phân loại khách hàng trên cơ sở rủi ro rửa tiền

a. Loại khách hàng: người cư trú hoặc không cư trú; tổ chức hoặc cá nhân; khách hàng thuộc hoặc không thuộc danh sách đen, danh sách cảnh báo; lĩnh vực, phương thức hoạt động, kinh doanh.

b. Loại sản phẩm, dịch vụ khách hàng sử dụng (gồm cả dự kiến sử dụng): dịch vụ tiền mặt hoặc chuyển khoản; dịch vụ thanh toán hoặc chuyển tiền, đổi tiền; dịch vụ môi giới, ủy thác, ủy quyền; dịch vụ bảo hiểm nhân thọ hoặc phi nhân thọ.

c. Vị trí địa lý nơi khách hàng cư trú hoặc có trụ sở chính: các nước trong danh sách cấm vận nêu tại các Nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên Hợp quốc; các nước trong danh sách công khai không tuân thủ hoặc tuân thủ không đầy đủ các khuyến nghị về chống rửa tiền và chống tài trợ khủng bố do Lực lượng đặc nhiệm tài chính công bố định kỳ; quốc gia hoặc vùng, lãnh thổ được, nhận định có nhiều hoạt động ma túy, tham nhũng, rửa tiền.

d. Yếu tố khác do đối tượng báo cáo tự xác định và phân loại phù hợp với thực tế phát sinh.

2. Phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro

a. Đối với khách hàng, giao dịch có mức độ rủi ro thấp: thu thập đầy đủ thông tin về khách hàng và áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng đúng quy định;

b. Đối với khách hàng, giao dịch có mức độ rủi ro cao (khách hàng cá nhân nước ngoài có ảnh hưởng chính trị; quan hệ ngân hàng đại lý; các giao dịch liên quan đến công nghệ mới; giao dịch có giá trị lớn bất thường, giao dịch phức tạp đối tượng thuộc loại giám sát đặc biệt hoặc các hoạt động kinh doanh qua giới thiệu): thực hiện các biện pháp nhận biết đã quy định tại mục 1, đồng thời áp dụng các biện pháp đánh giá tăng cường, cụ thể:

- Có sự phê duyệt của cấp quản lý cao hơn ít nhất một cấp so với cấp phê duyệt áp dụng đối với khách hàng thông thường khi khách hàng lần đầu thiết lập quan hệ hoặc khi khách hàng hiện tại được đánh giá là khách hàng có rủi ro cao. Đối với khách hàng hiện tại, khi đánh giá hoặc đánh giá lại được xếp loại là khách hàng có rủi ro cao, đối tượng báo cáo phải trình cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc phê duyệt lại mối quan hệ với khách hàng này và áp dụng các biện pháp tăng cường khác.

- Thu thập bổ sung các thông tin gồm:

- Đối với khách hàng là cá nhân

- + Tên, địa chỉ, số điện thoại liên lạc của cơ quan, tổ chức hoặc chủ cơ sở nơi làm việc hoặc có thu nhập chính.

- + Mức thu nhập trung bình hàng tháng trong vòng ít nhất 3 (ba) tháng gần nhất của khách hàng;

- Đối với khách hàng là tổ chức

- + Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tạo doanh thu chính;

- + Tổng doanh thu trong 2 (hai) năm gần nhất;

- + Danh sách (họ tên, địa chỉ thường trú) thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên, thành viên Ban điều hành, Kế toán trưởng hoặc tương đương;

- + Tên, địa chỉ, người đại diện theo pháp luật hoặc theo ủy quyền của công ty mẹ (nếu khách hàng là công ty con) hoặc danh sách tên, địa chỉ, người đại diện theo pháp luật hoặc theo ủy quyền của chi nhánh, công ty con, văn phòng đại diện (nếu khách hàng là công ty mẹ).

- Giám sát các giao dịch của khách hàng để đảm bảo giao dịch của khách hàng phù hợp với bản chất, mục đích thiết lập mối quan hệ và hoạt động của khách hàng; kịp thời phát hiện các giao dịch bất thường và xem xét báo cáo giao dịch đáng ngờ khi có đủ cơ sở hợp lý theo quy định của pháp luật.

- Cập nhật thông tin định kỳ ít nhất 1 (một) năm một lần hoặc khi đối tượng báo cáo biết thông tin về khách hàng đã có sự thay đổi

Ngăn chặn và phát hiện hoạt động giao dịch nội gián là một trong những thách thức lớn tại nhiều thị trường, đặc biệt là với các thị trường mới nổi và đang phát triển như Việt Nam. Thị trường bao gồm rất nhiều người mua và người bán, việc thiết lập các quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư trên thị trường tự do là hết sức cần thiết.

Chính sách về Giao dịch của BSC nêu rõ quyền lợi khách hàng phải được ưu tiên đảm bảo so với quyền lợi cá nhân của nhân viên. BSC cũng duy trì các chính sách và thủ tục để đảm bảo mức độ tuân thủ, phát hiện và ngăn chặn các hành vi lạm dụng quyền hạn gây ảnh hưởng đến khách hàng. Trong năm 2016, công ty không phát hiện bất kỳ trường hợp gian lận giao dịch nào.

Năm 2016, BSC không có bất kỳ trường hợp bị phạt hoặc chịu các chế tài tài chính do không tuân thủ với các quy định pháp luật.

2. QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP VÀ QUẢN LÝ RỦI RO

Hội đồng quản trị	Chỉ đạo chung về chiến lược phát triển bền vững của doanh nghiệp Phê duyệt các mục tiêu và kế hoạch hành động
Ban Điều hành và các ban khác	Xây dựng và trình HĐQT các mục tiêu và kế hoạch hành động về phát triển bền vững BSC Truyền thông chiến lược, mục tiêu và kế hoạch phát triển bền vững trong toàn Công ty; Đảm bảo kế hoạch phát triển bền vững đạt mục tiêu đề ra
Các khối và bộ phận chức năng	Triển khai và hiện thực hóa các kế hoạch phát triển bền vững theo đúng định hướng của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành
Nhân viên	Thực hiện các công việc cụ thể hàng ngày liên quan đến các mục tiêu về phát triển bền vững của BSC



QUẢN TRỊ RỦI RO

Tại BSC, việc kiểm soát rủi ro đã được triển khai trong tác nghiệp hàng ngày, bao quát được các mặt hoạt động của BSC. Một hệ thống QTRR hoàn chỉnh và thống nhất được kỳ vọng sẽ đảm bảo việc chủ động phát hiện các rủi ro tiềm tàng; quản lý rủi ro; ngăn chặn và hạn chế một cách có hiệu quả những tổn thất do các rủi ro gây ra; và tuân thủ các quy định của UBCKNN.

Quy trình quản trị rủi ro tại BSC được xây dựng đầy đủ từ các bước thiết lập tình huống xác định rủi ro, đánh giá, phân tích và xử lý rủi ro. Cụ thể như sau:

Thiết lập tình huống rủi ro được bắt đầu từ việc xác định khẩu vị rủi ro được xếp hạng từ thấp đến cao và trên các nguyên tắc đảm bảo khẩu vị rủi ro gắn kết với các mục tiêu và sáng kiến kinh doanh chiến lược của BSC, đảm bảo khẩu vị rủi ro tương thích với quyền lợi và kỳ vọng của các bên liên quan; đảm bảo khẩu vị rủi ro phù hợp với khả năng chấp nhận rủi ro và các giới hạn rủi ro tại BSC; khẩu vị rủi ro phải được chuẩn hóa dưới dạng các thông điệp dễ hiểu và phù hợp với các bên liên quan; khẩu vị rủi ro do Ban điều hành xác định và được HĐQT rà soát, phê duyệt định kỳ ít nhất hàng năm hoặc khi có các biến động trọng yếu.

Thiết lập khả năng chấp nhận rủi ro: Khả năng chấp nhận rủi ro là khả năng dùng vốn chủ sở hữu, lợi nhuận kỳ vọng (dự kiến) và các nguồn lực tài chính sẵn có để bù đắp tại mọi thời điểm tất cả các rủi ro trọng yếu và những tổn thất tiềm ẩn cố hữu mà BSC chấp nhận.

Xác định các thông số rủi ro: Rủi ro được BSC xếp hạng bằng cách so sánh với nhau và so với một chuẩn mực nhất định nhằm xác định mức độ liên quan của rủi ro đến hoạt động kinh doanh và tính hiệu quả của các giải pháp hiện tại. Các tiêu chí liên quan được BSC sử dụng khi xây dựng các thông số rủi ro bao gồm nhưng không hạn chế ở các tiêu chí tài chính (doanh thu, lợi nhuận, chi phí, vv), danh tiếng, pháp lý, tuân thủ, khách hàng, nhân sự, gián đoạn kinh doanh.

Xác định các nhóm rủi ro: Các nhóm rủi ro được BSC xây dựng như một hướng dẫn để đảm bảo sự thống nhất và hoàn thiện (ở mức có thể) khi nhận diện rủi ro tùy thuộc vào hoạt động kinh doanh tại BSC. Các nhóm rủi ro là tập hợp tất cả các rủi ro hiện tại hoặc mới xuất hiện mà BSC phải đối mặt, và là một công cụ hữu ích để tiếp tục nhận diện danh mục rủi ro của BSC khi môi trường kinh doanh thay đổi.

BSC xác định rủi ro dựa vào các nhóm rủi ro được xây dựng cho các bộ phận/phòng/ban tương ứng. Xác định rủi ro là trách nhiệm của trưởng bộ phận/phòng/ban. Khi phát hiện ra rủi ro, dựa trên hiểu biết của mình, nhân viên phải thông báo với cấp trên trực tiếp của mình về tính chất của rủi ro và mức độ ảnh hưởng có thể của nó. BSC cân nhắc và đánh giá các rủi ro tiềm tàng trong quá trình thực hiện các hoạt động kinh doanh liên quan đến các hệ thống và thủ tục hiện tại cũng như đề xuất cho tương lai. Mọi rủi ro được phát hiện được đánh giá và ghi chép lại một cách chi tiết bao gồm cả những kiểm soát nhằm giảm thiểu rủi ro và nhân viên trực tiếp chịu trách nhiệm thực hiện những kiểm soát đó.

Mục tiêu chính của việc phân tích rủi ro tại BSC là để ưu tiên phân bổ nguồn lực hiệu quả hơn để đối phó với những rủi ro ưu tiên cao. Xác định nguyên nhân cốt lõi và hậu quả có thể xảy ra của rủi ro: BSC cân nhắc các nguồn rủi ro và những hậu quả có thể xảy ra của các rủi ro.

Việc xác định chính xác nguyên nhân và hậu quả sẽ cho phép các giải pháp QTRR được thiết kế và thực hiện hiệu quả hơn. Bên cạnh đó Công ty thực hiện xếp hạng rủi ro được thực hiện nhằm đánh giá tác động và khả năng xảy ra của rủi ro. Xếp hạng rủi ro được đánh giá sau khi xem xét tính hiệu quả của các kiểm soát hiện tại.

Xử lý rủi ro bằng cách xây dựng các kế hoạch hành động và đồng thời giám sát rà soát liên tục rủi ro. Đối với các rủi ro ưu tiên cao, BSC xây dựng và thực hiện các kế hoạch hành động giảm thiểu rủi ro. Bên cạnh đó việc xem xét và giám sát tình trạng của các rủi ro, tính hiệu quả của các biện pháp xử lý rủi ro, chiến lược và các cơ chế thiết lập để thực hiện kiểm soát là rất cần thiết. BSC giám sát một cách thường xuyên rủi ro và tính hiệu quả của các biện pháp kiểm soát nhằm xác định sự thay đổi thứ tự ưu tiên của các rủi ro trong trường hợp điều kiện môi trường thay đổi.

Dựa trên nền tảng quản trị rủi ro được phát triển từ năm 2014, BSC tiếp tục xây dựng được các chương trình hành động áp dụng chính sách quản trị rủi ro vào từng loại rủi ro trong năm 2016: hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro thanh toán, rủi ro thanh khoản, rủi ro pháp lý.

Rủi ro hoạt động: BSC đã chuẩn hóa quy trình và các điểm kiểm soát thông qua việc xây dựng/chỉnh sửa/bổ sung các chính sách và quy trình hoạt động như môi giới, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư... trong đó quy định rõ vai trò và trách nhiệm của từng vị trí đối với từng công việc cụ thể. Đây là công cụ đơn giản để nâng cao tính hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ để giảm thiểu rủi ro.

Đi kèm theo đó, các biện pháp quản trị rủi ro khác được áp dụng bao gồm triển khai hệ thống hiện đại hóa công nghệ thông tin, hệ thống giám sát và cảnh báo sự cố; xây dựng/bổ sung các kịch bản và diễn tập cho việc xử lý các sự cố liên quan đến CNTT; quản lý việc truy cập, phân quyền truy cập theo chức năng – nhiệm vụ đối với từng bộ phận nhằm nâng cao tính bảo mật của hệ thống.

Rủi ro thị trường: BSC đang thực hiện đo lường giá trị rủi ro thị trường theo quy định tại Thông tư 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính. Theo đó, việc quản lý hạn mức rủi ro thị trường đang được thực hiện hàng ngày, hàng tuần tại BSC. Việc đo lường tỷ lệ an toàn vốn khả dụng của BSC được thực hiện hàng ngày và được gửi đến Ban Lãnh Đạo và các phòng kinh doanh. Hàng tuần, các phòng kinh doanh đều được thông báo về giới hạn kiểm soát hạn mức đầu tư.

Ngoài ra, cơ cấu danh mục đầu tư được quản lý hàng tháng qua việc báo cáo phân tích giá trị thuần của các khoản đầu tư nhằm cung cấp các thông tin về tình hình lãi/lỗ của các khoản đầu tư và mức độ tập trung rủi ro và các tiêu chí đánh giá bao gồm: đơn vị phát hành/đối tác, lĩnh vực/ngành nghề, loại đầu tư, kỳ hạn...

Rủi ro thanh toán: BSC đang thực hiện đo lường giá trị rủi ro thanh toán theo quy định tại Thông tư 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính. Rủi ro thanh toán được tính hàng ngày và được báo cáo lên Ban lãnh đạo BSC và các phòng kinh doanh. Ngoài ra, rủi ro thanh toán sẽ được báo cáo trong trường hợp đột xuất làm ảnh hưởng đến tính thanh toán của BSC, hoặc khi có yêu cầu từ Ban lãnh đạo.

Rủi ro thanh khoản: BSC xây dựng bộ chỉ số thanh khoản mục tiêu áp dụng từ năm 2014 dựa trên Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 của Bộ Tài chính, chỉ số thanh khoản 3 năm gần nhất của BSC và chỉ số thanh khoản trung bình của các CTCK chứng khoán khác trên thị trường nhằm đo lường khả năng thanh khoản và so sánh với các chỉ số mục tiêu để đánh giá tính thanh khoản của BSC.

BSC giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của BSC và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Định kỳ hàng quý, BSC lập báo cáo phân tích dòng tiền để so sánh dòng tiền vào và dòng tiền ra trong kỳ cho các hoạt động kinh doanh, đầu tư và tài chính, qua đó phân tích và đánh giá những xu hướng sử dụng và huy động vốn trong kỳ. Ngoài ra, báo cáo phân tích chỉ số thanh khoản của BSC dựa trên các số liệu tại báo cáo cân đối kế toán được xây dựng hàng tháng. Từ đó đưa ra các đánh giá về khả năng thanh khoản/ trạng thái thanh khoản của BSC trong kỳ báo cáo.

Rủi ro pháp lý: Bộ phận pháp chế của BSC chủ động cập nhật các thay đổi của văn bản pháp luật và đánh giá những tác động của việc thay đổi các chính sách liên quan đến hoạt động của BSC. Rà soát, chuẩn hóa các quy trình, chính sách, phân cấp ủy quyền của các nghiệp vụ để đảm bảo phù hợp với các thay đổi pháp lý, đồng thời thống nhất nội dung, tránh các văn bản, quy định rời rạc, thiếu nhất quán.

Hỗ trợ các bộ phận nghiệp vụ kiểm tra tính pháp lý của các dự thảo hợp đồng và các văn bản phát hành của BSC nhằm đảm bảo tính tuân thủ quy định của pháp luật.

3. ĐẠO ĐỨC KINH DOANH

Quy tắc và quy định về đạo đức trong kinh doanh là nền tảng cho sự phát triển kinh doanh, với vai trò là người sử dụng lao động, chúng tôi luôn tạo một môi trường lành mạnh và theo chuẩn mực đạo đức nhất định.

Hoạt động cốt lõi của các công ty chứng khoán là hoạt động trên thị trường vốn dựa trên cơ sở tin tưởng và lòng tin. Tính chính trực và các chuẩn mực đạo đức là các yếu tố cơ bản dẫn tới phát triển bền vững. Do đó, nhân sự của BSC đòi hỏi phải tuân thủ các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và tính liêm khiết cao nhất. UBCKNN là cơ quan giám sát việc tuân thủ các quy định về đầu tư chứng khoán. Tuy nhiên, trong thực tế, không phải lúc nào các quy định cũng được nêu trắng đen rõ ràng, do đó nhân sự của BSC phải sử dụng sự cẩn trọng hợp lý và tuân thủ theo những thông lệ kinh doanh được chấp nhận trong những hoàn cảnh tương tự. Sự tuân thủ các quy định pháp luật cũng như đạo đức nghề nghiệp không nên hiểu đơn thuần là việc tuân thủ các từ ngữ quy định của pháp luật hay quy định mà quan trọng hơn là sự tuân thủ đạo lý và tinh thần của quy định đó. Do đó, BSC muốn đi đường dài, thì ngoài chất lượng chuyên môn thì đạo đức là nội dung cần thiết phải đào tạo và xây dựng. Đây là phương tiện xây đắp và thiết lập lòng tin và sự chung thủy từ khách hàng.

Bộ quy tắc ứng xử của BSC quy định về các hành vi và cách hành xử trong các mối quan hệ kinh doanh thích hợp trong môi trường làm việc của Công ty. Việc đưa ra các ý kiến hoặc mối quan ngại về các hành vi đạo đức trong kinh doanh được chính thức hóa bằng các quy trình sẵn có trong quy định hiện hành, đồng thời đề xuất các kênh phản hồi khác nhau. Bộ quy tắc ứng xử này được đăng trên mạng nội bộ nhằm mục đích tham khảo và cập nhật.

Bộ quy tắc ứng xử là cam kết của chúng tôi về các tiêu chuẩn đạo đức trong kinh doanh của BSC. Bộ quy tắc này được lập dựa trên các giá trị của BSC và xác định các nguyên tắc cũng như các kỳ vọng dành cho tất cả các nhân viên làm việc tại BSC. Bộ quy tắc này được áp dụng cho tất cả các nhân viên và thành viên HĐQT. Trong bộ quy tắc này, yếu tố được quan tâm và đề cập nhiều nhất đều liên quan đến con người. Điều này bao gồm việc đối xử giữa người với người, đề cao nhân phẩm của mỗi cá nhân, và cơ hội của mỗi người đều như nhau; tạo ra một môi trường làm việc nói không với các hành vi quấy rối và bảo vệ sự riêng tư và tuyệt mật của từng cá nhân.

Các giá trị của BSC là nền tảng cho chúng tôi trong việc tạo ra giá trị bền vững cho các cổ đông, hỗ trợ cộng đồng địa phương, và bảo vệ danh tiếng của công ty. Hoạt động kinh doanh đi kèm tính trung thực là điều mà chúng tôi cố gắng thực hiện mỗi ngày để tạo sự tin tưởng của khách hàng. Để minh chứng cho điều này, bao gồm trong bộ quy tắc là các chỉ số đo lường để ngăn chặn tham nhũng cũng như các giao dịch nội gián, đồng thời đảm bảo việc tuân thủ tất cả các luật và quy định hiện hành.

Tại BSC, cam kết hoạt động có trách nhiệm là kim chỉ nam trong mọi hoạt động. Chúng tôi hiểu rằng đạo đức kinh doanh của chúng tôi có thể là một lợi thế cạnh tranh, tạo điều kiện cho chúng tôi:

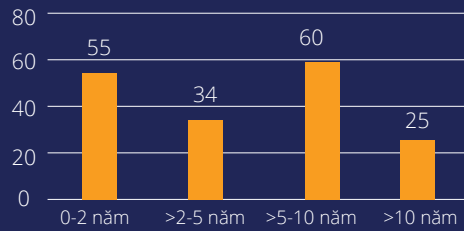
- Tuân thủ chặt chẽ các thông lệ và các giá trị cốt lõi khi tham gia vào thị trường mới.
- Thành công trong việc nhận dạng, học hỏi và kết hợp các hoạt động kinh doanh hiện tại với văn hóa của chúng tôi.



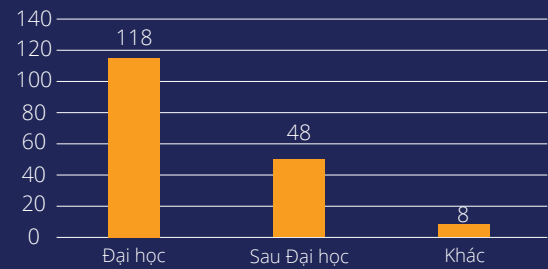
PHẦN 5. PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC TẠI BSC

1. CÁC THỐNG KÊ VỀ NGUỒN NHÂN LỰC

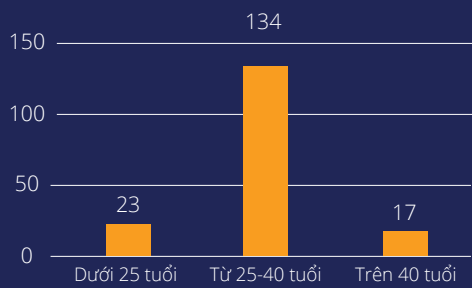
Số nhân viên theo thời gian làm việc



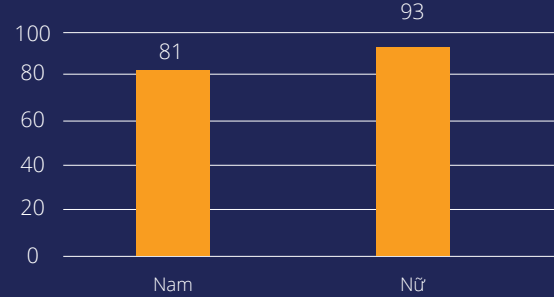
Số nhân viên theo trình độ học vấn



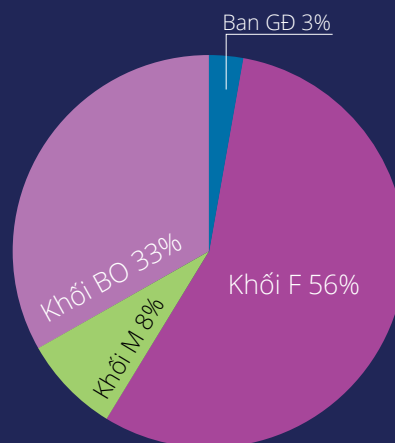
Số nhân viên theo độ tuổi



Số nhân viên theo giới tính

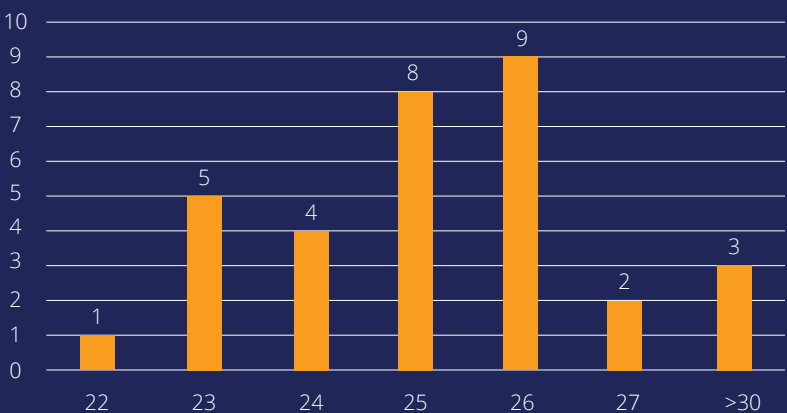


CƠ CẤU NHÂN VIÊN THEO KHỐI

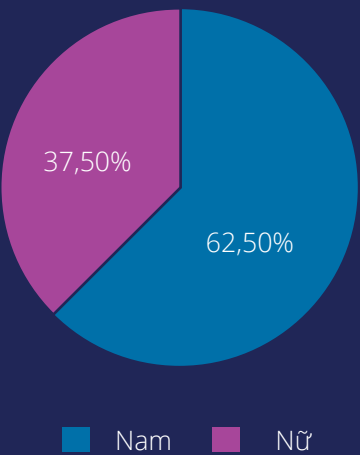


- Số lượng và tỉ lệ nhân viên mới tuyển trong kỳ báo cáo theo nhóm tuổi, giới tính và khu vực

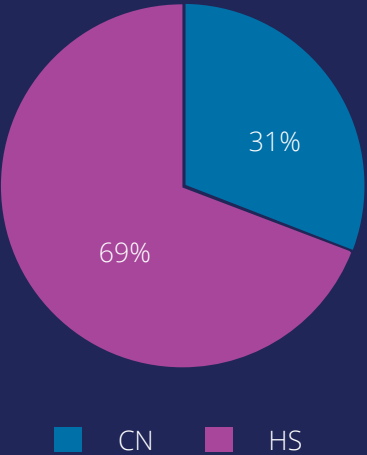
Số nhân viên tuyển trong năm 2016 theo độ tuổi



Cơ cấu nhân viên tuyển trong năm 2016 theo giới tính

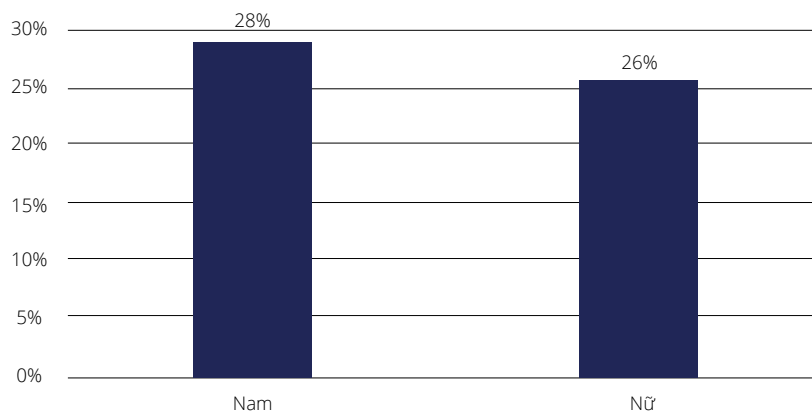


Cơ cấu nhân viên mới theo khu vực (HS (Hà Nội) - CN (Tp. HCM))

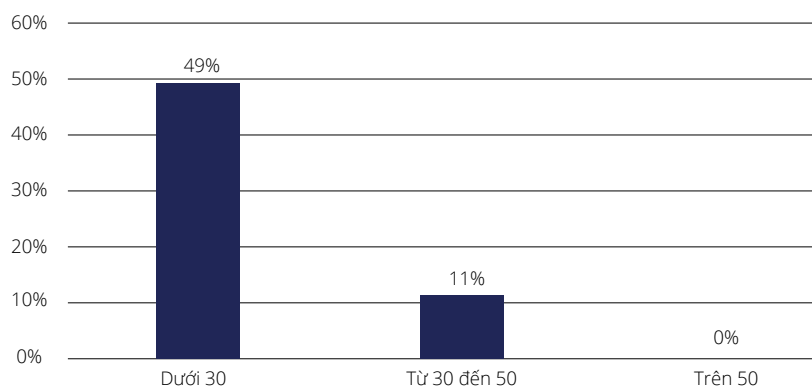


- Vòng quay nhân viên trong kỳ báo cáo theo nhóm tuổi, giới tính và khu vực
Vòng quay nhân viên BSC 2016: 27%

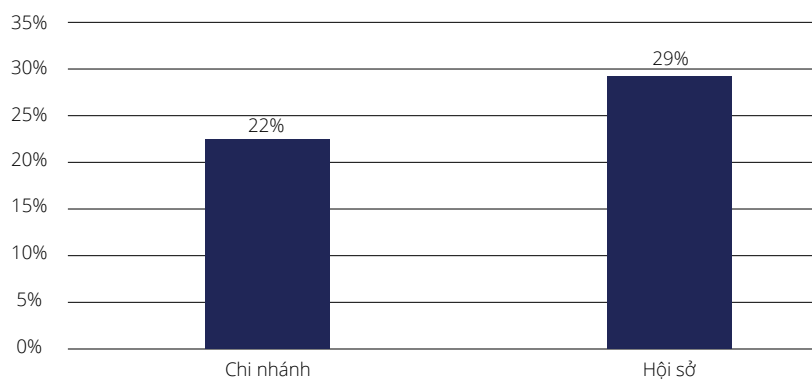
Vòng quay nhân viên theo giới tính



Vòng quay nhân viên theo nhóm tuổi



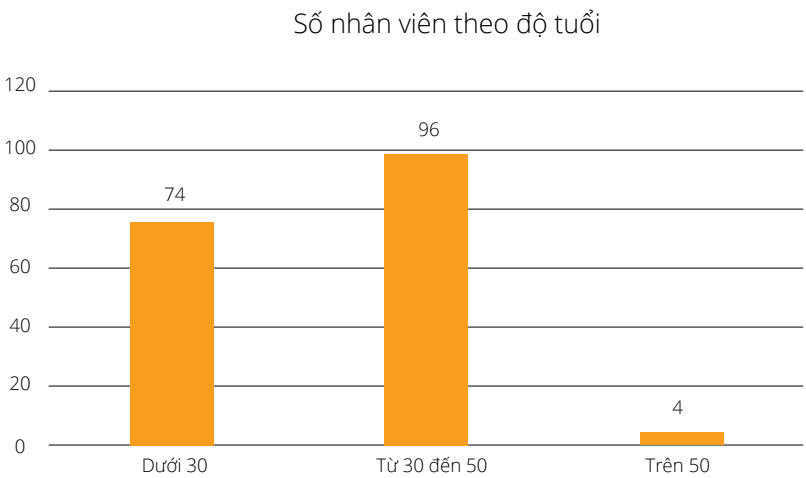
Vòng quay nhân viên theo khu vực HS (Hà Nội) - CN (Tp. HCM)



- Tỷ lệ phần trăm (%) số người trong ban lãnh đạo của BSC theo các tiêu thức:
Ban Điều hành chia theo giới tính và nhóm tuổi

Nhóm tuổi	Nam	Tỷ trọng	Nữ	Tỷ trọng
Dưới 30 tuổi	0	0%	0	0%
Từ 30 đến 50 tuổi	1	25%	2	50%
Trên 50 tuổi	1	25%	0	0%

+ Nhóm dân tộc thiểu số chiếm 0%.



- Số lượng các khiếu nại về lao động đã nhận, xử lý và giải quyết thông qua các cơ chế chính thức về xử lý khiếu nại: Năm 2016 tại BSC không phát sinh.
- Tỷ lệ phần trăm (%) và tổng số các thỏa thuận đầu tư lớn có đề cập tới các điều khoản về quyền con người hoặc đã được sàng lọc về vấn đề nhân quyền: Năm 2016 tại BSC không phát sinh.
- Tỷ lệ phần trăm người lao động được đánh giá hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp định kỳ, theo giới tính và theo danh mục người lao động: 100% người lao động được đánh giá hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp định kỳ thông qua chỉ tiêu KPI được phân giao và đánh giá hàng tháng, quý, năm. Trong đó, phân hạng theo giới tính gồm 81 nam chiếm 46.55% và 93 nữ chiếm 53.45%.

2. QUAN ĐIỂM CỦA BSC VỀ NGUỒN NHÂN LỰC

Một trong các yếu tố then chốt của sự thành công trong kinh doanh là năng lực của nguồn nhân lực. Vì vậy BSC luôn phấn đấu không ngừng để hỗ trợ tạo điều kiện cho nhân viên phát triển và nâng cao các kỹ năng cũng như kiến thức chuyên môn. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là mục tiêu hàng đầu trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực của BSC. Tại đây, các nhân viên được khuyến khích để khám phá và phát huy hết tiềm năng của bản thân. Mọi lĩnh vực liên quan đến nhân lực đều được quản lý bởi Bộ phận Nhân sự thông qua các chính sách, các chương trình đào tạo và giám sát, các hoạt động xây dựng mục tiêu phát triển cho từng cá nhân và thiết lập các chỉ số đánh giá hiệu quả công việc (KPIs). Chính sách nhân sự được lưu giữ, thông tin đa chiều và được cập nhật thường xuyên.

Con người là tài sản quý giá nhất trong bất cứ ngành dịch vụ nào, đặc biệt là ngành dịch vụ tài chính như chúng khoán. Một doanh nghiệp chỉ có thể phát huy được hết tiềm năng khi họ biết thu hút, khuyến khích và giữ chân những nhân viên giỏi nhất cũng như đặt họ vào đúng chỗ, đúng thời điểm để phát triển;

Hoạt động kinh doanh chứng khoán sẽ ngày càng tiệm cận đến các sản phẩm tài chính có hàm lượng chất xám và tri thức cao, do đó yêu cầu về kiến thức, khả năng chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp phải được đặt lên hàng đầu.

BSC định hướng xây dựng văn hóa chấp nhận bất kỳ tài năng nào gia nhập BSC. BSC cần người tài và đón nhận họ trở thành một phần của BSC.

Chính tư duy đổi mới, đầu óc kinh doanh, khả năng làm việc nhóm và đạo đức nghề nghiệp của tập thể các cá nhân trong tổ chức mới đem lại cho BSC lợi thế cạnh tranh sắc bén. Có 3 thuộc tính rất quan trọng trong cuộc cạnh tranh này - đầu óc kinh doanh, tư duy đổi mới và trình độ quản lý:

- + Óc kinh doanh là để tìm ra những cơ hội mới và chấp nhận mạo hiểm có tính toán. Bất động là con đường chắc chắn đi đến diệt vong. Chỉ có chuyển động và thay đổi mới mang lại sức mạnh.
- + Tư duy đổi mới là những gì tạo ra các sản phẩm mới cùng những quy trình làm tăng giá trị.
- + Trình độ quản lý: Bộ phận quản lý phải mở ra những thị trường mới và những kênh phân phối sản phẩm mới. Cần phải mang những sản phẩm và dịch vụ mới tới thị trường để làm gia tăng giá trị cho nhà đầu tư, đây mới là kênh giữ chân khách hàng bền vững nhất.

Công nghệ và đổi mới trở thành những nhân tố quan trọng hơn đối với thành công kinh tế. Chìa khóa cho đổi mới và công nghệ chính là con người. BSC phải phát triển và bồi dưỡng những tài

năng của mình để đổi mới và sáng tạo sẽ được gắn với đào tạo và giáo dục.

BSC xác định để trở thành thành viên của Công ty, các nhân viên cần sở hữu những năng lực cốt lõi sau:

- + Tính kỷ luật: gồm tuân thủ và phục tùng để suy nghĩ độc lập và tìm cách vươn lên mà không cần ai giám sát sau lưng. Tuân thủ quy định và cấp dưới phải phục tùng cấp trên.
- + Tính sáng tạo: Mạnh dạn và cải tiến, luôn tìm kiếm những cách thức mới mẻ để làm việc, tạo ra giá trị gia tăng, lợi ích gia tăng. Nhân lực tại BSC không thể hài lòng với việc giải quyết vấn đề và hoàn thiện thêm những điều đã biết.
- + Tính nhân bản: trách nhiệm với đồng nghiệp, với xã hội và với chính mình.
- + Ngoại ngữ: Nhân lực BSC định hướng nắm vững tiếng Anh vì đó là ngôn ngữ của kinh doanh, khoa học, ngoại giao và học thuật và phù hợp với xu thế hội nhập của thị trường chứng khoán Việt Nam.

3. MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC

Được thành lập từ những năm đầu khi thị trường chứng khoán Việt Nam mới hình thành, văn hóa BSC đã được hun đúc tạo nên các giá trị, quan niệm và truyền thống thấm nhuần vào mọi hoạt động kinh doanh. Sức mạnh của văn hóa BSC không chỉ nằm ở lối tư duy đã thành nếp mà ở cả khả năng bao quát, sáng tạo và thực tiễn trong việc theo đuổi thực hiện mục tiêu công việc.

Là tài sản vô hình nhưng quý giá, văn hóa trở thành vũ khí sắc bén, tạo nên sức cạnh tranh mạnh mẽ trên thị trường và xây dựng hình ảnh BSC tốt đẹp trong tâm thức của khách hàng và xã hội.

TÔN TRỌNG CÁ NHÂN

Tại BSC, chúng tôi chú trọng xây dựng một văn hóa doanh nghiệp cho phép có sự trao đổi và cạnh tranh các ý tưởng một cách tự do, theo đó, mỗi quan điểm đều được lắng nghe, khuyến khích bày tỏ, sáng tạo và chia sẻ khó khăn.

Năng lực cán bộ được đánh giá dựa trên kết quả công việc, giảm thiểu các đánh giá cảm tính, định hướng nghề nghiệp cho cán bộ, giúp các cá nhân phát huy tối đa năng lực

SÁNG TẠO

Văn hóa doanh nghiệp với sức sáng tạo, khả năng mau hồi phục và tinh thần đổi mới cho phép BSC đương đầu được với những vấn đề cốt lõi của mình, vượt qua khó khăn và lấy lại được vị thế của những năm đầu thành lập. Tầm vóc của BSC thể hiện không chỉ phản ánh qua sức mạnh và năng lực tài chính của mình mà vươn lên từ những ý tưởng tuyệt vời. Chúng tôi hiểu rằng chỉ có sức mạnh lớn lao của nền văn hóa sáng tạo mới thúc đẩy sự chia sẻ ý tưởng và trách nhiệm của mình với thị trường và cộng đồng để thiết lập một tổ chức thịnh vượng hơn.

TẬN TÂM

Cán bộ BSC tôn trọng và gắn bó đạo đức nghề nghiệp với trách nhiệm thực hiện công việc. Bằng tất cả nỗ lực, những sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho khách hàng đều là thành quả của quá trình lao động sáng tạo nghiêm túc. Sự tận tâm của cán bộ BSC thể hiện qua:

- Tinh thần trách nhiệm hoàn thành công việc tốt nhất và đúng hạn, chú trọng xây dựng niềm tin với khách hàng và đồng nghiệp.
- Không ngừng đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ để phục vụ hiệu quả và làm hài lòng tối đa nhu cầu của khách hàng.

- Sự trung thực và thẳng thắn, sẵn sàng nói thẳng, nói thật để công việc được tốt hơn, trên cơ sở tôn trọng bản thân và tôn trọng đồng nghiệp.
- Thái độ tích cực thể hiện qua lòng ham mê nhiệt huyết trong công việc mỗi ngày, sẵn sàng học hỏi, nâng cao năng lực với tinh thần cầu thị.

BSC cam kết xây dựng một môi trường làm việc công khai và minh bạch cho phép nhân viên có thể chia sẻ các mối lo ngại đi ngược lại với các chính sách, nội quy hoặc nguyên tắc kinh doanh của BSC xảy ra trong công việc hoặc giữa các mối quan hệ đồng nghiệp mà không e sợ việc ảnh hưởng tới công việc của mình về sau. Những hành động này cũng có thể là các hành vi phi đạo đức, tội phạm hình sự hoặc vi phạm pháp luật. Ví dụ như hành vi lạm dụng thị trường, vi phạm các điều khoản bảo mật của khách hàng, rửa tiền, giao dịch nội gián, trộm cắp, lừa đảo, hoặc các hành vi vi phạm luật định về tài chính.

Tại BSC, chúng tôi khuyến khích nhân viên báo cáo với người giám sát trực tiếp về mối lo ngại liên quan đến việc tuân thủ, đạo đức hoặc các nguyên tắc kinh doanh. Chính sách của chúng tôi nêu rõ nhân viên không phải lo lắng việc bị trả thù khi tố cáo các vi phạm hoặc các nghi ngờ về vi phạm pháp luật, đạo đức. Đồng thời, chúng tôi liên hệ với các cấp quản lý và các đại diện nhân sự của từng bộ phận tương ứng.

Chúng tôi làm việc chặt chẽ với đại diện công đoàn để xây dựng và giữ vững mối quan hệ lâu dài, mang tính xây dựng và đôi bên cùng có lợi. Chúng tôi thường xuyên truyền tải thông tin của công đoàn tới toàn thể các nhân viên bao gồm các cấp lãnh đạo nhằm đảm bảo nhân viên cùng đạt được các kết quả khả quan và đồng nhất. Chúng tôi tôn trọng quyền của nhân viên tham gia vào các công đoàn và đại diện công đoàn có thể thương lượng với ban quản trị các ý kiến của nhân viên mà không e ngại ảnh hưởng tới công việc về sau. Tất cả nhân viên tại BSC đều được đưa ý kiến thông qua người đại diện của Công đoàn. Việc duy trì mối quan hệ làm việc hiệu quả với Công đoàn cho phép chúng tôi có thể hợp tác giải quyết các vấn đề trọng yếu ảnh hưởng đến sự thành công của Công ty, đồng thời giúp chúng tôi giải quyết các vấn đề một cách tích cực, mang tính xây dựng và quản lý rủi ro.

Cam kết của chúng tôi đối với quyền con người và môi trường làm việc, cũng như cam kết điều hành một doanh nghiệp bền vững buộc chúng tôi phải tôn trọng quyền của tất cả nhân viên. Nhằm nâng cao các cam kết này, Công ty đã đưa các nội dung này vào một loạt các buổi hội thảo, đào tạo và trình bày vào ngày giới thiệu và định hướng dành cho nhân viên mới. Hầu hết mọi người đã có ý thức cơ bản về thế nào là đối xử bình đẳng và tôn trọng. Tuy nhiên, các chính sách và nguyên tắc chính thức rất quan trọng để định nghĩa các tiêu chuẩn chung về quyền con người và đảm bảo họ được tôn trọng trong một tổ chức.

ĐOÀN KẾT TẬP THỂ

BSC thực hiện tốt công tác đoàn kết nội bộ, cụ thể ban hành quy định về đối thoại dân chủ cơ sở. Đảng và các tổ chức đoàn thể hoạt động và duy trì đúng chức năng nhiệm vụ đảm bảo hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ kinh doanh cũng như giữ gìn và phát huy văn hóa tổ chức.

BSC đề cao văn hóa biết đặt lợi ích tập thể lên trên lợi ích cá nhân, biết xem công việc của đồng nghiệp cũng như công việc của chính mình, biết nhìn nhận cái đúng cái sai và biết lắng nghe để tự sửa chữa mình, biết góp ý chân tình cho đồng nghiệp. Đó là cơ sở để xây dựng khối đoàn kết nội bộ BSC ngày càng vững chắc hơn.

Một vấn đề hết sức quan trọng trong việc xây dựng mối đoàn kết nội bộ BSC là phát huy tinh thần dân chủ trong Công ty, tạo sự công bằng đối với mỗi cán bộ và sự minh bạch về chính sách lương thưởng. BSC khuyến khích, công nhận và quy hoạch những cá nhân có năng lực nghiệp vụ cũng như đạo đức, kỷ luật lao động.

VIỆC CHẤP HÀNH CÁC QUY ĐỊNH VỀ HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Đối với các hợp đồng lao động được ký kết giữa BSC và cán bộ, nhân viên trong Công ty, BSC nghiêm chỉnh tuân thủ các quy định pháp luật về lao động, quy chế nội bộ của Công ty về ký kết và thực hiện hợp đồng lao động. Cụ thể như: Việc ký kết hợp đồng lao động trên cơ sở kết quả tuyển dụng được thực hiện đúng quy trình tuyển dụng của Công ty, đảm bảo tiêu chuẩn và yêu cầu tuyển dụng đặt ra đồng thời trên tinh thần tự nguyện của người lao động. Đối với từng đối tượng người lao động, BSC thực hiện tuân thủ chế độ về hợp đồng lao động theo đúng quy định pháp luật như: hợp đồng lao động không xác định thời hạn, xác định thời hạn, hợp đồng thuê khoán.

4. PHÚC LỢI NHÂN VIÊN

BSC đưa ra nhiều chương trình và phúc lợi nhằm nâng cao sức khỏe và phúc lợi của nhân viên. Hiện tại, các nhân viên đang tham gia vào các chương trình đáp ứng các nhu cầu sức khỏe và an sinh của từng nhóm khác nhau. Ngoài ra, BSC cũng thay mặt nhân viên đóng góp vào quỹ Công đoàn.

Mặc dù có nhiều kế hoạch khác nhau cho từng nhóm nhân viên khác nhau, nhưng tất cả đều vì mục đích chung là đem lại lợi ích cho nhân viên BSC, các chương trình bao gồm:

- Khám sức khỏe hàng năm, bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm sức khỏe.
- Chương trình du lịch, các kỳ nghỉ mát, chơi thể thao, các hoạt động cộng đồng, tết thiếu nhi, trung thu... để đảm bảo cân bằng giữa công việc và cuộc sống cho cán bộ.
- Hỗ trợ về nơi ở cho nhân viên công tác dài ngày, cán bộ điều động.
- Các chương trình khác giúp tăng cường sự gắn kết giữa nhân viên và gia đình với công ty như: hỗ trợ kinh phí điều trị các bệnh hiểm nghèo, khen thưởng học sinh giỏi là con em cán bộ làm việc tại BSC, khen thưởng cán bộ tuân thủ tốt lối sống văn phòng xanh...

Diễn giải	2016	2015	%2016/2015
Lương (Khoán, KPI, thêm giờ)	63,548,406,782	55,101,358,457	115.33%
- Khối Môi giới	21,217,593,314	16,630,172,153	127.58%
- KPI	41,900,000,000	37,921,100,000	110.49%
- Thêm giờ	430,813,468	550,086,304	78.32%
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm sức khỏe và kinh phí công đoàn	3,930,412,063	2,546,090,940	154.37%
Bảo hiểm thất nghiệp	178,655,094	115,731,406	154.37%
Các khoản chi có tính chất phúc lợi khác	7,378,251,152	4,293,515,183	171.85%

5. PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI

Đào tạo và phát triển

Là đơn vị cung cấp các dịch vụ tài chính trên thị trường chứng khoán, nằm trong chiến lược xây dựng nguồn nhân lực trở thành năng lực cốt lõi tạo nền tảng cho sự phát triển của của công ty, BSC chủ trương đào tạo và rèn luyện đội ngũ cán bộ trực tiếp thông qua những công việc thực tế nhằm trau dồi kiến thức chuyên môn cũng như thúc đẩy tính khả năng sáng tạo của từng cán bộ.

Bên cạnh đó hàng năm BSC cũng định kỳ xây dựng kế hoạch đào tạo nhằm bổ sung các kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ để đáp ứng các yêu cầu mới trong kế hoạch phát triển của công ty. Thông qua các hoạt động này cũng tạo ra sự gắn bó và cam kết lâu dài của lực lượng nhân sự với công ty. Công tác đào tạo phù hợp với chiến lược phát triển Công ty từng năm và thời kỳ đồng thời tuân thủ đúng các quy định hiện hành của pháp luật (do đặc thù hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh có điều kiện). Các khóa đào tạo cũng được tổ chức theo hướng thực hiện, gắn liền các hoạt động nghiệp vụ của Công ty. Công tác đào tạo của BSC cũng được xác định là công tác tạo động lực, khuyến khích cán bộ học tập nâng cao nghiệp vụ, chuyên môn cũng như các kỹ năng hỗ trợ làm việc cho hiệu quả, từ đó tăng cường sự gắn bó giữa cán bộ với Công ty. Từ năm 2014-nay BSC tổ chức các khóa đào tạo: chứng chỉ hành nghề, kế toán quản trị cho khối Tư vấn Đầu tư, Tư vấn tài chính, chính sách thuế và các chuyên đề CPA cho khối Tài chính Kế toán, các khóa học về chuẩn hóa data Oracle, bảo mật, ... cho khối IT.

Chúng tôi luôn có một loạt các chương trình đào tạo và phát triển cho nhân viên ở tất cả các cấp bậc. Chiến lược này đã được lồng ghép vào văn hóa của chúng tôi. Việc này đảm bảo rằng nhân viên sẽ có kỹ năng và kiến thức cần thiết để có thể hoàn thành nhiệm vụ hiện tại của họ, và cũng khuyến khích họ tiếp tục phát triển sự nghiệp của họ với BSC. Phương pháp đào tạo và phát triển của chúng tôi là trách nhiệm của Công ty và từng nhân viên. Chúng tôi đưa ra nhiều cơ hội đào tạo, giáo dục và phát triển cho các nhân viên ở mọi cấp độ để chuẩn bị cho công việc của ngày

hôm nay và vượt qua các thách thức của ngày mai. Kết nối các nhân viên với các thông tin để hỗ trợ họ trong việc xây dựng sự nghiệp và giúp các nhân viên tận dụng hết các cơ hội tại BSC.

BSC luôn khuyến khích các nhân viên theo học thêm các chứng chỉ chuyên nghiệp. Ví dụ, các giao dịch viên môi giới được yêu cầu phải có giấy phép chứng khoán viên và chúng tôi đồng thời khuyến khích các nhân viên kế toán của chúng tôi đạt được các chứng chỉ chuyên nghiệp như CFA hoặc CPA.

Để duy trì sự thành công và tiếp tục cống hiến nhiều hơn cho khách hàng, chúng tôi xác định phải luôn đi tiên phong về mặt kiến thức và công nghệ. Vì vậy, chúng tôi xác định việc đầu tư vào đào tạo và các cơ hội phát triển cá nhân là lâu dài, tổ chức các buổi đào tạo và phát triển cho các nhà lãnh đạo tiềm năng từ lực lượng nhân sự hiện tại của chúng tôi. Việc đầu tư này cực kỳ cần thiết cho sự phát triển bền vững, do việc hỗ trợ sự đổi mới và tăng tính hiệu quả; tạo ra một văn hóa đa dạng trong công việc.

- Loại hình, phạm vi các chương trình đào tạo và hỗ trợ nhân viên đã được thực hiện:

STT	Nội dung học	Đối tượng đào tạo	Chi phí học (triệu VNĐ)
I	Lớp đào tạo trực tiếp		450
1	Oracle Certified Associate	Toàn bộ cán bộ phòng CNTT	75
2	Vmware Certified Professional	Nhóm hệ thống phòng CNTT	24
3	Certified Ethical Hacker	Nhóm hệ thống phòng CNTT	24
4	Đào tạo nâng cao nghiệp vụ về kế toán doanh nghiệp	Các phòng: Tư vấn tài chính, Phân tích nghiên cứu, Phát triển sản phẩm, khối Tư vấn đầu tư...	56
5	Ôn thi kiểm toán viên và kế toán viên CPA của BIDV	Kế toán, Kiểm soát nội bộ	25
6	Chứng chỉ hành nghề chứng khoán	Toàn thể cán bộ	37
7	Hình thức đào tạo khác (quản trị, pháp lý, quản trị rủi ro, thị trường chứng khoán...)	Cán bộ BSC	209
II	Các hình thức đạo thông qua đơn vị tư vấn		2,400
1	Tư vấn chiến lược KHKD, tư vấn chiến lược IT		2,400
	Tổng cộng		2,850

BSC luôn xác định công tác phát triển nguồn nhân lực không chỉ nhằm đẩy mạnh chất lượng nguồn nhân lực mà còn giúp mỗi cán bộ nhân viên thấm nhuần văn hóa Công ty, tăng cường sự gắn bó giữ Công ty với người lao động.

Với định hướng nâng cao năng lực và chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, chú trọng đầu tư phát triển nguồn nhân lực tốt thì nhiệm vụ trọng tâm của công tác nhân sự năm 2016 là tập trung đẩy mạnh công tác đào tạo. Theo đó BSC đã thực hiện rà soát tổng thể mức độ đáp ứng công việc của nhân sự trong Công ty, từ đó có đề ra các chương trình hành động cho hoạt động đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực năm 2016.

Trong năm 2016, các khóa đào tạo nâng cao tay nghề người lao động đã được Công ty phối hợp với các đơn vị đào tạo chuyên nghiệp, có uy tín tổ chức như: đào tạo kỹ năng bán hàng, đào tạo chiến lược M&A, nâng cao năng lực phân tích kinh tế xã hội, phân tích tài chính ngân hàng. Bên cạnh đó, Công ty còn tổ chức các khóa tự đào tạo cho các cán bộ về các chuyên đề, nghiệp vụ quan trọng và cần thiết, quy chế quy định về tổ chức hoạt động trong Công ty, nhằm giúp các cá nhân nhanh chóng hòa nhập với hoạt động của Công ty.

Các chương trình đào tạo kỹ năng quản lý, tổ chức công việc cho các cấp Lãnh đạo và các hoạt động phát triển tinh thần đồng đội, kỹ năng phối hợp, làm việc nhóm hiệu quả cũng thường xuyên được triển khai.

BSC tự hào đã xây dựng được một môi trường làm việc lành mạnh, chuyên nghiệp, thân thiện, xây dựng được một mái nhà chung, an toàn, hạnh phúc nhưng cũng đầy thách thức để tập thể cán bộ nhân viên yên tâm làm việc, phát huy năng lực và phát triển sự nghiệp.

6. TUYỂN DỤNG NỘI BỘ VÀ BÊN NGOÀI

Chúng tôi coi trọng việc tuyển dụng người tài, bất kể chủng tộc, quốc tịch, giới tính, khuynh hướng giới tính, tuổi tác, khuyết tật, hay tôn giáo nào. Chúng tôi luôn tuyển người từ các vùng miền tại Việt Nam và từ các quốc gia khác nếu phù hợp.

Văn hóa của chúng tôi là hỗ trợ giúp nhân sự phát triển và phát huy tốt nhất khả năng của mình từ vị trí hiện tại đến các vị trí cao hơn với trách nhiệm lớn hơn. Các cấp quản lý có trách nhiệm đào tạo chính thức và không chính thức cho cấp dưới của mình. Các quản lý cấp cao đóng vai trò tích cực trong việc thúc đẩy và phát triển con người tại BSC.

Mục tiêu và hiệu quả làm việc của mỗi cá nhân gắn liền với khối kinh doanh mà họ đang làm việc và trưởng các khối sẽ tùy theo hiệu quả làm việc của mỗi cá nhân mà phân chia các chỉ số đánh giá hiệu quả công việc, đồng thời thông qua đó có các chính sách đãi ngộ phù hợp.

Về thực hiện tuyển dụng (thực hiện quy trình, tiêu chuẩn – đối tượng tuyển dụng...): Với đặc thù là một công ty kinh doanh trong mảng dịch vụ và thường xuyên biến động như chứng khoán, BSC thực hiện nhiều đợt tuyển dụng (2-3 đợt/năm) thường xuyên bổ sung nhân sự trẻ, mới vào công ty. Các đợt tuyển dụng thường tổ chức vào các đợt sinh viên ra trường. Công tác tuyển dụng của BSC đã đạt được một số yêu cầu sau:

1) Đã bám sát các nguyên tắc, mục tiêu ban đầu, chú trọng từng bước trong quy trình, không để xảy ra sai sót. Giao nhiệm vụ chi tiết đến từng cá nhân, bộ phận liên quan để nâng cao tính trách nhiệm. Đảm bảo hiệu quả cao nhất cho công tác tuyển dụng.

2) Các điều kiện, tiêu chuẩn tuyển dụng được xác định rõ ràng, minh bạch, phù hợp với thực tế hoạt động của công ty. Công ty cũng đã vận dụng linh hoạt các điều kiện, tiêu chuẩn trên, loại bỏ những điều kiện cứng nhắc làm thu hẹp khả năng tuyển dụng lao động phù hợp, bổ sung những điều kiện thiết thực giúp công tác đánh giá năng lực ứng viên sát sao hơn.

3) Buổi thi nghiệp vụ được tổ chức nghiêm túc, đảm bảo đúng quy chế thi tuyển. Cách thức ra đề thi cũng có sự đổi mới nhằm kiểm tra chính xác hơn năng lực, trình độ của thí sinh (đề thi nghiệp vụ bằng tiếng Anh, dưới hình thức câu hỏi trắc nghiệm). Đề thi năm nay được đánh giá là khó và đảm bảo sàng lọc được các ứng viên thực sự có trình độ chuyên môn tốt.

4) Công tác phỏng vấn của Hội đồng phỏng vấn cũng diễn ra nghiêm túc, hiệu quả. Hội đồng phỏng vấn đưa ra các câu hỏi tình huống đa dạng nhằm đánh giá toàn diện các yếu tố liên quan đến ứng viên bao gồm: Kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, Kinh nghiệm chuyên môn nghiệp vụ; Kinh nghiệm quản lý; Mức độ hiểu biết về công việc; Kiến thức xã hội; Hình thức, tác phong; Kỹ năng giao tiếp; Mức độ linh hoạt. Việc xem xét ứng viên trên nhiều tiêu chí như vậy góp phần đánh giá chuẩn xác và lựa chọn được ứng viên phù hợp.

5) Công ty cũng thực hiện thêm một bước trong quy trình tuyển dụng, đó là yêu cầu ứng viên thực hiện 1 báo cáo chuyên đề liên quan đến nghiệp vụ được giao trong quá trình thử việc. Ứng viên cần phải bảo vệ được báo cáo chuyên đề này trước Hội đồng tuyển dụng khi hết hạn thử việc. Đây là một bước thẩm định nữa để xác định ứng viên có phù hợp với vị trí hay không.

BSC đánh giá hiệu quả làm việc của nhân viên của mình dựa trên các phương pháp Quản trị mục tiêu. Theo cơ chế này, mỗi nhân viên sẽ có một bộ KPI cụ thể để đánh giá kết quả công việc dựa trên mức độ trách nhiệm của họ. Các nhân viên biết rõ được mục tiêu và ý kiến cá nhân của họ sẽ được thảo luận trong quá trình tự đánh giá.

Chúng tôi tin rằng nhân viên BSC là một trong những người tận tụy và có hiệu quả làm việc cao nhất trong ngành. Cách tiếp cận của chúng tôi là tìm kiếm và tuyển dụng những người tốt nhất và cung cấp cho họ một môi trường làm việc năng động và chuyên nghiệp. Điều này giúp chúng tôi có thể đảm bảo nhân viên của mình gắn bó lâu dài. Các phương pháp quản lý của chúng tôi trong việc duy trì việc gắn bó lâu dài với nhân viên bao gồm:

- Luân chuyển nhân viên cho từng vị trí khác nhau theo chu kỳ kinh doanh
- Trao sự tin nhiệm khi cần thiết và khen thưởng
- Thăng cấp bậc trong nội bộ công ty
- Tổ chức nhiều buổi đào tạo và tạo cơ hội phát triển nhân tài

Khi chu kỳ kinh doanh và các yếu tố bên ngoài hướng đến các thay đổi về nhu cầu nhân sự, chúng tôi luôn chủ động thực hiện các bước cần thiết để giữ nhân sự hiện có thay vì cho thôi việc. Các bước này bao gồm việc hạn chế tuyển người mới, chuyển chuyển nội bộ, và tổ chức đào tạo cho các dự án mới. Phương pháp này đã góp phần nâng cao tỷ lệ duy trì nhân viên của BSC.

7. QUẢN LÝ, ĐÁNH GIÁ, QUY HOẠCH VÀ BỔ NHIỆM CÁN BỘ

Đánh giá là một khâu quan trọng, căn bản trong quá trình quản lý và sử dụng cán bộ tại BSC. Công tác này được tiến hành thường xuyên hàng năm hoặc trước khi xem xét đề bạt, chuyển công tác đối với cán bộ. Mục đích của hoạt động này tại BSC nhằm đánh giá nhằm cung cấp thông tin cho công tác quản lý, làm cơ sở cho các quyết định quy hoạch, đào tạo, bố trí sử dụng, tuyển chọn, đề bạt, lương, thưởng đối với cán bộ. Đánh giá đúng, chính xác kết quả làm việc của cán bộ là căn cứ để lựa chọn, sắp xếp, bố trí, đề bạt, sử dụng đúng với năng lực, sở trường, từ đó chủ động trong việc đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện và bổ nhiệm cán bộ. Đồng thời, hoạt động đánh giá cán bộ sẽ cung cấp thông tin phản hồi để CBCCC biết rõ về năng lực và việc thực hiện công việc của họ hiện tại đang ở mức độ nào, giúp họ phấn đấu tự hoàn thiện bản thân và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. BSC đánh giá cán bộ dựa trên mức độ thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao, thể hiện ở khối lượng, chất lượng, tiến độ, hiệu quả của công việc trong từng vị trí, từng thời gian (chỉ tiêu KPI); tinh thần trách nhiệm trong hoạt động công vụ (ý thức tổ chức kỷ luật điều hành).

PHẦN 6. TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI VÀ GẮN KẾT VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Chúng tôi duy trì các kênh giao tiếp mở và đón nhận các câu hỏi cũng như các ý kiến đóng góp của các bên liên quan với mong muốn có thể thấu hiểu được quan điểm và kỳ vọng của các bên một cách sâu sắc.

Trong công cuộc phát triển bền vững liên tục, BSC tương tác với nhiều bên liên quan thông qua các kênh truyền thông sau:

BÊN LIÊN QUAN	KÊNH TRUYỀN THÔNG	
Nhân viên	Họp tổng kết hàng tháng, quý, bán niên. Họp nhóm.	Các kênh truyền thông nội bộ: Điện thoại nội bộ, trực tuyến conference và email; Các chương trình đào tạo nội bộ
Đại hội đồng cổ đông	Đại hội đồng cổ đông thường niên	Thông tin được công bố bao gồm: Báo cáo tài chính;
	Họp trực tiếp Các kênh kết nối với các nhà đầu tư, bao gồm các buổi hỏi đáp và email thường xuyên về kết quả hoạt động kinh doanh	Báo cáo thường niên;

Khách hàng/Nhà đầu tư	Các buổi hội thảo và hội nghị Các cuộc họp Trung tâm hỗ trợ khách hàng Chăm sóc hỗ trợ khách hàng	Các bộ phận dịch vụ có chức năng hỗ trợ Các kênh truyền thông khác bao gồm email, hòm thư góp ý.
Đối tác	Báo cáo tài chính Báo cáo thường niên	
Cơ quan chức năng	Hội nghị/hội thảo/công văn đóng góp ý kiến	
Các hiệp hội và tổ chức chuyên nghiệp	Các hiệp hội gồm: Hiệp hội kinh doanh chứng khoán Việt Nam; Hiệp hội thị trường Trái phiếu VN; Hiệp hội đầu tư Campuchia; Hiệp hội đầu tư xi măng;	
Cộng đồng và thế hệ trẻ	Các sự kiện của các tổ chức sinh viên và các trường đại học	Các chuyến từ thiện và kêu gọi quyên góp; các hoạt động môi trường và cộng đồng;
Báo chí và Truyền thông	Các buổi hội thảo và phỏng vấn Các diễn đàn và hội thảo Các buổi tổng kết quý	Các kênh truyền thông gồm: Điện thoại; Email Các buổi phỏng vấn do bộ phận PR, IR chủ trì

1. QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

Nhận thức được vai trò quan trọng của hoạt động Quan hệ nhà đầu tư đối với việc xây dựng hình ảnh, uy tín của Công ty trên thị trường chứng khoán, góp phần ổn định và phát triển hoạt động của doanh nghiệp trong dài hạn, công tác Quan hệ nhà đầu tư đã được chú ý triển khai bài bản từ năm 2015. BSC đã xây dựng và ban hành một số các quy định làm nền tảng cho công tác Quan hệ Cổ đông: Quy chế công bố thông tin; Sổ tay quan hệ cổ đông; Quy chế ngăn ngừa và xử lý khủng hoảng thông tin.

ĐHĐCĐ thường niên

Công tác tổ chức ĐHĐCĐ được BSC quan tâm triển khai một cách chu đáo, tích cực thể hiện sự tôn trọng đối với cổ đông. BSC đăng thông báo kèm theo đầy đủ các tài liệu hợp theo quy định trên website và hướng dẫn cổ đông truy cập các tài liệu để làm cơ sở thảo luận và biểu quyết thông qua tại Đại hội. Ngày 23/04/2016, tại tháp A Vincom, 191 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội, ĐHĐCĐ thường niên BSC năm 2016 đã được tổ chức thành công. Đại hội được diễn ra công khai và minh bạch, đảm bảo theo yêu cầu pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông tham gia ý kiến và biểu quyết tại Đại hội. Đại hội nhất trí thông qua nhiều nội dung quan trọng. Năm 2015, lợi nhuận để lại phần lớn để bù đắp lỗ lũy kế, phần lợi nhuận còn lại còn khiêm tốn nên BSC thực hiện bổ sung vào vốn kinh doanh và tạm thời chưa thực hiện chi trả cổ tức. Sau Đại hội, BSC đã hoàn thiện các văn bản được nhất trí thông qua tại Đại hội và đăng tải đầy đủ lên website theo yêu cầu công bố thông tin.

Công bố thông tin

Với tôn chỉ tôn trọng giá trị đầu tư của các Cổ đông, BSC nhận thức rõ ràng trách nhiệm của mình trong việc cung cấp thông tin cho Cổ đông và Nhà đầu tư một cách minh bạch, đầy đủ, chính xác và kịp thời.

Minh bạch thông tin

BSC đảm bảo tuân thủ công bố thông tin theo quy định hiện hành đối với Công ty đại chúng và duy trì kênh thông tin hai chiều hiệu quả giữa BSC với cộng đồng các nhà đầu tư, cộng đồng tài chính.

Trong năm 2016, BSC đã thực hiện công bố thông tin định kỳ, bất thường, thông tin theo yêu cầu với các nội dung bao gồm: Báo cáo quản trị, Báo cáo tài chính Quý, bán niên, năm; Báo cáo thường niên; Báo cáo lựa chọn đơn vị kiểm toán; Bổ nhiệm lãnh đạo cấp cao; Giao dịch cổ phiếu cổ đông nội bộ và người có liên quan đến cổ đông nội bộ,...

Trong năm 2016, chuyên mục Quan hệ nhà đầu tư trên website cũng đã được BSC chú trọng cập nhật thông tin nhằm xây dựng một kênh giao tiếp với đông đảo nhà đầu tư. Đồng thời, các nội dung liên quan đến cổ phiếu BSI cũng được cập nhật nhanh chóng nhằm cung cấp cho các nhà đầu tư cái nhìn toàn diện về cổ phiếu BSI.

Duy trì tiếp xúc nhà đầu tư

Trong năm 2016, ngoài việc đối thoại với đông đảo nhà đầu tư tại ĐHĐCĐ thường niên, BSC cũng thực hiện các buổi làm việc trực tiếp để duy trì kênh thông tin chính thức về hoạt động của BSC tới cổ đông cá nhân và tổ chức trong và ngoài nước, các nhà đầu tư tiềm năng. Đồng thời, bộ phận Quan hệ nhà đầu tư cũng tổ chức các buổi gặp gỡ, trao đổi với các Quỹ đầu tư và đối tác về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016 với sự tham gia của Ban lãnh đạo BSC. Các buổi làm việc đã tạo được ấn tượng tốt với cộng đồng đầu tư về sự minh bạch trong quản lý điều hành cũng như tăng cường niềm tin của giới đầu tư vào các cam kết của Ban lãnh đạo trong việc mang lại lợi ích cao nhất cho cổ đông.

Định hướng quan hệ nhà đầu tư 2017

Để nâng cao hiệu quả hoạt động Quan hệ Nhà đầu tư đáp ứng kỳ vọng của các nhà đầu tư, năm 2017 BSC sẽ triển khai nhiều hoạt động hướng đến cộng đồng nhà đầu tư, cộng đồng tài chính như: Tăng cường chất lượng công bố thông tin thông qua việc cải tiến nội dung và hình thức các ấn phẩm truyền thông; chủ động đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao của pháp luật Việt Nam trong hoạt động công bố thông tin, hướng tới thông lệ và chuẩn mực quốc tế.

Đẩy mạnh truyền thông về kết quả kinh doanh của BSC với các phân tích, thuyết minh về các yếu tố ảnh hưởng đến tăng trưởng doanh thu lợi nhuận, duy trì tổ chức các cuộc họp với các chuyên gia phân tích, tiếp đón các quỹ đầu tư và các nhà đầu tư tiềm năng để tìm hiểu về BSC. Tổ chức các khóa học đào tạo chuyên đề để tăng cường năng lực của đội ngũ quan hệ nhà đầu tư, xây dựng hoạt động Quan hệ nhà đầu tư bài bản theo chuẩn mực khu vực và quốc tế. Xây dựng và hoàn thiện website cũng như nội dung chuyên mục Quan hệ Nhà đầu tư cả 2 nội dung Tiếng Việt và Tiếng Anh, bổ sung các thông tin về thị trường chứng khoán và phân tích về cổ phiếu.

2. TRÁCH NHIỆM VỚI KHÁCH HÀNG/ĐỐI TÁC

Đem lại các dịch vụ tốt nhất từ sự tư vấn tận tâm. Lấy sự hài lòng của khách hàng và đối tác làm thước đo giá trị của BSC.

Với định hướng đem lại dịch vụ tốt nhất cho khách hàng, trong năm 2016 BSC đã cải thiện nâng cấp hệ thống website, cải tiến các phần mềm và tiện ích mới, cải thiện chất lượng dịch vụ đem lại sự hài lòng cao hơn cho khách hàng.

Đi đôi với việc cải thiện chất lượng các sản phẩm phân tích, đội ngũ tư vấn của BSC đã chủ động tiếp cận và tổ chức các buổi thuyết trình từ quy mô nhỏ đến lớn cho khách hàng, các bản tin hàng ngày, hàng tuần, qua đó nhà đầu tư tại BSC có thể nhanh chóng nắm bắt được các biến động trên thị trường, cập nhật được xu hướng kinh tế vĩ mô, các ngành và chọn được các mã cổ phiếu có chất lượng tốt.

Với đội ngũ chuyên viên tư vấn được đào tạo liên tục và sự phát triển mới không ngừng các sản phẩm môi giới đa dạng, BSC cam kết đem tới cho khách hàng các sự lựa chọn thích hợp nhất, phù hợp với khả năng chấp nhận rủi ro, tình hình tài chính cũng như các nhu cầu khác.

BSC là một trong số rất ít Công ty chứng khoán có thể mạnh về lĩnh vực kinh doanh trái phiếu. Với vị thế 3 năm liên tiếp nằm trong TOP các Công ty dẫn đầu trong mảng môi giới trái phiếu cho khách hàng tổ chức, BSC cam kết đem lại cho khách hàng chất lượng dịch vụ tốt nhất với mức phí cạnh tranh, những sự lựa chọn đầu tư cụ thể cho từng khách hàng.

Chú trọng cải tiến và nâng cấp hệ thống CNTT tiên tiến nhất theo chuẩn mực khu vực và quốc tế, đem lại sự vận hành hiệu quả và ổn định cho khách hàng, đảm bảo lưu trữ và bảo mật thông tin khách hàng ở mức độ cao nhất.

3. CHĂM LO ĐỜI SỐNG NGƯỜI LAO ĐỘNG

Với kết quả kinh doanh đạt nhiều kết quả tích cực, trong bối cảnh năm 2015 là năm BSC chính thức hết lỗ lũy kế, BSC đã từng bước cải thiện các chính sách lương thưởng cạnh tranh và các chính sách phúc lợi cho nhân viên, nhằm khuyến khích động viên và đảm bảo cuộc sống vật chất và tinh thần cho người lao động yên tâm làm việc và gắn bó với Công ty.

BSC luôn chú trọng duy trì và phát triển tới mức tối đa tình trạng thể chất và tinh thần của người lao động thông qua việc đảm bảo một môi trường làm việc an toàn, lành mạnh. Công ty tổ chức khám sức khỏe toàn diện định kỳ hàng năm tại các cơ sở y tế uy tín hàng đầu, tổ chức các phong trào rèn luyện sức khỏe như lớp học yoga, đội bóng đá. Bên cạnh chương trình bảo hiểm theo quy định của pháp luật, BSC cung cấp gói bảo hiểm sức khỏe bổ trợ cho cán bộ nhân viên với các quyền lợi bảo hiểm về điều trị ngoại trú, điều trị nội trú do ốm đau, bệnh tật, tai nạn, thai sản, trợ cấp mất giảm thu nhập. Đồng thời tổ chức các chương trình tham quan - nghỉ mát - hoạt động cộng đồng, chính sách cộng thêm ngày nghỉ phép, kết hôn, sinh con, sinh nhật...

BSC liên tục phát động các phong trào thi đua văn hóa, văn nghệ, truyền thông với mục đích tạo ra sân chơi, động lực cho các phòng ban, cá nhân người lao động trong Công ty, gia tăng sự gắn kết với nhau, với tập thể. Từ góc độ cá nhân, gia đình đến các khối kinh doanh, phong trào thi đua văn hóa văn nghệ truyền thông đã được xây dựng, phát động với nhiều chương trình đa dạng.

TRÁCH NHIỆM VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

BSC đánh giá cao năng lực của mỗi cá nhân và luôn chào đón tất cả các ứng viên có tâm huyết tìm kiếm một môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, hiện đại. Với tham vọng phát triển vững mạnh, mở rộng tới thị trường khu vực, xây dựng mô hình kinh doanh tiên tiến với trung tâm là Con người, BSC tạo dựng môi trường làm việc trẻ, năng động, nhiều điều kiện phát triển nhưng cũng vô cùng thách thức, là nơi cung cấp nhiều cơ hội nghề nghiệp cho các nhân sự trẻ mới bắt đầu khởi nghiệp để họ có thể trải nghiệm, học hỏi và trưởng thành từ những kinh nghiệm nghề nghiệp quý báu.

Chúng tôi luôn nỗ lực xây dựng một môi trường làm việc nơi mỗi người có thể phát huy tối đa khả năng chuyên môn và kiến thức xã hội, nơi họ đóng góp, chia sẻ và cống hiến về sức lực, trí tuệ, và được hưởng chế độ đãi ngộ tương xứng cho những giá trị cá nhân mang lại.

4. TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG

HỖ TRỢ NHỮNG HOÀN CẢNH KHÓ KHĂN

Tinh thần vì cộng đồng, trợ giúp các hoàn cảnh khó khăn trong xã hội luôn được BSC đề cao. Hàng năm, CBCNV BSC đều rất tích cực tham gia các hoạt động tình nguyện. Năm 2015 tiếp tục là năm mà hàng loạt các chương trình hỗ trợ, tình nguyện của BSC được thực hiện. Các chương trình từ thiện BSC tổ chức/tham gia không đơn thuần là chuyện của doanh nghiệp đi làm từ thiện, mà chính là cuộc hành trình của những trái tim đầy nhiệt huyết sẵn sàng vượt chặng đường hàng ngàn cây số để sẻ chia lòng yêu thương đến tận vùng rừng núi xa xôi, đến từng hoàn cảnh còn nhiều khó khăn trong cuộc sống. Cho đi là để góp phần tái thiết tổ quốc được thịnh vượng hơn.

Tổ chức chương trình từ thiện “Tết yêu thương”

Chương trình từ thiện được tổ chức tại xã Suối Rao, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu trong 02 ngày 4-5/02/2016.

Chương trình được chia thành 03 hoạt động chính, cụ thể:

- Trao 200 suất quà tặng cho các em học sinh thuộc gia đình chính sách, có công với cách mạng thuộc địa bàn xã Suối Rao;
- Thăm và tặng quà cho 10 mẹ Việt Nam anh hùng sống neo đơn, và 30 phần quà cho các gia đình chính sách, có công với cách mạng, thuộc diện nghèo của xã Suối Rao;
- Tham gia chương trình dọn dẹp vệ sinh đường phố, trồng cây xanh gây rừng;



Tổ chức chương trình từ thiện “Tết ấm Tà Xi Láng”

Chương trình từ thiện “Tết ấm Tà Xi Láng” được tổ chức tại Trường Mầm non Hồng Ngọc, tại xã Tà Xi Láng, huyện Trảng Bào, tỉnh Yên Bái trong 02 ngày 17-18/02/2016. BSC đã trao tặng các em học sinh nhiều món quà thiết yếu bao gồm: quần áo ấm, chăn bông và đồ dùng học tập.



Hưởng ứng chương trình “Giọt máu nghĩa tình 2016”

Nhân dịp Sở HNX phối hợp cùng Viện Huyết học – Truyền máu TW tổ chức chương trình “Giọt máu nghĩa tình 2016” ngày 02/06/2016. CBNV BSC đã hưởng ứng tham gia tình nguyện hiến máu nhân đạo.



DẪN DẮT THẾ HỆ TRẺ

Các chiến lược phát triển của chúng tôi được xây dựng để nâng cao chuyên môn và kinh nghiệm của nhân viên. Nguồn nhân lực được xem là tài sản quan trọng nhất và việc quản lý nhân lực là yếu tố chính cho sự phát triển bền vững của chúng tôi. BSC xác định các mục tiêu dài hạn luôn gắn liền với các kế hoạch đóng góp của chúng tôi cho xã hội. Chúng tôi nhận thức được trách nhiệm của mình là đóng góp tích cực vào việc xây dựng và phát triển môi trường và cộng đồng. Các hoạt động trách nhiệm xã hội của BSC hỗ trợ các bạn trẻ trau dồi các kỹ năng, tạo cơ hội cho các bạn tham gia môi trường kinh doanh thực tế, cũng như thúc đẩy môi trường làm việc lành mạnh và kích thích sự phát triển của các bạn.

ĐẦU TƯ VÀO CỘNG ĐỒNG ĐỂ BỒI DƯỠNG THẾ HỆ TIẾP NỐI

Bên cạnh việc phát triển kinh doanh và quản trị công ty, HĐQT BSC nhận thức rõ trách nhiệm của mình trong việc tham gia đóng góp để xây dựng và phát triển môi trường con người và xã hội Việt Nam, đặc biệt là sự phát triển của nhân sự tham gia thị trường chứng khoán Việt Nam trong tương lai. Từ năm 2015 đến nay, BSC tiếp tục là đơn vị đồng tài trợ cho cuộc thi Go Finance mở ra nhiều cơ hội cho các sinh viên kinh tế trẻ tham gia vào TTCK Việt Nam trong tương lai, tăng cường liên kết chặt chẽ giữa doanh nghiệp và trường học nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

PHẦN 7. GẮN KẾT MỤC TIÊU MÔI TRƯỜNG TRONG HOẠT ĐỘNG

1. SỰ CHUẨN BỊ CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ

Trong khuôn khổ Chương trình Hợp tác Việt – Đức “Cải cách Kinh tế Vĩ mô/Tăng trưởng Xanh”, ngày 28/10/2015, UBCKNN phối hợp với Tổ chức Hợp tác Phát triển Đức tổ chức Hội nghị chuyên đề “Khuôn khổ định hướng về tài chính xanh và các sản phẩm tài chính xanh”.

BSC được biết trước mắt UBCKNN khuyến khích các doanh nghiệp tham gia thị trường vốn xanh trên tinh thần tự nguyện. Trong thời gian tới, với sự ủng hộ, phối hợp của các Bộ, ngành, các đơn vị liên quan, và sự hỗ trợ của Tổ chức Hợp tác Phát triển Đức, UBCKNN sẽ xây dựng và triển khai một khuôn khổ định hướng về tài chính xanh và các sản phẩm tài chính xanh cho các doanh nghiệp hoạt động trên thị trường chứng khoán Việt Nam, góp phần thực hiện thành công chiến lược tăng trưởng xanh, chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển bền vững.

CÁC CHÍNH SÁCH VỀ THỊ TRƯỜNG VỐN XANH

- i. Thiết lập một khung tài chính xanh cho các hoạt động trên thị trường vốn như: ban hành các quy định, điều kiện khi niêm yết cổ phiếu (niêm yết xanh), báo cáo (trong báo cáo bền vững) và trong giám sát (theo các tiêu chí tài chính xanh).
- ii. Huy động vốn đầu tư cho tăng trưởng xanh thông qua thị trường vốn cho các doanh nghiệp, dự án và sản phẩm xanh thông qua niêm yết, phát hành cổ phiếu xanh.
- iii. Phát hành trái phiếu, chứng chỉ đầu tư,... cho các dự án, chương trình và lĩnh vực xanh.
- iv. Xây dựng các bộ chỉ số xanh để theo dõi, đánh giá và giao dịch trên thị trường vốn.
- v. Ban hành quy chế hoặc hướng dẫn về quản trị rủi ro môi trường xã hội cho các tổ chức thị trường, cho các thành viên thị trường là các định chế tài chính và các doanh nghiệp niêm yết.
- vi. Hoạt động của Sở giao dịch chứng khoán bền vững.

CÁC SẢN PHẨM CỦA THỊ TRƯỜNG VỐN XANH

- i. Trái phiếu xanh là các trái phiếu của doanh nghiệp xanh, phát hành cho các dự án xanh hoặc các sản phẩm xanh.
- ii. Trái phiếu chính phủ và trái phiếu chính quyền địa phương, phục vụ cho các mục tiêu, chương trình, dự án xanh.
- iii. Các chỉ số xanh, chỉ số bền vững, chỉ số Carbon.
- iv. Các chứng chỉ, chứng chỉ đầu tư xanh của các Quỹ đầu tư phát hành.

2. QUAN ĐIỂM VÀ HÀNH ĐỘNG CỦA BSC ĐÓNG GÓP XÂY DỰNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán cũng là một thành viên thị trường chứng khoán Việt Nam từ những ngày đầu thành lập, BSC nhận thức được vai trò của tăng trưởng xanh đối với sự phát triển kinh tế của một tổ chức và rộng hơn là quốc gia. BSC sẵn sàng và chủ động tham gia các kế hoạch hành động liên quan hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

Trong việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho Khách hàng: Trong quá trình thực hiện các dự án tư vấn phát hành trái phiếu, đặc biệt là trái phiếu doanh nghiệp, BSC đặc biệt quan tâm đến các nội dung phát triển bền vững thông qua việc tư vấn sử dụng nguồn tài chính của đợt phát hành để tài trợ cho các hoạt động kinh doanh mang tính bền vững của Doanh nghiệp. Dự án điển hình: tư vấn cho Chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, với mục đích dùng vốn để xây dựng cơ sở hạ tầng cho thành phố...

Trong xây dựng văn hóa doanh nghiệp và tiêu dùng sản phẩm: BSC biến bảo vệ môi trường thành một thói quen, một lối sống trong công ty. Quan niệm ý thức bảo vệ môi trường được bắt đầu từ những việc nhỏ trong đời sống hàng ngày, năm 2016, BSC tiếp thực hiện các chương trình văn phòng xanh, qua đó thúc đẩy tích cực vào việc hình thành thói quen, ý thức bảo vệ môi trường của CBNV BSC. Cụ thể như sau:

- Tiết kiệm năng lượng điện: Việc làm đơn giản như tắt đèn khi không sử dụng điện, ưu tiên sử dụng bóng đèn tiết kiệm điện đã trở thành quy định ngầm tại BSC mà bất kỳ cá nhân nào cũng phải tuân thủ. Bằng biện pháp đó thói quen tiết kiệm điện dần hình thành ở từng cá nhân, góp phần đáng kể cho việc sử dụng năng lượng tiết kiệm của văn phòng. Người đi trước nhắc người đi sau, thói quen sử dụng điện tiết kiệm dần đi vào nếp sống, văn hóa Công ty. Ngay cả nhân viên mới vào cũng nhanh chóng tiếp thu nếp sống tích cực này.
- Phân loại rác vô cơ hữu cơ: Hưởng ứng tích cực phong trào bảo vệ môi trường thông qua các biện pháp tái chế. CBNV BSC đã thực hiện phân loại rác vô cơ và hữu cơ, góp phần tích cực cho công tác tái chế.
- Sử dụng giấy tiết kiệm: Khuyến khích in văn bản 2 mặt, lưu trữ văn bản theo hệ thống lưu trữ điện tử, sử dụng giấy tái chế và giấy bảo vệ môi trường trong các ấn phẩm phát hành,... là các biện pháp tích cực được CBNV BSC thực hiện trong công tác bảo vệ môi trường.
- Xanh hóa văn phòng: Năm 2016, BSC tiếp tục phát động phong trào cây xanh văn phòng vừa để tăng tính thẩm mỹ chung, tạo không khí thư giãn trong quá trình làm việc vừa phân giải các chất độc trong không khí, khí nóng thải ra từ máy móc và con người làm việc

ĐÓNG GÓP XÂY DỰNG THỊ TRƯỜNG

Là một trong các công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam, chúng tôi có trách nhiệm góp phần xây dựng thị trường vốn không ngừng nghỉ, đặc biệt là trong việc thúc đẩy sự minh bạch, liêm chính và khơi nguồn sự đổi mới.

Chúng tôi luôn chủ động tham gia vào các hoạt động thị trường và trong ngành. Đại diện của BSC là các thành viên của Ủy ban Hội đồng chỉ số, Hiệp hội Trái phiếu Việt Nam, hiệp hội đầu tư sang Campuchia, Hiệp hội xi măng, Hiệp hội mía đường,... BSC tổ chức các buổi Hội nghị phân tích định kỳ hàng quý cho báo đài và các quỹ đầu tư quan tâm, qua đó giúp các nhà đầu tư trong và ngoài nước có thêm những thông tin hữu ích và đáng tin cậy cho các quyết định đầu tư.

Dưới đây là một số hoạt động và sự kiện mà BSC tham gia năm 2016 nhằm chia sẻ thông tin và kiến thức với các nhà đầu tư và các tổ chức trong và ngoài nước:

- Tham gia xây dựng các chiến lược phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2020 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam (SSC) tổ chức.
- BSC hiện đang tham gia đóng góp trong các hội thảo về các quy định pháp luật đang được soạn thảo thông tư 210, nghị định 121...

GRI – G4 CÔNG BỐ THÔNG TIN

Phạm vi của báo cáo

Báo cáo này bao gồm các kết quả và thành tích của BSC trong công cuộc quản lý bền vững liên tục từ tháng 01 năm 2016 đến tháng 12 năm 2016, được trình bày tương ứng với các khía cạnh GRI, phù hợp với chuẩn mực Báo cáo Phát triển bền vững GRI¹ – hướng dẫn bởi hệ thống chuẩn mực G4², là các tiêu chuẩn báo cáo toàn diện bền vững sử dụng rộng rãi nhất trên thế giới. Báo cáo này được biên soạn phù hợp với nguyên tắc “Phù hợp – Cốt lõi”.

Liên hệ

Mọi thông tin, ý kiến đóng góp liên quan đến Báo cáo phát triển bền vững BSC vui lòng liên hệ: Công ty cổ phần chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Hội sở chính - Bộ phận IR. Số điện thoại: (+84 4) 39352722 (ext. 210). Email: pr@bsc.com.vn, tầng 11, tháp BIDV, số 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

¹GRI là khung báo cáo dành cho các tổ chức dùng làm cơ sở để thu thập và truyền thông kết quả hoạt động bền vững và phi tài chính của mình. GRI hướng đến việc cung cấp cách tiếp cận sao cho nhất quán và minh bạch trong việc báo cáo về vấn đề phát triển bền vững. Hệ thống chuẩn mực và hướng dẫn chuẩn mực GRI là tự nguyện và được sử dụng bởi các tổ chức để báo cáo kết quả hoạt động kinh tế, môi trường và xã hội.

²G4 còn hiệu lực đến hết ngày 30/06/2018. Kể từ ngày 01/07/2018, các Báo cáo Phát triển bền vững sẽ cần tuân thủ GRI Standards. <https://www.globalreporting.org/information/g4/Pages/default.aspx>

**PHỤ LỤC BẢNG TUÂN THỦ CÁC TIÊU CHÍ PHÁT TRIỂN
BỀN VỮNG THEO GRI G4**

HẠNG MỤC/ CHUẨN MỰC TRÌNH BÀY BÁO CÁO	MÔ TẢ	THAM CHIẾU	TRANG	LÝ DO BỎ QUA
1	TRÌNH BÀY THÔNG TIN THEO CHUẨN MỰC CHUNG			
1.1	<i>Chiến lược và phân tích</i>			
G4-1	Tuyên bố của lãnh đạo cấp cao của doanh nghiệp	BCTN - Thông điệp của Tổng Giám đốc; Các cam kết đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững của BSC	BCTN; trang 08-09 BCPTBV	
1.2	<i>Thông tin về doanh nghiệp</i>			
G4-3	Tên của doanh nghiệp	BCTN - Tổng quan về BSC		
G4-4	Sản phẩm và dịch vụ chính	BCPTBV - Hoạt động kinh doanh	10-13 BCPTBV	
G4-5	Địa chỉ của trụ sở	BCTN - Tổng quan về BSC; BCPTBV - Liên hệ	56 BCPTBV	
G4-6	Số quốc gia nơi doanh nghiệp hoạt động, tên của các quốc gia mà doanh nghiệp có hoạt động chính hoặc các quốc gia liên quan đặc biệt tới vấn đề phát triển bền vững được đưa ra trong báo cáo	Địa bàn hoạt động chính của BSC là Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và các chi nhánh BIDV trên khắp Việt Nam		
G4-7	Loại hình sở hữu, mô hình pháp lý	BCTN - Tổng quan về BSC		
G4-8	Thị trường phục vụ (bao gồm cả phân tích địa lý, ngành phục vụ và các loại hình khách hàng)	Khách hàng Việt Nam và quốc tế		
G4-9	Quy mô của doanh nghiệp (số lượng lao động, số lượng loại hình hoạt động, doanh thu thuần, tổng nguồn vốn gồm nợ phải trả và vốn chủ sở hữu, số loại hình sản phẩm dịch vụ cung cấp)	BCTN - Tổng quan về BSC		

G4-10	Thống kê về lực lượng lao động	BCPTBV - Phát triển nguồn nhân lực tại BSC	30-33 BCPTBV	
G4-11	Tỷ lệ phần trăm người lao động được hưởng thỏa ước lao động tập thể	100%		
G4-12	Mô tả chuỗi cung ứng của doanh nghiệp	BCTN - Tổng quan về BSC		
G4-13	Thay đổi trong quá trình báo cáo liên quan đến quy mô, cấu trúc, sở hữu và chuỗi cung ứng	Không có thay đổi đáng kể		
G4-14	Báo cáo về việc doanh nghiệp có hay không cảnh báo trước về các vấn đề tiềm ẩn gây ảnh hưởng đến môi trường	Do đặc thù hoạt động trong lĩnh vực tài chính, BSC ít có tác động trực tiếp ảnh hưởng đến môi trường cũng như chưa tiến hành đầu tư có liên quan đến môi trường. Tuy nhiên, BSC chủ động hưởng ứng các hoạt động bảo vệ môi trường, triển khai lối sống xanh tại công sở		
G4-15	Liệt kê các quy định, điều lệ hoặc các hoạt động liên quan đến vấn đề kinh tế, xã hội, môi trường và doanh nghiệp đã xây dựng hoặc tuân theo	Luật doanh nghiệp, các quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, các quy định/chuẩn mực về tài chính - kế toán, FATCA...		
G4-16	Hội viên các hiệp hội	Hiệp hội đầu tư Campuchia, hiệp hội mía đường Việt Nam, hiệp hội cao su Việt Nam, Hiệp hội thị trường trái phiếu Việt Nam...		
1.3	<i>Xác định các lĩnh vực chính và phạm vi báo cáo</i>			

G4-17	Các đơn vị bao gồm trong các báo cáo tài chính hợp nhất của doanh nghiệp hoặc các tài liệu tương đương. Báo cáo về việc một đơn vị nào đó có trong các báo cáo tài chính hợp nhất của doanh nghiệp hoặc các tài liệu tương đương không được đề cập đến trong báo cáo này hay không			BSC không có công ty con
G4-18	Giải thích quá trình xác định nội dung báo cáo và ranh giới báo cáo. Giải thích quy trình doanh nghiệp áp dụng các quy tắc báo cáo để xây dựng nội dung báo cáo	BCPTBV - Các tiêu chí đánh giá chính và mức độ đáp ứng của BSC	3-8 BCPTBV	
G4-19	Các vấn đề trọng yếu trong quá trình xây dựng nội dung báo cáo	BCPTBV - Các tiêu chí đánh giá chính và mức độ đáp ứng của BSC	7-8 BCPTBV	
G4-21	Với từng lĩnh vực trọng yếu, báo cáo ranh giới lĩnh vực bên ngoài	BCPTBV - Các tiêu chí đánh giá chính và mức độ đáp ứng của BSC	6-8 BCPTBV	
G4-22	Báo cáo tác động của bất kỳ việc trình bày lại thông tin đã cung cấp nào trong báo cáo trước đó và những nguyên tắc của việc trình bày lại đó			Không phát sinh việc trình bày lại thông tin
G4-23	Thay đổi lớn so với báo cáo kỳ trước (về phạm vi báo cáo)	Báo cáo lần này chúng tôi đã mở rộng phạm vi và trình bày đầy đủ hơn GRI		
1.4	<i>Sự tham gia của các bên liên quan</i>			
G4-24	Danh sách nhóm của các bên liên quan với doanh nghiệp	BCPTBV - Các tiêu chí đánh giá chính và mức độ đáp ứng của BSC	3 BCPTBV	

G4-25	Cơ sở lựa chọn và xác định của các bên liên quan	BCPTBV - Các tiêu chí đánh giá chính và mức độ đáp ứng của BSC	3-5 BCPTBV	
G4-26	Phương pháp tiếp cận đối với sự tham gia của các bên liên quan	BCPTBV - Các tiêu chí đánh giá chính và mức độ đáp ứng của BSC	3-5 BCPTBV	
G4-27	Các chủ đề và mối quan tâm chính được nêu ra trong quá trình tham gia các bên liên quan; doanh nghiệp phản hồi như thế nào với nội dung trên (bao gồm phản hồi qua báo cáo)	BCPTBV - Các tiêu chí đánh giá chính và mức độ đáp ứng của BSC	6-8 BCPTBV	
1.5	Hồ sơ báo cáo			
G4-28	Giai đoạn báo cáo	01/01/2016 – 31/12/2016		
G4-29	Kỳ báo cáo gần nhất	01/01/2015 – 31/12/2015		
G4-30	Chu kỳ báo cáo	Thường niên		
G4-31	Đầu mối liên hệ (nếu có)	BCPTBV - Liên hệ	56 BCPTBV	
G4-32	Phương án lựa chọn báo cáo của doanh nghiệp	BCPTBV- Phạm vi báo cáo	56 BCPTBV	
1.6	Quản trị			
G4-34	Cơ cấu quản trị của doanh nghiệp bao gồm các ủy ban và lãnh đạo cấp cao nhất	BCTN - Sơ đồ tổ chức		
1.7	Đạo đức và tính chính trực			
G4-56	Các giá trị, nguyên tắc, tiêu chuẩn và chuẩn mực hành vi của doanh nghiệp như bộ quy tắc ứng xử và bộ quy tắc đạo đức	BCPTBV - Bộ quy tắc ứng xử; BCPTBV - Đạo đức kinh doanh	15; 28-29 BCPTBV	
2	TRÌNH BÀY THÔNG TIN THEO CHUẨN MỰC CHI TIẾT			
2.1	Kinh tế			

2.1.1	Hiệu quả kinh tế			
DMA	Công bố quan điểm quản trị chung		10 BCPTBV	
G4-EC1	Các giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra và phân bổ	BCPTBV - Kết quả tài chính	13-14 BCPTBV	
G4-EC3	Phạm vi trách nhiệm của doanh nghiệp với quỹ hưu trí			BSC chưa có quỹ hưu trí
2.1.2	Các tác động kinh tế gián tiếp			
G4-EC7	Sự phát triển và tác động của hoạt động đầu tư cơ sở hạ tầng và dịch vụ phục vụ lợi ích chung của cộng đồng			BSC chưa có dự án đầu tư nào vào các công trình cơ sở hạ tầng
2.2	Xã hội			
2.2.1	Đối xử với người lao động và Việc làm bền vững			
2.2.1.1	Việc làm			
DMA	Công bố quan điểm quản trị chung		33-35 BCPTBV	
G4-LA1	Tổng số lực lượng lao động, tỷ lệ tuyển dụng mới, tỷ lệ thôi việc phân loại theo độ tuổi, giới tính, khu vực; vòng quay nhân viên trong kỳ báo cáo theo nhóm tuổi, giới tính và vùng miền	BCPTBV - Các thống kê về nguồn nhân lực	30-33 BCPTBV	
G4-LA2	Phúc lợi cho nhân viên toàn thời gian, không cho nhân viên tạm thời hoặc bán thời gian, theo địa bàn và hoạt động	BCPTBV – Môi trường làm việc	38-39 BCPTBV	

G4-LA10	Các chương trình quản trị kỹ năng và học tập dài hạn hỗ trợ khả năng tiếp tục làm việc của người lao động và giúp họ về việc chấm dứt quan hệ lao động	BCPTBV - Đào tạo và Phát triển	39-42 BCPTBV	
G4-LA11	Tỷ lệ phần trăm người lao động được đánh giá hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp định kỳ, theo giới tính và theo danh mục người lao động	BCPTBV - Các thống kê về nguồn nhân lực	33 BCPTBV	
G4-LA12	Thành phần của Ban lãnh đạo và phân tích người lao động thành các nhóm theo giới tính, nhóm tuổi, thành viên nhóm thiểu số, và các chỉ số khác về sự đa dạng	BCPTBV - Các thống kê về nguồn nhân lực	30-33 BCPTBV	
G4-LA16	Số lượng các khiếu nại về lao động đã nhận, xử lý và giải quyết thông qua các cơ chế chính thức về xử lý khiếu nại	BCPTBV - Các thống kê về nguồn nhân lực	33 BCPTBV	
2.2.1.2	Đào tạo và giáo dục			
DMA	Công bố quản điểm quản trị chung		39 - 42 BCPTBV	
2.2.2	Quyền con người			
DMA	Công bố quản điểm quản trị chung		37 BCPTBV	
G4-HR1	Tỷ lệ phần trăm và tổng số các thỏa thuận đầu tư lớn có đề cập tới các điều khoản về quyền con người hoặc đã được sàng lọc về vấn đề nhân quyền	BCPTBV - Các thống kê về nguồn nhân lực	33 BCPTBV	
2.2.3	Xã hội			
2.2.3.1	Cộng đồng địa phương			

DMA	Công bố quản điểm quản trị chung		50 BCPTBV	
G4-SO1	Tỷ lệ phần trăm các hoạt động có sự tham gia của cộng đồng địa phương, đánh giá tác động và các chương trình phát triển đã thực hiện	BCPTBV - Trách nhiệm xã hội	51 - 52 BCPTBV	
G4-SO2	Các hoạt động có ảnh hưởng tiêu cực hoặc có khả năng gây ảnh hưởng tiêu cực đến cộng đồng			Không có ảnh hưởng tiêu cực nào
2.2.3.2	Chống tham nhũng			
G4-SO3	Tổng số lượng và tỷ lệ phần trăm các hoạt động đã được đánh giá rủi ro liên quan đến tham nhũng và các rủi ro trọng yếu đã được xác định	BCPTBV - Tuân thủ pháp luật	15 BCPTBV	
2.2.3.3	Tuân thủ			
DMA	Công bố quản điểm quản trị chung		15 BCPTBV	
G4-SO8	Tổng giá trị bằng tiền của những vụ phạt lớn và tổng số vụ xử phạt phi tài chính do không tuân thủ luật pháp và các quy định	BCPTBV - Tuân thủ pháp luật		Không có vi phạm và phạt trong năm 2016
2.2.4	Trách nhiệm sản phẩm			
2.2.4.1	Dán nhãn sản phẩm và dịch vụ			
G4-PR3	Loại thông tin về sản phẩm dịch vụ theo yêu cầu quy trình của doanh nghiệp và tỷ lệ phần trăm của các sản phẩm và dịch vụ đáng kể cần đáp ứng yêu cầu về thông tin trên	BCPTBV - Hoạt động kinh doanh	10 - 13 BCPTBV	
G4-PR8	Tổng số khiếu nại đáng kể liên quan đến vi phạm sự riêng tư của khách hàng và làm mất dữ liệu khách hàng	BCPTBV - Tuân thủ pháp luật		Không có vi phạm và khiếu nại nào trong năm 2016

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016





Công ty Cổ phần Chứng khoán
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	115
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	116
Báo cáo kiểm toán độc lập	117 - 118
Báo cáo tình hình tài chính	119 - 124
Báo cáo kết quả hoạt động	125 - 129
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	130 - 133
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	134 - 135
Thuyết minh báo cáo tài chính	136 - 219

Công ty Cổ phần Chứng khoán
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 111/GP-UBCK, do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Công ty hoạt động theo Điều lệ Hoạt động Công ty Chứng khoán số 01/NQ-ĐHĐCĐ được ban hành ngày 17 tháng 12 năm 2010 và sửa đổi, bổ sung lần thứ hai tại Nghị quyết số 04/NQ - ĐHĐCĐ ngày 13 tháng 04 năm 2013.

Công ty được thành lập trên cơ sở thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty bao gồm: môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 1,10,11 – Tháp BIDV - 35 Hàng Vôi, Hà Nội và Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại Lầu 9 số 146 phố Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Ánh Sáng	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2016
Ông Đỗ Huy Hoài	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Thiệu Sơn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 11 năm 2015
Ông Lê Ngọc Lâm	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 11 năm 2014

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau :

Bà Phạm Thanh Thủy	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2016
Bà Hoàng Thị Hương	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2016
Ông Trần Minh Hải	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2016

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau :

Ông Đỗ Huy Hoài	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 17 tháng 12 năm 2015
Bà Trần Thị Thu Thanh	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2016
Ông Lê Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2015
Bà Ngô Thị Phong Lan	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 10 năm 2014

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đỗ Huy Hoài, chức danh Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

**Công ty Cổ phần Chứng khoán
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- + lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- + thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- + nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- + lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định, hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



 Ông Đỗ Huy Hoài
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, Việt Nam
 Ngày 29 tháng 03 năm 2017

Số tham chiếu: 60758150/18718723

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("Công ty") được lập ngày 29 tháng 3 năm 2017 và được trình bày từ trang 119 đến trang 219, bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Đặng Phương Hà
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán:
2400-2013-004-1

Trần Mai Thảo
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán:
2466-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 29 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.362.064.037.732	2.080.223.802.088
110	I. Tài sản tài chính		1.361.796.842.133	2.080.180.906.253
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	436.488.305.264	53.422.468.177
111.1	a. Tiền		106.488.305.264	43.422.468.177
111.2	b. Các khoản tương đương tiền		330.000.000.000	10.000.000.000
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	7.1	358.921.518.262	1.276.923.492.375
113	3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	7.2	77.024.023.168	106.186.821.420
114	4. Các khoản cho vay	7.3	471.678.060.306	632.754.918.509
116	5. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	7.4	(18.717.408.668)	(12.736.718.649)
117	6. Các khoản phải thu	8	34.805.705.685	16.401.822.447
117.1	a. Phải thu bán các tài sản tài chính		14.945.333.000	3.107.420.000
117.2	b. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		19.860.372.685	13.294.402.447
117.4	- Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		19.860.372.685	13.294.402.447
119	7. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	8	1.688.628.798	7.135.894.981
122	8. Các khoản phải thu khác		299.166.640	269.819.366
129	9. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	8	(391.157.322)	(177.612.373)

**Công ty Cổ phần Chứng khoán
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

B01-CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác	9	267.195.599	42.895.835
131	1. Tạm ứng		98.500.000	20.000.000
132	2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ		19.896.835	22.895.835
135	3. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		148.798.764	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		83.889.477.937	38.434.908.806
210	I. Tài sản tài chính dài hạn	7.2	50.311.795.942	9.745.693.643
212	1. Các khoản đầu tư		50.311.795.942	9.745.693.643
212.1	a. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		50.311.795.942	9.745.693.643
220	II. Tài sản cố định		8.297.959.432	5.657.630.180
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	6.669.765.241	4.725.530.514
222	a. Nguyên giá		17.485.559.194	15.126.129.807
223a	b. Giá trị hao mòn lũy kế		(10.815.793.953)	(10.400.599.293)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	1.628.194.191	932.099.666
228	a. Nguyên giá		2.782.980.000	1.937.980.000
229a	b. Giá trị hao mòn lũy kế		(1.154.785.809)	(1.005.880.334)
250	III. Tài sản dài hạn khác		25.279.722.563	23.031.584.983
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		4.007.552.104	3.642.572.104
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	12	217.119.939	980.745.615
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	13	21.055.050.520	18.408.267.264
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.445.953.515.669	2.118.658.710.894
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		462.018.357.206	1.249.523.342.920
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		462.018.357.206	1.249.523.342.920
311	1. Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	14	249.500.000.000	623.600.000.000

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
312	a. Vay ngắn hạn		249.500.000.000	623.600.000.000
318	2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	16	115.583.129.268	59.777.261.722
320	3. Phải trả người bán ngắn hạn	17	4.073.893.672	2.260.446.410
321	4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.737.669.723	1.454.338.206
322	5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	13.939.361.258	2.986.873.425
323	6. Phải trả người lao động		25.116.594.685	11.299.189.666
324	7. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		3.754.346	461.018.913
325	8. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	289.480.134	2.233.245.794
329	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	20	153.974.120	378.448.784
332	10. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	15	51.620.500.000	545.072.520.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		983.935.158.463	869.135.367.974
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	983.935.158.463	869.135.367.974
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		902.432.863.457	865.241.713.457
411.1	Vốn góp của chủ sở hữu		902.191.150.000	865.000.000.000
411.1a	Cổ phiếu phổ thông		902.191.150.000	865.000.000.000
411.2	Thặng dư vốn cổ phần		241.713.457	241.713.457
414	Quỹ dự trữ điều lệ		5.959.872.250	207.782.726
415	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		5.959.872.250	207.782.726
417	Lợi nhuận chưa phân phối		69.582.550.506	3.478.089.065
417.2	Lợi nhuận đã thực hiện		69.582.550.506	3.478.089.065
	TỔNG CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		983.935.158.463	869.135.367.974
440	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.445.953.515.669	2.118.658.710.894

**Công ty Cổ phần Chứng khoán
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

B01-CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
001	1. Tài sản cố định thuê ngoài	21.1	994.635.000	994.635.000
004	2. Nợ khó đòi đã xử lý	21.2	-	403.248.614
005	3. Ngoại tệ các loại	21.3		
	a. Đô la Mỹ (USD)		253.967	442
	b. Euro (EUR)		97	-
006	4. Cổ phiếu đang lưu hành	21.4	902.139.800.000	865.000.000.000
007	5. Cổ phiếu quỹ		51.350.000	-
008	6. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của công ty	21.5	269.180.790.000	965.685.350.000
008.1	a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		154.148.290.000	642.340.240.000
008.3	b. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		100.000.000.000	271.500.000.000
008.5	c. Tài sản tài chính chờ thanh toán		15.032.500.000	51.845.110.000
009	7. Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch của công ty chứng khoán	21.6	61.710.000	52.180.000
009.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		61.710.000	52.180.000
010	8. Tài sản tài chính chờ về của công ty chứng khoán	21.7	100.492.000.000	180.000
012	9. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của công ty	21.8	19.230.270.000	226.430.240.000

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: số lượng chứng khoán

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của nhà đầu tư	21.9	1.538.412.183	1.258.283.590
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		1.112.715.806	918.066.864
021.2	b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		21.291.401	10.670.995
021.3	c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		305.242.308	291.886.512
021.4	d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		86.336.193	14.284.386
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán		12.826.475	23.374.833
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch của nhà đầu tư	21.10	24.264.256	52.130.300
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		24.134.915	38.644.680
022.2	b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		84.101	4.497.557
022.4	c. Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ		45.240	8.988.063
023	3. Tài sản tài chính chờ về của nhà đầu tư	21.11	12.267.335	17.768.213
025	4. Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư		17.462.935	-

**Công ty Cổ phần Chứng khoán
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

B01-CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
026	5. Tiền gửi của khách hàng		272.265.430.245	272.500.911.343
027	5.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	22.12	205.845.001.518	156.828.160.063
028	5.2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	22.12	51.663.201.830	92.362.945.946
029	5.3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	22.12	63.924.953	210.200.000
029.1	a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư trong nước		62.922.146	1.000.000
029.2	b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài		1.002.807	209.200.000
030	5.4. Tiền gửi của tổ chức phát hành chứng khoán	22.13	14.693.301.944	23.099.605.334
031	6. Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	22.14	205.845.001.518	156.828.160.063
031.1	a. Phải trả nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		205.559.889.370	156.530.522.852
031.2	b. Phải trả nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		285.112.148	297.637.211
032	7. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	22.15	6.951.124.812	1.048.464.612
034	8. Phải trả vay công ty chứng khoán	22.16	483.768.332.337	618.346.538.678
035	9. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	22.17	7.742.177.132	22.051.140.722

Người lập:



Bà Vũ Thị Minh Nguyệt
Kế toán

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2017

Người phê duyệt:



Bà Trần Ngọc Diệp
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Đỗ Huy Hoài
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
	I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
01	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		346.302.295.602	107.575.920.886
01.1	a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	23.1	99.958.259.065	68.928.054.007
01.2	b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	23.2	240.968.494.273	31.754.800.089
01.3	c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	23.3	5.375.542.264	6.893.066.790
02	2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	23.3	23.650.077.766	91.425.892.249
03	3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	23.3	101.157.435.612	83.629.292.523
06	4. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	23.4	136.586.035.477	108.287.229.322
07	5. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	23.4	11.759.163.437	32.588.469.484
08	6. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	23.4	60.000.000	36.000.000
09	7. Doanh thu lưu ký chứng khoán	23.4	8.547.529.877	9.378.254.036
10	8. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	23.4	19.729.840.216	60.243.829.904
20	Cộng doanh thu hoạt động		647.792.377.987	493.164.888.404
	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
21	1. Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		(266.012.913.975)	(119.189.643.809)

**Công ty Cổ phần Chứng khoán
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

B02-CTCK

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
21.1	a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	23.1	(252.880.838.813)	(31.562.613.848)
21.2	b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	23.2	(11.013.302.090)	(84.337.609.888)
21.3	c. Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL	24	(2.118.773.072)	(3.289.420.073)
22	2. Lỗ từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)		(20.501.420)	(266.125.737)
24	3. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	25	(5.980.690.019)	(4.323.190.783)
27	5. Chi phí môi giới chứng khoán	25	(94.990.078.869)	(76.561.742.467)
28	6. Chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		(560.000.000)	(7.024.446.536)
30	7. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	25	(7.757.388.428)	(6.277.481.785)
31	8. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	25	(16.759.260.705)	(17.838.433.611)
40	Cộng chi phí hoạt động		(394.457.918.476)	(233.955.481.045)
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
41	1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		142.058.909	-
42	2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định phát sinh trong kỳ		4.007.259.693	3.878.213.933
	3. Doanh thu khác về đầu tư		78.488.428	-
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính	26	4.227.807.030	3.878.213.933

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
51	1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(101.623.243)	-
52	2. Chi phí lãi vay		(55.708.868.042)	(101.202.941.767)
55	3. Chi phí tài chính khác		(67.065.686)	(7.500.000)
60	Cộng chi phí tài chính	27	(55.877.556.971)	(101.210.441.767)
62	VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ	28	(75.712.061.938)	(60.334.005.083)
70	VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		125.972.647.632	101.543.174.442
	VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	1. Thu nhập khác		28.063.636	5.471.818
72	2. Chi phí khác		(947.498)	(58.083.286)
80	Cộng kết quả hoạt động khác	29	27.116.138	(52.611.468)
90	IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		125.999.763.770	101.490.562.974
91	1. Lợi nhuận đã thực hiện		125.999.763.770	101.490.562.974
100	X. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DO-ANH NGHIỆP (TNDN)	30.1	(10.957.973.281)	-
100.1	1. Chi phí thuế TNDN hiện hành		(10.957.973.281)	-
200	XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		115.041.790.489	101.490.562.974

**Công ty Cổ phần Chứng khoán
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

B02-CTCK

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
400	TỔNG THU NHẬP TOÀN DIỆN		115.041.790.489	101.490.562.974
401	1. Thu nhập toàn diện phân bổ cho chủ sở hữu		115.041.790.489	101.490.562.974
402	2. Thu nhập toàn diện phân bổ cho đối tượng khác		-	-
500	XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG		115.041.790.489	101.490.562.974
501	1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	34.4	1.275	1.125

Người lập:



Bà Vũ Thị Minh Nguyệt
Kế toán

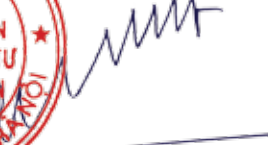
Người phê duyệt:



Bà Trần Ngọc Diệp
Kế toán Trưởng



Người phê duyệt:



Ông Đỗ Huy Hoài
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 29 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước Thuế TNDN		125.999.763.770	101.490.562.974
	2. Điều chỉnh cho các khoản:		63.409.334.959	105.783.307.648
03	Khấu hao TSCĐ		1.580.363.594	860.457.645
04	Các khoản dự phòng		6.194.234.968	86.303.156
05	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(115.860.968)	-
08	Dự thu tiền lãi		55.775.933.728	104.842.018.665
09	Các khoản điều chỉnh khác		(25.336.363)	(5.471.818)
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		11.013.302.090	84.337.609.888
11	Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL		11.013.302.090	84.337.609.888
18	Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(240.852.633.305)	(31.754.800.089)
19	Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL		(240.968.494.273)	(31.754.800.089)
21	Lãi khác		115.860.968	-
30	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(40.430.232.486)	259.856.680.421

**Công ty Cổ phần Chứng khoán
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

B03-CTCK

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)			
31	(Tăng)/giảm tài sản tài chính FVTPL		1.157.378.078.329	(799.559.331.659)
32	(Tăng)/giảm các khoản đầu tư HTM		(20.824.216.080)	141.533.308.637
33	(Tăng)/giảm các khoản cho vay		161.076.858.203	(63.457.751.394)
35	(Tăng)/giảm phải thu bán các tài sản tài chính		(11.837.913.000)	16.873.989.000
36	(Tăng)/giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		(6.565.970.238)	(4.053.730.921)
37	(Tăng)/giảm phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp		5.447.266.183	(356.044.573)
39	(Tăng)/giảm các khoản phải thu khác		(29.347.274)	(152.682.541)
40	(Tăng)/giảm các tài sản khác		(3.236.063.020)	(3.481.188.263)
41	Tăng/(giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		(66.715.143)	51.716.620
42	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		763.625.676	(980.745.615)
44	Lãi vay đã trả		(57.652.984.245)	(104.667.486.747)
45	Tăng/(giảm) phải trả cho người bán		1.813.447.262	238.566.529
46	Tăng/(giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		(457.264.567)	440.269.794
47	Tăng/(giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		(5.485.448)	(1.905.860.914)
48	Tăng/(giảm) phải trả người lao động		13.817.405.019	1.934.417.281
50	Tăng/(giảm) phải trả, phải nộp khác		55.864.724.399	(235.336.472.493)
52	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(242.000.000)	(262.000.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		1.254.813.213.570	(793.284.346.838)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
61	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(4.220.692.846)	(4.218.287.540)
62	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		25.336.363	5.471.818
70	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(4.195.356.483)	(4.212.815.722)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
73.2	- Tiền vay khác		15.603.440.000.000	12.912.279.400.000
74.3	- Tiền chi trả gốc vay khác		(16.470.992.020.000)	(12.369.433.880.000)
80	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		(867.552.020.000)	542.845.520.000
90	TĂNG/(GIẢM) TIỀN THUẦN TRONG NĂM		383.065.837.087	(254.651.642.560)
101	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	5	53.422.468.177	308.074.110.737
101.1	Tiền		43.422.468.177	188.074.110.737
101.2	Các khoản tương đương tiền		10.000.000.000	120.000.000.000
103	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	5	436.488.305.264	53.422.468.177
103.1	Tiền		106.373.778.583	43.422.468.177
103.2	Các khoản tương đương tiền		330.000.000.000	10.000.000.000
104	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		114.526.681	-

**Công ty Cổ phần Chứng khoán
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

B03-CTCK

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		84.489.541.133.724	73.939.666.844.145
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(102.885.064.419.928)	(68.206.719.504.000)
07	7. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		55.039.215.067.033	28.589.301.809.024
08	8. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(36.629.583.019.236)	(34.193.503.441.129)
11	11. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(5.937.939.301)	(4.235.784.303)
14	14. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		6.339.959.938.679	4.945.633.036.144
15	15. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(6.348.366.242.069)	(4.931.889.717.389)
20	Tăng/giảm tiền thuần trong năm		(235.481.098)	138.253.242.492
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng		272.500.911.343	134.247.668.851
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		272.500.911.343	134.247.668.851
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý - Trong đó có kỳ hạn		156.828.160.063	116.838.917.604
33	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		92.362.945.946	1.532.339.057
34	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		210.200.000	6.520.125.611
35	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành - Trong đó có kỳ hạn		23.099.605.334	9.356.286.579

**Công ty Cổ phần Chứng khoán
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

B03-CTCK

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30)		272.265.430.245	272.500.911.343
41	Tiền gửi ngân hàng:		272.265.430.245	272.500.911.343
42	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý Trong đó có kỳ hạn		205.845.001.518	156.828.160.063
43	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		51.663.201.830	92.362.945.946
44	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		63.924.953	210.200.000
45	Tiền gửi của Tổ chức phát hành Trong đó có kỳ hạn		14.693.301.944	23.099.605.334

Người lập:

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt
Kế toán

Người phê duyệt:

Bà Trần Ngọc Diệp
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Đỗ Huy Hoài
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 29 tháng 03 năm 2017

**Công ty Cổ phần Chứng khoán
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

B04-CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Năm trước	
		Ngày 01/01/2015	Ngày 01/01/2016	Tăng	
A	B	1	2	3	
I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU					
1.Vốn đầu tư của chủ sở hữu		865.241.713.457	865.241.713.457	-	
a. Vốn pháp định	21.1	865.000.000.000	865.000.000.000	-	
b.Thặng dư vốn cổ phần		241.713.457	241.713.457	-	
2.Quỹ dự trữ vốn điều lệ	21.1	-	207.782.726	207.782.726	
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	21.1	-	207.782.726	207.782.726	
4. Lợi nhuận chưa phân phối	21.1	(97.334.908.457)	3.478.089.065	101.490.562.974	
<i>Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối</i>		(97.334.908.457)	3.478.089.065	101.490.562.974	
TỔNG CỘNG		767.906.805.000	869.135.367.974	101.906.128.426	

Người lập:



Bà Vũ Thị Minh Nguyệt
Kế toán

Người phê duyệt:



Bà Trần Ngọc Diệp
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Đỗ Huy Hoài
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 29 tháng 03 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Số tăng/(giảm)			Số dư cuối năm	
	Năm nay			
Giảm	Tăng	Giảm	Ngày 31/12/2015	Ngày 31/12/2016
4	5	6	7	8
-	37.191.150.000	-	865.241.713.457	902.432.863.457
-	37.191.150.000	-	865.000.000.000	902.191.150.000
-	-	-	241.713.457	241.713.457
-	5.752.089.524	-	207.782.726	5.959.872.250
-	5.752.089.524	-	207.782.726	5.959.872.250
(677.565.452)	115.041.790.489	(48.937.329.048)	3.478.089.065	69.582.550.506
(677.565.452)	115.041.790.489	(48.937.329.048)	3.478.089.065	69.582.550.506
(677.565.452)	163.737.119.537	(48.937.329.048)	869.135.367.974	983.935.158.463

**Công ty Cổ phần Chứng khoán
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (sau đây gọi tắt là Công ty), tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh là BIDV Securities Joint Stock Company (gọi tắt là BSC) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 111/GP-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam được thành lập trên cơ sở thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Vào ngày 17 tháng 11 năm 2010, Công ty đã tổ chức thành công đợt phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng với số lượng cổ phiếu được phát hành là 10.274.670 cổ phiếu, tương đương 11.88% vốn điều lệ. Trong đó, 10.195.570 cổ phiếu được mua bởi công chúng và 79.100 cổ phiếu được bán cho cán bộ công nhân viên của Công ty.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 1,10,11 - Tháp BIDV - 35 Hàng Vôi, Hà Nội và Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại Lầu 9 số 146 phố Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tổng vốn điều lệ của Công ty là 902.191.150.000 VND, vốn chủ sở hữu là 983.935.158.463 VND, tổng tài sản là 1.445.953.515.669 VND.

Mục tiêu đầu tư

Là công ty chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam với hoạt động chính bao gồm môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán, Công ty hoạt động với mục tiêu là đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 44, Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán và Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài Chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư. Một số quy định hiện hành về hạn chế đầu tư như sau:

+ Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

+ Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.

+ Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được phép mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu chính phủ.

+ Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác thực hiện các nghiệp vụ sau: Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng; Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác; Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết; Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở; Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn

chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("đồng" hoặc "VND") phù hợp với Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày, Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- + Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- + Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- + Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- + Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- + Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là nhật ký chung.

**Công ty Cổ phần Chứng khoán
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2.3 Kỳ kế toán năm

Năm tài chính đầu tiên của Công ty bắt đầu vào đầu ngày 1 tháng 1 năm 2011 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Công ty cũng lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm và báo cáo tài chính quý cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc lần lượt tại ngày 31 tháng 3, 30 tháng 6, 30 tháng 9 và 31 tháng 12 hàng năm.

2.4 Báo cáo tài chính giữa niên độ

Công ty thực hiện lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 để nộp cho các cơ quan chức năng theo yêu cầu của Thông tư số 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 10 năm 2015.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 30 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2014/TT-BTC hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán ("Thông tư 210"). Thông tư này thay thế Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 về hướng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán. Thông tư 210 đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán.

Ngày 27 tháng 12 năm 2016, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 334/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 334").

Những thay đổi quan trọng do áp dụng Thông tư 210 và Thông tư 334 bao gồm:

+ Thay đổi tên và hình thức các báo cáo tài chính: Bảng cân đối kế toán được đổi tên thành báo cáo tình hình tài chính, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được đổi tên thành báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động môi giới và vốn ủy thác của nhà đầu tư được trình bày riêng như một phần của các báo cáo tài chính cơ bản.

+ Tài sản tài chính được phân thành bốn (04) loại là tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay.

+ Quản lý tách biệt tài sản của công ty chứng khoán và của nhà đầu tư trên các khoản mục tiền gửi, chứng khoán, các khoản phải trả.

Ngoài ra, Thông tư 210 và Thông tư 334 cũng hướng dẫn việc đo lường các tài sản tài chính. Theo đó tất cả các tài sản tài chính được ghi

nhận ban đầu theo giá gốc và được xác định giá trị sau ghi nhận ban đầu như sau:

+ Tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ (FVTPL): được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp ghi nhận FVTPL theo giá trị thị trường phải tuân thủ quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành. Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ việc thay đổi giá trị của các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

+ Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS): được ghi nhận theo giá trị hợp lý. Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ một tài sản tài chính AFS khi đánh giá theo giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu (Thu nhập toàn diện khác), thông qua việc ghi nhận trên báo cáo biến động vốn chủ sở hữu, ngoại trừ các khoản lỗ do suy giảm giá trị tài sản tài chính AFS được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

Do Luật Kế toán hiện hành chưa cho phép áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

+ Các tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM): được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

+ Các khoản cho vay: được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực. Thông tư 210 và Thông tư 334 được áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2016.

Công ty cũng đã trình bày lại dữ liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 210 và Thông tư 334 trong báo cáo tài chính năm nay như đã trình bày tại Thuyết minh số 34.6.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.2 Các chính sách kế toán đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 20 tháng 11 năm 2015, Quốc hội đã thông qua Luật Kế toán số 88/2015/QH13 (“Luật Kế toán mới”). Luật Kế toán mới bổ sung thêm quy định về chứng từ điện tử, đồng thời đưa ra quy định về việc áp dụng nguyên tắc tôn trọng bản chất hơn hình thức và nguyên tắc giá trị hợp lý đối với một số loại tài sản và nợ phải trả mà giá trị của chúng biến động thường xuyên theo giá thị trường và có thể xác định một cách đáng tin cậy. Luật Kế toán mới có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2017.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của Công ty, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

4.4 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- + Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
- + Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- + Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:

- + Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.
- + Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL do Luật Kế toán hiện hành chưa cho phép áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào khoản mục chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

4.5 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động;
- b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các tài sản tài chính HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

4.6 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động;
- b) Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

**Công ty Cổ phần Chứng khoán
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

4.7 Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính.

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các tài sản tài chính có thể chuyển nhượng được trên thị trường tại ngày kết thúc năm tài chính tương ứng với chênh lệch giữa giá trị sổ sách và giá trị thực tế trên thị trường tại ngày có giao dịch gần nhất nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 146/2014/TT-BTC và Thông tư số 228/2009/TT-BTC. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

Giá trị thị trường/hợp lý của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau:

- + Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán;
- + Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán;
- + Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất;
- + Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.8 Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- + Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- + Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
- Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản; hoặc
- Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Việc tiếp tục tham gia mà có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ

ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

4.9 Phân loại lại tài sản tài chính

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS hiện đang theo dõi trên khoản mục “Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý” sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính AFS khi bán.

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS”.

**Công ty Cổ phần Chứng khoán
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.10 Nguyên tắc kế toán ghi nhận các khoản đầu tư đem đi thế chấp, cầm cố

Trong năm, Công ty có các khoản đầu tư được đem đi thế chấp/cầm cố để thực hiện các nghĩa vụ tài chính của Công ty.

Theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng thế chấp/cầm cố, trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, Công ty không được sử dụng các tài sản thế chấp/cầm cố để bán, chuyển nhượng, tham gia vào các hợp đồng bán và cam kết mua lại, hợp đồng hoán đổi với bất kỳ bên thứ ba nào khác.

Trong trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ phải trả, bên nhận thế chấp/cầm cố sẽ được sử dụng tài sản thế chấp/cầm cố để thanh toán các nghĩa vụ của Công ty sau khoảng thời gian xác định trong hợp đồng thế chấp/cầm cố kể từ ngày nghĩa vụ thanh toán của Công ty bắt đầu quá hạn.

Các tài sản được đem đi thế chấp/cầm cố được theo dõi trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc phù hợp với loại tài sản mà tài sản đó được phân loại.

4.11 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí quản lý”.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.12 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

4.13 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

4.14 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	5 – 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 15 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	4 năm
Tài sản cố định vô hình khác	2 - 20 năm

4.15 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

4.16 Các hợp đồng mua bán lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tình hình tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính. Phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được xem như là chi phí lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Các hợp đồng mua lại được theo dõi tại khoản mục “Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ” trên báo cáo tình hình tài chính.

**Công ty Cổ phần Chứng khoán
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.17 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

4.18 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.19 Lợi ích của nhân viên

4.19.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty đóng góp vào trợ cấp hưu trí này bằng việc đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 18% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác về trợ cấp nghỉ hưu của nhân viên, ngoài nghĩa vụ đóng tiền cho Bảo hiểm Xã hội hàng tháng.

4.19.2 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi niên độ cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày lập báo cáo tình hình tài chính theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

4.19.3 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.20 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

4.21 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

4.22 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các

khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định ("TSCĐ"), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

**Công ty Cổ phần Chứng khoán
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

4.23 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

4.24 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu tự doanh và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu.

4.25 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các

ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

**Công ty Cổ phần Chứng khoán
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.26 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty. Tuy nhiên, do Luật kế toán hiện hành chưa cho phép áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý nên hiện tại Công ty thực hiện ghi nhận phần chênh lệch từ đánh giá lại như một khoản doanh thu hoặc chi phí đã thực hiện trong năm.

Lợi nhuận đã thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Các quỹ

Theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014, Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm nếu không còn lỗ lũy kế để trích lập các quỹ như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên toàn Công ty.

4.27 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư/cổ đông sau khi được các cấp có thẩm quyền/Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4.28 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm (trình bày lại) VND
Tiền	106.488.305.264	43.422.468.177
Tiền mặt tại quỹ	70.477.721	73.075.676
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Công ty (i)	98.712.211.945	41.879.951.855
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	7.705.615.598	1.469.440.646
Các khoản tương đương tiền	330.000.000.000	10.000.000.000
	436.488.305.264	53.422.468.177

(i) Khoản tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2016 theo xác nhận số dư của ngân hàng là 110.258.075.962 VND, trong đó, số tiền 11.545.864.017 VND được phản ánh ở tài khoản tiền gửi của nhà đầu tư (Thuyết minh số 22.12) để thể hiện chính xác nghĩa vụ thanh toán của Công ty với nhà đầu tư.

6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (đơn vị)	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (VND)
1. Của công ty chứng khoán		
Cổ phiếu	36.747.724	789.398.815.700
Trái phiếu	227.039.467	24.822.116.144.808
	263.787.191	25.611.514.960.508
2. Của nhà đầu tư		
Cổ phiếu	3.861.348.599	61.314.987.168.400
Trái phiếu	1.168.955.082	122.083.458.987.092
Chứng khoán khác	35.290	345.693.100
	5.030.338.971	183.398.791.848.592

**Công ty Cổ phần Chứng khoán
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

7.1. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	Số cuối năm		
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	
1. Cổ phiếu niêm yết			
GMD	3.217.974.478	3.217.974.478	
HPG	11.993.798.893	11.993.798.893	
THB	6.965.117.184	6.965.117.184	
HBC	14.743.539.274	14.743.539.274	
PPC	13.827.373.580	13.827.373.580	
Khác	699.669.783	608.114.887	
	51.447.473.192	51.355.918.296	
2. Cổ phiếu chưa niêm yết			
THC	-	-	
PHVU	58.063.615.500	8.269.016.100	
METCO	-	-	
Khác	112.552.184	32.617.199	
	58.176.167.684	8.301.633.299	

	Số đầu năm (trình bày lại)		
Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
3.298.563.000	1.571.978	1.571.978	2.798.400
12.087.307.450	18.948.796.801	17.521.226.400	17.521.226.400
7.037.264.000	7.755.765.088	7.755.765.088	12.149.568.000
15.204.012.800	1.710.854	1.710.854	1.767.000
15.765.501.400	1.969.691	1.482.300	1.482.300
848.866.030	168.945.794.521	152.355.155.953	153.725.775.100
54.241.514.680	195.655.608.933	177.636.912.573	183.402.617.200
-	299.996.000.000	77.001.473.300	77.001.473.300
8.269.016.100	58.063.615.500	19.230.270.000	19.230.270.000
-	2.200.000.000	2.200.000.000	2.200.000.000
46.072.700	106.409.703	31.696.799	38.467.800
8.315.088.800	360.366.025.203	98.463.440.099	98.470.211.100

**Công ty Cổ phần Chứng khoán
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7.1. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) (tiếp theo)

	Số cuối năm		
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	
3. Trái phiếu niêm yết			
Trái phiếu chính phủ			
TD1621487	51.929.666.667	51.929.666.667	
TD1623482	104.824.000.000	104.824.000.000	
TD1646503	34.684.300.000	34.684.300.000	
TD1623481	107.826.000.000	107.826.000.000	
BVDB15225	-	-	
Khác	-	-	
	299.263.966.667	299.263.966.667	
4. Trái phiếu chưa niêm yết			
EVNBOND0706	-	-	
EVNBOND0806	-	-	
	-	-	
	408.887.607.543	358.921.518.262	

Giá trị hợp lý VND	Số đầu năm (trình bày lại)		
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
51.929.666.667	-	-	-
104.824.000.000	-	-	-
34.684.300.000	-	-	-
107.826.000.000	-	-	-
-	199.592.000.000	199.592.000.000	199.592.000.000
-	439.904.341.610	439.904.341.610	439.904.341.610
299.263.966.667	639.496.341.610	639.496.341.610	639.496.341.610
-	132.296.003.922	132.296.003.922	132.296.003.922
-	229.030.794.171	229.030.794.171	229.030.794.171
-	361.326.798.093	361.326.798.093	361.326.798.093
361.820.570.147	1.556.844.773.839	1.276.923.492.375	1.282.695.968.003

**Công ty Cổ phần Chứng khoán
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7.2. Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	Số cuối năm		
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	
Ngắn hạn			
1. Trái phiếu			
VIC11501	49.684.320.000	46.737.106.497	
BID1_106	-	-	
	49.684.320.000	46.737.106.497	
2. Tiền gửi có kỳ hạn			
Ngân Hàng Liên Doanh Việt Nga	-	-	
	-	-	
3. Chứng chỉ tiền gửi			
Công ty Tài chính TNHH HD SAISON	32.474.700.000	30.286.916.671	
	32.474.700.000	30.286.916.671	
	82.159.020.000	77.024.023.168	

	Số đầu năm (trình bày lại)		
Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
46.737.106.497	49.684.320.000	49.684.320.000	49.684.320.000
-	6.776.931.000	6.502.501.420	6.502.501.420
46.737.106.497	56.461.251.000	56.186.821.420	56.186.821.420
-	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
-	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
30.286.916.671	-	-	-
30.286.916.671			
77.024.023.168	106.461.251.000	106.186.821.420	106.186.821.420

**Công ty Cổ phần Chứng khoán
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7.2. Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	Số cuối năm		
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	
Dài hạn			
1. Trái phiếu			
TD1520262	324.781.610	311.795.942	
BID1_206	-	-	
TD1318021	-	-	
	324.781.610	311.795.942	
2. Chứng chỉ tiền gửi			
Công ty Tài chính TNHH Home Credit	50.000.000.000	50.000.000.000	
	50.000.000.000	50.000.000.000	
	50.324.781.610	50.311.795.942	
	132.483.801.610	127.335.819.110	

(*) Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) được ghi nhận bằng giá gốc trừ đi các khoản hoàn trả gốc. Các khoản phân bổ lũy kế theo phương pháp lãi suất thực được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản phải thu" (Thuyết minh số 8). Các khoản dự phòng (nếu có) được trình bày tại khoản mục "Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính"

	Số đầu năm (trình bày lại)		
Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
311.795.942	-	-	-
-	3.181.552.395	3.178.000.000	3.178.000.000
-	7.024.169.208	6.567.693.643	6.567.693.643
311.795.942	10.205.721.603	9.745.693.643	9.745.693.643
50.000.000.000	-	-	-
50.000.000.000	-	-	-
50.311.795.942	10.205.721.603	9.745.693.643	9.745.693.643
127.335.819.110	116.666.972.603	115.932.515.063	115.932.515.063

**Công ty Cổ phần Chứng khoán
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

7.3. Các khoản cho vay

	Số cuối năm		
	Giá gốc (*)	Giá trị ghi sổ VND	
1. Cho vay hoạt động ký quỹ	330.208.846.357	(18.717.408.668)	
2. Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	141.469.213.949	-	
3. Cho vay khác	-	-	
	471.678.060.306	(18.717.408.668)	

(*) Giá gốc không bao gồm các khoản dự thu.

7.4 Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính

Dự phòng cụ thể các khoản cho vay			
Dự phòng các khoản phải thu khác			

Giá trị hợp lý VND	Số đầu năm (trình bày lại)		
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
311.491.437.689	474.864.030.436	(8.579.298.429)	466.284.732.007
141.469.213.949	135.773.071.953	-	135.773.071.953
-	22.117.816.120	(4.157.420.220)	17.960.395.900
452.960.651.638	632.754.918.509	(12.736.718.649)	620.018.199.860

		Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
		18.717.408.668	8.579.298.429
		-	4.157.420.220
		18.717.408.668	12.736.718.649

**Công ty Cổ phần Chứng khoán
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7.5 Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính

	Số cuối năm			
	Chênh lệch đánh giá			
Các loại tài sản tài chính	Giá gốc	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	
FVTPL				
Cổ phiếu	51.447.473.192	17.973.796.373	(48.564.640)	
Cổ phiếu chưa niêm yết	58.176.167.684	222.994.697.900	(10.964.737.450)	
Trái phiếu niêm yết	299.263.966.667	-	-	
Trái phiếu chưa niêm yết	-	-	-	
Tổng cộng	408.887.607.543	240.968.494.273	(11.013.302.090)	

(*): Giá trị đánh giá lại là giá trị hợp lý của chứng khoán được thể hiện cho mục đích thuyết minh báo cáo tài chính theo quy định.

7.6 Tình hình lập dự phòng giảm giá các tài sản tài chính

	Cơ sở lập dự phòng năm nay		
Loại TSTC	Số lượng	Giá sổ sách kế toán	Giá thị trường
TSTC HTM		127.335.819.110	
TSTC cho vay		471.678.060.306	
Cộng		599.013.879.416	

	Số đầu năm (trình bày lại)			
		Chênh lệch đánh giá		
Giá trị đánh giá lại (*)	Giá mua/Giá gốc	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Giá trị đánh giá lại
54.241.514.680	195.655.608.933	25.994.040.960	(16.588.455.881)	183.402.617.200
8.315.088.800	360.366.025.203	5.760.759.129	(67.749.154.007)	98.470.211.100
299.263.966.667	639.496.341.610	-	-	639.496.341.610
-	361.326.798.093	-	-	361.326.798.093
361.820.570.147	1.556.844.773.839	31.754.800.089	(84.337.609.888)	1.282.695.968.003

tại thời điểm lập Báo cáo tài chính	Giá trị lập dự phòng cuối năm	Giá trị lập dự phòng năm trước	Mức trích lập hoặc hoàn nhập năm nay
127.335.819.110	-	-	-
452.960.651.638	(18.717.408.668)	(12.736.718.649)	(5.980.690.019)
580.296.470.748	(18.717.408.668)	(12.736.718.649)	(5.980.690.019)

Công ty Cổ phần Chứng khoán
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
1. Các khoản phải thu bán các khoản đầu tư	14.945.333.000	3.107.420.000
2. Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	19.860.372.685	13.294.402.447
2.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi tài sản tài chính	7.770.100.654	5.584.966.158
2.2 Phải thu lãi Margin	12.090.272.031	7.709.436.289
3. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp Trong đó: - Chi tiết các khoản phải thu khó đòi về các dịch vụ CTCK cung cấp	1.688.628.798 719.224.745	7.135.894.981 307.224.745
4. Phải thu khác	299.166.640	269.819.366
5. Dự phòng phải thu khó đòi	(391.157.322)	(177.612.373)
Tổng cộng	36.402.343.801	23.629.924.421

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Chi tiết dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

Loại phải thu khó đòi	Giá trị phải thu khó đòi tại ngày 31.12.2015	Số đầu năm	Số trích lập trong năm	Số hoàn nhập trong năm	Số cuối năm	Giá trị phải thu khó đòi tại ngày 31.12.2016
Dự phòng nợ phải thu khác khó đòi						
Công ty Cổ phần Quốc tế Năm Sao		-	867.000.000	(572.000.000)	295.000.000	590.000.000-
Công ty Cổ phần Việt An	75.000.000	61.500.000	13.500.000	-	75.000.000	75.000.000
Công ty Cổ phần chế tạo giàn khoan Dầu khí	12.224.745	6.112.373	2.444.949	-	8.557.322	12.224.745
Công ty Cổ phần Kiến trúc và Xây dựng ARCH- PLUS	100.000.000-	50.000.000		(50.000.000)	-	
Công ty cổ phần Đầu tư AMD Group		-	12.600.000	-	12.600.000	42.000.000
Công ty Cổ phần Dệt công nghiệp Hà Nội	120.000.000-	60.000.000	-	(60.000.000)	-	
	307.224.745	177.612.373	895.544.949	(682.000.000)	391.157.322	719.224.745

**Công ty Cổ phần Chứng khoán
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tạm ứng	98.500.000	20.000.000
Vật tư văn phòng	11.158.920	14.157.920
Công cụ dụng cụ	8.737.915	8.737.915
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	148.798.764	-
	267.195.599	42.895.835

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:				
Số đầu năm	13.544.870.370	1.004.312.257	576.947.180	15.126.129.807
Tăng trong năm - Mua trong năm	3.286.175.918	-	89.516.928	3.375.692.846
Giảm trong năm	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(1.016.263.459)	-	-	(1.016.263.459)
Số cuối năm	15.814.782.829	1.004.312.257	666.464.108	17.485.559.194
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Số đầu năm	9.129.672.017	958.074.644	312.852.632	10.400.599.293
Tăng trong năm				
- Khấu hao trong năm	1.323.915.418	28.634.472	78.908.229	1.431.458.119
Giảm trong năm				
- Thanh lý, nhượng bán	(1.016.263.459)	-	-	(1.016.263.459)
Số cuối năm	9.437.323.976	986.709.116	391.760.861	10.815.793.953

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Giá trị còn lại:

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
Số đầu năm	4.415.198.353	46.237.613	264.094.548	4.725.530.514
Số cuối năm	6.377.458.853	17.603.141	274.703.247	6.669.765.241

Các thông tin khác về tài sản cố định hữu hình

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	8.900.792.008	8.262.013.467
Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý		545.295.000
Tổng cộng	8.900.792.008	8.807.308.467

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
		Tài sản vô hình khác VND
Nguyên giá		
Số đầu năm		1.937.980.000
Tăng trong năm		845.000.000
Giảm trong năm		-
Số cuối năm		2.782.980.000
Giá trị hao mòn lũy kế:		
Số đầu năm		1.005.880.334

**Công ty Cổ phần Chứng khoán
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tăng trong năm		-
- Hao mòn trong năm		148.905.475
Số cuối năm		1.154.785.809
Giá trị còn lại:		
Số đầu năm		932.099.666
Số cuối năm		1.628.194.191

Các thông tin khác về tài sản cố định vô hình

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	921.400.000	921.400.000

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ		677.138.455
Khác	217.119.939	303.607.160
Tổng cộng	217.119.939	980.745.615

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (“VSD”).

Theo Quyết định số 57/QĐ-VSD ngày 28 tháng 5 năm 2012 của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Quyết định số 87/2007/QĐ-BTC ngày 22 tháng 10 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán và Thông tư số 43/2010/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2010 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán, Quyết định số 27/QĐ-VSD ngày 13 tháng 03 năm 2015 và Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 05 năm 2014 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ thanh toán của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm.

Biến động tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	13.223.227.395	11.745.727.262
Tiền lãi phân bổ	7.711.823.125	6.542.540.002
	21.055.050.520	18.408.267.264

**Công ty Cổ phần Chứng khoán
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Lãi suất vay %	Số dư đầu năm VND	
Vay ngân hàng		623.600.000.000	
Thời hạn vay dưới 1 tháng	6	380.000.000.000	
Thời hạn vay từ 1 đến 3 tháng	6,4	201.900.000.000	
Thời hạn vay từ 3 đến 6 tháng	6,2	41.700.000.000	

15. GIAO DỊCH MUA BÁN LẠI TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ

	Lãi suất vay %	Số dư đầu năm VND	
Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ		545.072.520.000	
Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ		545.072.520.000	

Số vay trong năm VND	Số đã trả trong năm VND	Số dư cuối năm VND
11.614.543.500.000	(11.988.643.500.000)	249.500.000.000
11.614.543.500.000	(11.745.043.500.000)	249.500.000.000
-	(201.900.000.000)	-
-	(41.700.000.000)	-

Số vay trong năm VND	Số đã trả trong năm VND	Số dư cuối năm VND
3.988.896.500.000	(4.482.348.520.000)	51.620.500.000
3.988.896.500.000	(4.482.348.520.000)	51.620.500.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả mua các tài sản tài chính		
Phải trả Sở Giao dịch tiền mua chứng khoán của công ty	109.955.447.600	54.924.623.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		
Phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán	2.506.879.183	2.010.629.031
Phải trả Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	694.154.558	590.554.260
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	2.426.647.927	2.251.455.431
	115.583.129.268	59.777.261.722

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH SX & XNK Minh Đức	732.718.400	-
Công ty TNHH Táp dề đồ	397.647.740	-
Công ty TNHH MTV TM & XD Đại Minh	428.901.500	-
Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam	681.818.182	-
Công ty Volta Associates Pte Ltd	-	394.450.000
Công ty Cổ phần Kết nối nhân tài	-	451.189.811
Công ty TNHH Kỹ thuật Sáng tạo	-	100.000.000
Công ty TNHH đầu tư TM & DV Gaia	-	337.026.800
Ông Phùng Văn Long	-	428.560.000
Phải trả khác	1.832.807.850	549.219.799
	4.073.893.672	2.260.446.410

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

STT	Chỉ tiêu	Số dư đầu năm VND	Số phát sinh tăng VND	Số phát sinh giảm VND	Số dư cuối năm VND
I	Thuế phải thu				
1	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	-	345.020.273	(196.221.509)	148.798.764
II	Thuế phải trả				
1	Thuế giá trị gia tăng	774.595.960	2.468.630.534	(3.243.226.494)	-
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	10.957.973.281	-	10.957.973.281
3	Thuế thu nhập cá nhân	307.296.208	4.302.906.193	(4.209.294.491)	400.907.910
4	Các loại thuế khác	1.904.981.257	28.778.846.724	(28.103.347.914)	2.580.480.067
	Thuế thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán nộp hộ nhà đầu tư	1.721.816.588	26.036.419.664	(25.394.661.020)	2.363.575.232
	Thuế môn bài	-	4.000.000	(4.000.000)	-
	Thuế nhà thầu	183.164.669	2.738.427.060	(2.704.686.894)	216.904.835
		2.986.873.425	46.508.356.732	(35.555.868.899)	13.939.361.258

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lãi dự trả cho các hợp đồng vay	57.138.889	178.240.000
Lãi dự trả cho các hợp đồng chiết khấu, mua bán lại giấy tờ có giá	168.069.768	1.924.019.174
Phải trả khác	64.271.477	130.986.620
	289.480.134	2.233.245.794

20. PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả khác cán bộ Công ty	-	39.572.604
Tổng Công Ty Sông Đà	-	62.500.000
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	-	65.000.000
Phải trả phải nộp khác	153.974.120	211.376.180
	153.974.120	378.448.784

Công ty Cổ phần Chứng khoán
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ dự
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	865.000.000.000	241.713.457	
Thù lao và phụ cấp cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	
Chi phí thực hiện quyền cổ tức bằng cổ phiếu mã BSI	-	-	
Tạm ứng cổ tức bằng cổ phiếu	37.191.150.000	-	
Trích Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	-	
Trích Quỹ dự phòng tài chính	-	-	
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	902.191.150.000	241.713.457	

Chi tiết vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

	Số lượng cổ phần Đơn vị	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	79.503.019	
Các cổ đông khác	10.716.096	
	90.219.115	

Đơn vị tính: VND

trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
207.782.726	207.782.726	3.478.089.065	869.135.367.974
-	-	(232.000.000)	(232.000.000)
-	-	(10.000.000)	(10.000.000)
-	-	(37.191.150.000)	-
5.752.089.524	-	(5.752.089.524)	-
-	5.752.089.524	(5.752.089.524)	-
-	-	115.041.790.489	115.041.790.489
5.959.872.250	5.959.872.250	69.582.550.506	983.935.158.463

Giá trị VND	Tỷ lệ sở hữu %
795.030.190.000	88,12
107.160.960.000	11,88
902.191.150.000	100,00

**Công ty Cổ phần Chứng khoán
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Chi tiết số lượng cổ phần của Công ty như sau:

	Số cuối năm Đơn vị	Số đầu năm Đơn vị
Số lượng cổ phần được phép phát hành	90.219.115	86.500.000
Cổ phiếu thường	90.219.115	86.500.000
Số lượng cổ phần đã phát hành và thanh toán đầy đủ	90.219.115	86.500.000
Cổ phiếu thường	90.219.115	86.500.000
Số lượng cổ phần đang lưu hành	90.219.115	86.500.000
Cổ phiếu thường	90.219.115	86.500.000

21.2 Lợi nhuận chưa phân phối

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	69.582.550.506	3.478.089.065

22. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

22.1. Tài sản cố định thuê ngoài của Công ty

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản cố định hữu hình	994.635.000	994.635.000

22.2. Nợ khó đòi đã xử lý

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khác	-	403.248.614

22.3 Ngoại tệ các loại của Công ty

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Đô la Mỹ (USD)	253.967	442
- Euro (EUR)	97	-

22.4. Cổ phiếu đang lưu hành của Công ty

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Loại < = 1 năm	902.191.150.000	865.000.000.000
- Cổ phiếu đang lưu hành	902.139.800.000	865.000.000.000
- Cổ phiếu quỹ	51.350.000	-

22.5. Chứng khoán niêm yết/đăng ký giao dịch tại TTLKCK của Công ty

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi tiết theo		
Loại < = 1 năm;	37.347.390.000	74.958.090.000
Loại > hơn 1 năm	231.833.400.000	890.727.260.000
Tổng cộng	269.180.790.000	965.685.350.000

**Công ty Cổ phần Chứng khoán
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Chi tiết tài sản tài chính đã niêm yết, lưu ký tại VSD của Công ty như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	154.148.290.000	642.340.240.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	100.000.000.000	271.500.000.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	15.032.500.000	51.845.110.000
Tổng cộng	269.180.790.000	965.685.350.000

22.6. Chứng khoán đã lưu ký tại TTLCK và chưa giao dịch của Công ty

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Loại < = 1 năm;	61.710.000	52.180.000

23. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

22.7. Tài sản tài chính chờ về của Công ty

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ	100.492.000.000	180.000

22.8. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại TTLCK của Công ty

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ phiếu	19.230.270.000	226.430.240.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22.9. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại TTLKCK của Nhà đầu tư

	Số lượng cuối năm	Số lượng đầu năm
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	1.112.715.806	918.066.864
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	21.291.401	10.670.995
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	305.242.308	291.886.512
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	86.336.193	14.284.386
Tài sản tài chính chờ thanh toán	12.826.475	23.374.833
Tổng cộng	1.538.412.183	1.258.283.590

22.10. Tài sản tài chính đã lưu ký tại TTLKCK (VSD) và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

	Số lượng cuối năm	Số lượng đầu năm
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	24.134.915	38.644.680
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	84.101	4.497.557
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ	45.240	8.988.063
Tổng cộng	24.264.256	52.130.300

22.11. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư

	Số lượng cuối năm	Số lượng đầu năm
Cổ phiếu	12.267.335	17.768.213

**Công ty Cổ phần Chứng khoán
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22.12. Tiền gửi của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	205.845.001.518	156.828.160.063
- Tiền gửi của nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	205.559.889.370	156.530.522.852
- Tiền gửi của nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	285.112.148	297.637.211
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	51.663.201.830	92.362.945.946
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	63.924.953	210.200.000
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư trong nước	62.922.146	1.000.000
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài	1.002.807	209.200.000
Tổng cộng	257.572.128.301	249.401.306.009

22.13. Tiền gửi của tổ chức phát hành

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi bán chứng khoán bảo lãnh, đại lý phát hành	6.951.124.812	1.048.464.612
Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của tổ chức phát hành	7.742.177.132	22.051.140.722
Tổng cộng	14.693.301.944	23.099.605.334

**Công ty Cổ phần Chứng khoán
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22.14. Phải trả nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả nhà đầu tư – Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	205.845.001.518	156.828.160.063
<i>Của nhà đầu tư trong nước</i>	<i>205.559.889.370</i>	<i>156.530.522.852</i>
<i>Của nhà đầu tư nước ngoài</i>	<i>285.112.148</i>	<i>297.637.211</i>
Tổng cộng	205.845.001.518	156.828.160.063

22.15. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam	1.824.260.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	4.785.300.000	-
Tổng Công ty Cảng quốc tế GMD Dung Quất	-	550.000.000
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Hạ tầng Đô thị	-	311.100.000
Các tổ chức khác	341.564.812	187.364.612
	6.951.124.812	1.048.464.612

22.16. Phải trả vay công ty chứng khoán

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả nghiệp vụ margin		
Phải trả gốc margin của Nhà đầu tư trong nước	330.208.846.357	474.864.030.436
Phải trả lãi margin của Nhà đầu tư trong nước	12.090.272.031	7.709.436.289
Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	141.469.213.949	135.773.071.953
Tổng cộng	483.768.332.337	618.346.538.678

**Công ty Cổ phần Chứng khoán
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22.17. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ tức	5.064.893.412	19.057.613.827
Gốc và lãi trái phiếu	570.728.080	605.728.080
Khác	2.106.555.640	2.387.798.815
	7.742.177.132	22.051.140.722

23. LÃI, LỖ TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

23.1. Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán VND	Tổng giá trị bán VND	Giá gia quy ng
1	Cổ phiếu niêm yết	15.547.097		386.376.857.000	
	VIC	284.900	47.705	13.591.250.000	
	DPM	1.020.000	26.438	26.967.268.500	
	CTG	1.640.000	16.204	26.575.314.500	
	FPT	805.000	46.530	37.456.545.000	
	PVS	900.000	16.228	14.605.220.000	
	Cổ phiếu khác	10.897.197		267.181.259.000	
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	9.249.987		111.087.578.934	
	ACV	1.100.000	18.367	20.203.400.000	
	THC	7.499.900	10.667	80.000.000.000	
	Cổ phiếu khác	650.087		10.884.178.934	



vốn bình quân tính đến cuối năm giao dịch VND	Lãi bán chứng khoán năm nay VND	Lỗ bán chứng khoán năm nay VND	Lãi, lỗ bán chứng khoán lũy kế năm nay VND	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm trước VND
	12.888.149.057	(30.991.785.479)	(18.103.636.422)	(16.916.968.969)
43.588	1.172.918.776	-	1.172.918.776	12.560.913
31.195	-	(4.851.977.102)	(4.851.977.102)	-
19.686	-	(5.710.326.698)	(5.710.326.698)	(490.154.467)
41.764	3.836.777.550	-	3.836.777.550	1.037.746.157
24.487	-	(7.433.458.000)	(7.433.458.000)	(1.562.604.396)
	7.878.452.731	(12.996.023.679)	(5.117.570.948)	(15.914.517.176)
	1.723.572.983	(221.630.220.000)	(219.906.647.017)	81.618.933
17.000	1.503.400.000	-	1.503.400.000	-
40.000	-	(219.996.000.000)	(219.996.000.000)	-
	220.172.983	(1.634.220.000)	(1.414.047.017)	81.618.933

**Công ty Cổ phần Chứng khoán
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23.1. Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL (Tiếp)

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán VND	Tổng giá trị bán VND	Giá quyền
3	Trái phiếu niêm yết	91.372.766		9.699.910.808.202	
	BVDB15225	2.000.000	104.076	208.152.000.000	
	TD1623482	2.500.000	104.495	261.236.500.000	
	TD1631462	5.000.000	104.411	522.057.000.000	
	<i>Trái phiếu khác</i>	<i>81.872.766</i>		<i>8.708.465.308.202</i>	
4	Trái phiếu chưa niêm yết	79.145		559.669.395.220	
	EVNBOND0706	130	1.056.811.736	137.385.525.680	
	EVNBOND0806	225	1.041.555.118	234.349.901.550	
	<i>Trái phiếu khác</i>	<i>78.790</i>		<i>187.933.967.990</i>	
	Tổng cộng	116.248.995		10.757.044.639.356	

vốn bình quân gia tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi bán chứng khoán năm nay VND	Lỗ bán chứng khoán năm nay VND	Lãi, lỗ bán chứng khoán lũy kế năm nay VND	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm trước VND
	76.740.564.262	(258.833.334)	76.481.730.928	46.536.829.214
99.796	8.560.000.000	-	8.560.000.000	-
100.782	9.282.000.000	-	9.282.000.000	-
100.431	19.902.000.000	-	19.902.000.000	-
	38.996.564.262	(258.833.334)	38.737.730.928	46.536.829.214
	8.605.972.763	-	8.605.972.763	7.663.960.981
1.031.601.295	3.277.357.375	-	3.277.357.375	-
1.021.103.682	4.601.573.134	-	4.601.573.134	-
	727.042.254	-	727.042.254	7.663.960.981
	99.958.259.065	(252.880.838.813)	(152.922.579.748)	37.365.440.159

**Công ty Cổ phần Chứng khoán
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23.2. Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ kế toán VND	Giá thị trường hoặc Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2016 VND	
I	Loại FVTPL				
1	Cổ phiếu niêm yết	51.447.479.492	54.241.518.680	(91.557.196)	
	PGS	4.775.471	3.354.900	(1.420.571)	
	CTG	3.011.178	2.528.400	(482.778)	
	DPM	234.223	178.800	(55.423)	
	PVS	5.835.922	4.034.400	(1.801.522)	
	Khác	51.433.616.398	54.231.418.180	(87.796.902)	
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	58.176.167.684	8.315.088.800	(49.874.532.085)	
	THC	-	-	-	
	PHVU	58.063.615.500	8.269.016.100	(49.794.599.400)	
	Cổ phiếu khác	112.552.184	46.072.700	(79.932.685)	
	Cộng	109.623.640.876	62.556.603.480	(49.966.089.281)	

(*) Giá trị đánh giá lại là giá trị hợp lý của chứng khoán được thể hiện cho mục đích thuyết minh báo cáo tài chính theo quy định.

Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2016 (*) VND	Chênh lệch điều chỉnh sổ kế toán trong năm VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND
(18.016.787.929)	17.925.230.733	17.973.796.373	48.565.640
(2.756.237.530)	2.754.816.959	2.754.816.959	-
(2.348.922.466)	2.348.439.688	2.348.439.688	-
(1.978.401.025)	1.978.345.602	1.978.345.602	-
(7.010.405.722)	7.008.604.200	7.008.604.200	-
(3.922.821.186)	3.835.024.284	3.883.589.924	48.565.640
(261.904.493.535)	212.029.961.450	222.994.697.900	10.964.736.450
(222.994.526.700)	222.994.526.700	222.994.526.700	-
(38.833.345.500)	(10.961.253.900)	-	10.961.253.900
(76.621.335)	(3.311.350)	171.200	3.482.550
(279.921.281.464)	229.955.192.183	240.968.494.273	11.013.302.090

**Công ty Cổ phần Chứng khoán
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23.3. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL, HTM, AFS, các khoản cho vay và phải thu

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Từ tài sản tài chính FVTPL	5.375.542.264	6.893.066.790
Từ tài sản tài chính HTM	23.650.077.766	91.425.892.249
Từ các khoản cho vay và phải thu	101.157.435.612	83.629.292.523
	130.183.055.642	181.948.251.562

23.4. Doanh thu ngoài thu nhập từ các tài sản tài chính

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	136.586.035.477	108.287.229.322
Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	11.759.163.437	32.588.469.484
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	19.729.840.216	60.243.829.904
Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư	60.000.000	36.000.000
Doanh thu lưu ký chứng khoán	8.547.529.877	9.378.254.036
	176.682.569.007	210.533.782.746

24. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH FVTPL

	Năm nay VND	Năm trước VND
Cổ phiếu	234.206.615	229.470.199
Trái phiếu	1.884.566.457	3.059.949.874
	2.118.773.072	3.289.420.073

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí môi giới chứng khoán	94.990.078.869	76.561.742.467
Chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	560.000.000	7.024.446.536
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	7.757.388.428	6.277.481.785
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	16.759.260.705	17.838.433.611
Chi phí dự phòng và xử lý tổn thất phải thu khó đòi về cung cấp dịch vụ chứng khoán	5.980.690.019	4.323.190.783
	126.047.418.021	112.025.295.182

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	142.058.909	-
Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã thực hiện	26.197.941	-
Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	115.860.968	-
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định phát sinh trong kỳ	4.007.259.693	3.878.213.933
Doanh thu khác về đầu tư	78.488.428	-
	4.227.807.030	3.878.213.933

**Công ty Cổ phần Chứng khoán
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện	101.623.243	-
Chi phí lãi vay	55.708.868.042	101.202.941.767
Chi phí tài chính khác	67.065.686	7.500.000
	55.877.556.971	101.210.441.767

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Chi phí nhân viên quản lý	41.531.417.289	32.286.266.769
Lương và các khoản phúc lợi	39.445.591.318	30.648.945.730
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp	2.085.825.971	1.637.321.039
Chi phí văn phòng phẩm	195.227.486	637.465.323
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.786.866.281	1.080.278.353
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.404.914.677	693.660.229
Chi phí thuế, phí và lệ phí	3.140.349.165	2.001.926.893
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.249.530.625	22.093.444.770
Chi phí khác	1.403.756.415	1.540.962.746
	75.712.061.938	60.334.005.083

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
<i>Doanh thu khác</i>		
Thu từ bán thanh lý tài sản cố định	25.336.363	5.471.818
Doanh thu khác	2.727.273	-
	28.063.636	5.471.818
<i>Chi phí khác</i>		
Lãi phạt chậm nộp thuế	947.498	52.938.689
Chi phí khác	-	5.144.597
	947.498	58.083.286
	27.116.138	(52.611.468)

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

30.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

Công ty Cổ phần Chứng khoán
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
1. Lãi trước thuế TNDN	125.999.763.770	101.490.562.974
Các khoản mục điều chỉnh: Trừ: Thu nhập từ cổ tức	(5.375.542.264)	(6.893.066.790)
Hoàn nhập chi phí không được trừ năm trước	-	(16.118.636.217)
Chuyển lỗ của những năm trước (*)	(80.353.171.960)	(84.595.338.506)
Cộng Chi phí không được khấu trừ khi xác định lợi nhuận tính thuế	14.518.816.859	6.116.478.539
2. Thu nhập chịu thuế	54.789.866.405	-
3. Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	10.957.973.281	-
4. Thuế TNDN phải nộp phải thu đầu năm	-	-
5. Thuế TNDN đã nộp trong năm	-	-
6. Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp cuối năm	10.957.973.281	-

30.2 Lỗ chuyển sang từ năm trước

Theo quy định hiện hành, Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang các năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, chi tiết việc chuyển lỗ từ các năm trước của Công ty như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

	Lỗ tính thuế VND	Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2016 VND	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2016 VND
Năm 2010	7.773.084.547	-	180.635.801.770
Năm 2011	227.839.628.701	-	408.475.430.471
Năm 2012	-	6.609.891.324	401.865.539.147
Năm 2013	-	29.289.135.675	235.612.713.248
Năm 2014	-	70.664.202.782	164.948.510.466
Năm 2015	-	84.595.338.506	80.353.171.960
Năm 2016		80.353.171.960	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, nghĩa vụ thuế cũng như lỗ tính thuế ước tính của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán.

31. CÁC TÀI SẢN ĐÃ CẦM CỐ, THẾ CHẤP

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	100.000.000.000	-
- Trái phiếu	150.000.000.000	271.500.000.000
- VIC11501	-	46.500.000.000
- TD1623482	100.000.000.000	-
- EVNBOND0806	-	225.000.000.000
- TD1621487	50.000.000.000	-
	250.000.000.000	271.500.000.000

**Công ty Cổ phần Chứng khoán
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ VỀ DỊCH VỤ CHO CÔNG TY

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả phí môi giới chứng khoán	439.647.266	587.865.409

33. THUYẾT MINH VỀ BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Trong năm, Công ty không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do công ty chứng khoán nắm giữ nhưng không được sử dụng.

34. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

34.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường, Công ty có phát sinh các giao dịch với các bên liên quan. Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với Công ty nếu:

- (a) Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:
 - + kiểm soát hoặc bị kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát chung bởi Công ty (bao gồm các công ty mẹ, công ty con);
 - + có vốn góp (sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên) vào Công ty và do đó có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty;
 - + có quyền đồng kiểm soát Công ty;
- (b) Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà Công ty là một bên liên doanh, liên kết (sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con);
- (c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Hội đồng Quản trị hoặc Ban Điều hành của Công ty;
- (d) Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c); hoặc
- (e) Bên liên quan là một đơn vị trực tiếp hoặc gián tiếp chịu sự kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể, hoặc có quyền biểu quyết bởi bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	Ngân hàng mẹ
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm BIDV (BIC)	Công ty con của BIDV
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia (BIDC)	Công ty con của BIDV
Công ty Liên doanh Tháp BIDV (BIDV Tower)	Công ty liên doanh của BIDV

34.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

			Thu nhập/(Chi phí)	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
BIDV	Ngân hàng mẹ	Thu lãi tiền gửi	8.401.159.150	4.682.464.557
		Thu lãi trái phiếu	378.317.070	941.710.083
		Thu phí dịch vụ	8.557.073.736	34.155.210.540
		Chi phí dịch vụ	(14.020.511.922)	(73.368.765.341)
		Phụ trội trái phiếu	(20.501.420)	(53.450.120)
BIDC	Công ty con của BIDV	Thu lãi tiền gửi	945.236.110	-
BIC	Công ty con của BIDV	Thu phí môi giới chứng khoán	174.191.498	220.878.905
BIDV Tower	Công ty Liên danh với BIDV	Chi phí thuê văn phòng	(11.215.784.651)	(12.033.008.593)

Số dư của Công ty với các bên liên quan bao gồm:

**Công ty Cổ phần Chứng khoán
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

Số dư của Công ty với các bên liên quan bao gồm:

			Phải thu/(phải trả)	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Các giao dịch	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
BIDV	Ngân hàng mẹ	Tiền gửi (bao gồm tiền gửi của nhà đầu tư)	517.739.888.055	115.228.763.221
		Đầu tư vào trái phiếu	-	9.680.501.420
		Đầu tư vào cổ phiếu (lô lẻ)	60.163.110	35.274.690
		Dự thu lãi trái phiếu	-	615.105.430
		Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	384.805.556	-
		Phải trả chi phí dịch vụ	(247.213.965)	(262.336.815)
BIDC	Công ty con của BIDV	Tiền gửi	15.004.881.014	-
		Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	11.458.333	-
BIDV Tower	Công ty Liên doanh với BIDV	Đặt cọc thuê văn phòng	2.891.650.104	2.891.650.104
		Phải trả tiền điện nước	(50.000.000)	(55.761.103)
BIC	Công ty con của BIDV	Mua cổ phiếu (lô lẻ)	571.170	154.920

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát (*)	6.331.604.562	5.341.331.325

(*) Trong đó, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được chuyển về BIDV do các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát làm đại diện phần vốn của BIDV tại Công ty.



Investment climate research

The investment climate is a key factor in the decision-making process of investors. It refers to the set of conditions that affect the profitability of an investment. These conditions include the legal framework, the quality of infrastructure, the availability of skilled labor, and the stability of the political and economic environment. A favorable investment climate can attract foreign direct investment (FDI) and promote economic growth. Conversely, a poor investment climate can deter investors and hinder development. Therefore, governments and international organizations often conduct investment climate research to identify areas for improvement and implement reforms to create a more attractive environment for investors.

Investment climate research



Investment climate research is a critical tool for understanding the factors that influence the profitability of an investment. By analyzing the investment climate index, investors can make more informed decisions about where to invest. Governments can also use this research to identify areas for improvement and implement reforms to create a more attractive environment for investors.

34.2 Thông tin báo cáo bộ phận

	Môi giới và dịch vụ khách hàng	Tự doanh	
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016			
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán	246.291.000.966	356.876.978.926	
2. Các chi phí trực tiếp	108.728.157.316	268.410.500.455	
3. Khấu hao và các chi phí phân bổ (*)	28.599.113.875	41.440.269.111	
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước thuế	108.963.729.775	47.026.209.360	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016			
1. Tài sản bộ phận	465.770.827.722	424.631.086.603	
Tiền và tương đương tiền	-	-	
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ	-	358.921.518.262	
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (ngắn hạn)		46.737.106.497	
Các khoản cho vay	471.678.060.306	-	
Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	(18.717.408.668)	-	
Các khoản phải thu	12.090.272.031	18.660.665.902	
Phải thu các dịch vụ công ty cung cấp	719.904.053	-	
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	-	-	
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (dài hạn)	-	311.795.942	
2. Tài sản phân bổ (*)	53.121.794.267	76.973.764.282	
Tiền và tương đương tiền	40.224.385.529	58.285.349.974	
Thuế GTGT được khấu trừ	56.206.537	81.443.573	
Phải thu khác	113.005.783	163.745.984	
Tài sản ngắn hạn khác	44.722.657	64.803.369	
Tài sản cố định	3.134.431.696	4.541.808.308	
Tài sản dài hạn khác	9.549.042.065	13.836.613.074	
Tổng tài sản	518.892.621.989	501.604.850.885	

Đơn vị tính: VND

Tư vấn tài chính	Các bộ phận khác	Tổng cộng
31.549.003.653	17.303.201.472	652.020.185.017
17.319.260.705	55.877.556.971	450.335.475.447
3.663.445.049	2.009.233.903	75.712.061.938
10.566.297.899	(40.583.589.402)	125.972.647.632
577.567.423	414.341.684.423	1.305.321.166.171
-	330.000.000.000	330.000.000.000
-	-	358.921.518.262
	30.286.916.671	77.024.023.168
-	-	471.678.060.306
-	-	(18.717.408.668)
	4.054.767.752	34.805.705.685
968.724.745	-	1.688.628.798
(391.157.322)	-	(391.157.322)
-	50.000.000.000	50.311.795.942
6.804.713.428	3.732.077.521	140.632.349.498
5.152.601.114	2.825.968.647	106.488.305.264
7.199.858	3.948.796	148.798.764
14.475.640	7.939.233	299.166.640
5.728.814	3.141.995	118.396.835
401.509.583	220.209.845	8.297.959.432
1.223.198.419	670.869.005	25.279.722.563
7.382.280.851	418.073.761.944	1.445.953.515.669

**Công ty Cổ phần Chứng khoán
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

34.2 Thông tin báo cáo bộ phận (tiếp theo)

	Môi giới và dịch vụ khách hàng	Tự doanh	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016			
1. Nợ phải trả bộ phận	8.208.161.735	109.955.447.600	
Người mua trả tiền trước	-	-	
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	5.627.681.668	109.955.447.600	
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	2.580.480.067	-	
Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	-	-	
Chi phí phải trả	-	-	
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	
2. Nợ phải trả phân bổ (*)	15.376.505.431	22.280.638.688	
Phải trả người bán	1.538.853.203	2.229.806.530	
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.290.649.711	6.217.174.401	
Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	58.161.451	84.276.254	
Phải trả người lao động	9.487.422.917	13.747.326.598	
Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	1.418.149	2.054.905	
Tổng nợ phải trả	23.584.667.166	132.236.086.288	

(*) Chi phí, tài sản và nợ phải trả được phân bổ cho từng bộ phận theo tỷ lệ đóng góp của bộ phận đó trong tổng doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán.

Đơn vị tính: VND

Tư vấn tài chính	Các bộ phận khác	Tổng cộng
1.737.669.723	301.409.980.134	421.311.259.192
1.737.669.723	-	1.737.669.723
-	-	115.583.129.268
-	-	2.580.480.067
-	51.620.500.000	51.620.500.000
-	289.480.134	289.480.134
-	249.500.000.000	249.500.000.000
1.969.675.807	1.080.278.088	40.707.098.014
197.121.637	108.112.302	4.073.893.672
549.617.009	301.440.070	11.358.881.191
7.450.276	4.086.139	153.974.120
1.215.305.225	666.539.945	25.116.594.685
181.660	99.632	3.754.346
3.707.345.530	302.490.258.222	462.018.357.206

**Công ty Cổ phần Chứng khoán
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

34.3 Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đến 1 năm	-	12.387.480.000
Trên 1 - 5 năm	51.448.897.500	39.271.050.000
	51.448.897.500	51.658.530.000

Các khoản tiền thuê này được xác định trên cơ sở giá thuê trên hợp đồng hiệu lực vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

34.4 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
Lãi sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông - VND	115.041.790.489	115.041.790.489
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu - đơn vị	90.219.115	90.219.115
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu - VND	1.275	1.275

Lãi trên cổ phiếu của năm trước đã được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu trong tháng 9 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên Báo cáo tài chính và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty đánh giá rủi ro ngoại tệ của Công ty ở mức rất thấp do trong năm 2015 và năm 2016, Công ty hầu như không tham gia vào các giao dịch ngoại tệ.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu trên sàn UPCOM của Công ty là 54.284.846.780 VND. Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ giảm đi khoảng 2.464.780.410 VND, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, lãi của Công ty sẽ tăng lên khoảng 16.513.178 VND.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.



Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được và thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại Ngân hàng mẹ, vì vậy công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình cho vay ký quỹ và ứng trước cho khách hàng. Công ty thực hiện đánh giá và thẩm định khách hàng để xác định hạn mức tín dụng cũng như các tỷ lệ ký quỹ trước khi ký kết các hợp đồng margin và ứng trước cho khách hàng, cũng như định kỳ kiểm tra lại tình hình tài chính của khách hàng vay để có các điều chỉnh phù hợp về tỷ lệ ký quỹ và hạn mức tín dụng.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng hầu hết tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt, ngoại trừ khoản phải thu bị suy giảm như được trình bày dưới đây:

**Công ty Cổ phần Chứng khoán
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

34.5. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

		Quá hạn nhưng		
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Không quá hạn và không bị suy giảm	Dưới 3 tháng	3 – 6 tháng	
Các khoản đầu tư nắm giữ để kinh doanh	299.263.966.667	-	-	
Trái phiếu	299.263.966.667	-	-	
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	133.472.491.719	-	-	
Trái phiếu	50.009.001.741	-	-	
Tiền gửi	83.463.489.978	-	-	
Các khoản cho vay	465.050.923.669	-	-	
Tài sản tài chính khác	41.276.506.317	-	-	
Phải thu bán các tài sản tài chính	14.945.333.000	-	-	
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán (*)	969.404.053	-	-	
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	4.007.552.104	-	-	
Phải thu khác (*)	21.354.217.160	-	-	
TỔNG CỘNG	939.063.888.372	-	-	

(*): không bao gồm dự phòng rủi ro, đã khấu trừ giá trị tài sản đảm bảo

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Đơn vị tính: VND

không bị suy giảm			
6 – 12 tháng	Trên 1 năm	Bị suy giảm giá trị	Tổng cộng
-	-	-	299.263.966.667
-	-	-	299.263.966.667
-	-	-	133.472.491.719
-	-	-	50.009.001.741
-	-	-	83.463.489.978
-	-	17.136.671.168	482.187.594.837
-	-	719.224.745	41.995.731.062
-	-	-	14.945.333.000
-	-	719.224.745	1.688.628.798
-	-	-	4.007.552.104
-	-	-	21.354.217.160
-	-	17.855.895.913	956.919.784.285

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu tại ngày 31 tháng 12 năm 2016:

	Quá hạn	Không kỳ hạn	Đến 0
31 tháng 12 năm 2016			
TÀI SẢN TÀI CHÍNH			
Các khoản đầu tư nắm giữ để kinh doanh	-	59.657.551.595	
Cổ phiếu niêm yết (*)	-	51.355.922.918	
Cổ phiếu trên sàn Upcom (*)	-	30.498.289	
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	8.271.135.010	
Trái phiếu	-	-	
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	
Trái phiếu	-	-	
Tiền gửi	-	-	
Các khoản cho vay	17.136.671.138	-	
Tài sản tài chính khác	719.224.745	-	
Phải thu bán các tài sản tài chính	-	-	
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán (*)	719.224.745	-	
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	-	-	
Phải thu khác (*)	-	-	
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	106.488.305.264	
TỔNG CỘNG	17.855.895.913	166.145.856.859	
NỢ TÀI CHÍNH			
Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ			
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	
Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán	-	-	
Phải trả, phải nộp khác	-	-	
TỔNG CỘNG	-	-	
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	17.855.895.913	166.145.856.859	

(*): không bao gồm dự phòng rủi ro

Đơn vị tính: VND

1 năm	Từ 01 – 05 năm	Trên 05 năm	Tổng cộng
299.263.966.667	-	-	358.921.518.262
-	-	-	51.355.918.296
-	-	-	30.498.289
-	-	-	8.271.135.010
299.263.966.667	-	-	299.263.966.667
80.686.411.986	52.786.079.733	-	133.472.491.719
49.679.390.832	329.610.909	-	50.009.001.741
31.007.021.154	52.456.468.824	-	83.463.489.978
465.050.923.669	-	-	482.187.594.837
37.726.416.213	3.550.090.104	-	41.995.731.062
14.945.333.000	-	-	14.945.333.000
969.404.053	-	-	1.688.628.798
457.462.000	3.550.090.104	-	4.007.552.104
21.354.217.160	-	-	21.354.217.160
330.000.000.000	-	-	436.488.305.264
1.212.727.718.535	56.336.169.837	-	1.453.065.641.144
301.409.980.134	-	-	301.409.980.134
115.583.129.268	-	-	115.583.129.268
31.085.886.546	-	-	31.085.886.546
448.078.995.948	-	-	448.078.995.948
764.648.722.587	56.336.169.837	-	1.004.986.645.196

**Công ty Cổ phần Chứng khoán
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

34.5. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Tài sản đảm bảo

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đang tham gia các hợp đồng bán và cam kết mua lại chứng khoán có kỳ hạn dưới 3 tháng. Tài sản của Công ty được dùng để giao dịch trong các hợp đồng này là các trái phiếu Chính phủ với tổng giá trị theo sổ kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 51.929.666.667 VND, giá trị bán 51.620.500.000 VND và giá trị mua lại là 51.839.500.000 VND.

Công ty cũng sử dụng các trái phiếu để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty tại các ngân hàng thương mại. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, mệnh giá các khoản trái phiếu được đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng là 100.000.000.000 VND (Năm 2015: 271.500.000.000 VND).

Công ty có giữ các khoản chứng khoán như tài sản cầm cố của khách hàng cho các khoản cho vay ký quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

34.6 Phân loại lại số liệu tương ứng

Trong năm tài chính 2016, do ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán và yêu cầu trình bày báo cáo tài chính của doanh nghiệp theo Thông tư 334, một số khoản mục tương ứng trên Báo cáo tình hình tài chính năm trước đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính của năm nay

a. Báo cáo tình hình tài chính

TÀI SẢN	Diễn giải	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (số liệu đã trình bày)	Điều chỉnh theo Thông tư 334	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (phân loại lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.353.475.635.431	(273.251.833.343)	2.080.223.802.088
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		325.923.379.520	(272.500.911.343)	53.422.468.177
1. Tiền	[1]	315.923.379.520	(272.500.911.343)	43.422.468.177
1. Chứng khoán kinh doanh (**)	[2]	1.663.031.595.259	(1.663.031.595.259)	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (**)	[2]	(279.921.281.464)	279.921.281.464	-

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Diễn giải	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (số liệu đã trình bày)	Điều chỉnh theo Thông tư 334	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (phân loại lại)
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL) (*)	[2]	-	1.276.923.492.375	1.276.923.492.375
3. Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM) (*)	[2]	-	106.186.821.420	106.186.821.420
1. Phải thu của khách hàng (**)	[3]	6.248.363.841	(6.248.363.841)	-
2. Trả trước cho người bán (**)	[3]	245.000.000	(245.000.000)	-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán (**)	[3]	644.183.177.258	(644.183.177.258)	-
5. Các khoản phải thu khác	[3]	5.885.914.204	(5.616.094.838)	269.819.366
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (**)	[3]	(12.914.331.022)	12.914.331.022	-
4. Các khoản cho vay (*)	[3]	-	632.754.918.509	632.754.918.509
6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thể chấp (*)	[3]	-	(12.736.718.649)	(12.736.718.649)
7. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp (*)	[3]	-	7.135.894.981	7.135.894.981
7.1. Phải thu bán các tài sản tài chính (*)	[3]	-	3.107.420.000	3.107.420.000
7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính (*)	[3]	-	13.294.402.447	13.294.402.447
9. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (*)		-	(177.612.373)	(177.612.373)
IV. Hàng tồn kho (**)	[4]	22.895.835	(22.895.835)	-
2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ (*)	[4]		22.895.835	22.895.835
V. Tài sản ngắn hạn khác (**)	[4]	770.922.000	(770.922.000)	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	[4]	770.922.000	(750.922.000)	20.000.000-

(*) Các chỉ tiêu mới của Báo cáo tình hình tài chính theo Thông tư 210 và Thông tư 334.

(**) Các chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán trước đây không còn được trình bày theo Thông tư 210 và Thông tư 334.

**Công ty Cổ phần Chứng khoán
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

34.6 Phân loại lại số liệu tương ứng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Diễn giải	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (số liệu đã trình bày)	Điều chỉnh theo Thông tư 334	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (phân loại lại)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN		37.683.986.806	750.922.000	38.434.908.806
2. Các khoản đầu tư (*)	[2]	-	9.745.693.643	9.745.693.643
2.1.Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (*)	[2]	-	9.745.693.643	9.745.693.643
IV.Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (**)	[2]	9.745.693.643	(9.745.693.643)	-
3. Đầu tư vào chứng khoán dài hạn (**)	[2]	9.745.693.643	(9.745.693.643)	-
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn(**)	[2]	9.745.693.643	(9.745.693.643)	-
V. Tài sản dài hạn khác	[4]	22.280.662.983	750.922.000	23.031.584.983
4. Tài sản dài hạn khác (**)	[4]	2.891.650.104	(2.891.650.104)	-
1.Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	[4]	-	3.642.572.104	3.642.572.104
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.391.159.622.237	(272.500.911.343)	2.118.658.710.894

(*) Các chỉ tiêu mới của Báo cáo tình hình tài chính theo Thông tư 210 và Thông tư 334.

(**) Các chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán trước đây không còn được trình bày theo Thông tư 210 và Thông tư 334.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

a. Trích từ báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Diễn giải	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (số liệu đã trình bày)	Điều chỉnh theo Thông tư 334	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (phân loại lại)
A. NỢ PHẢI TRẢ		1.522.024.254.263	(272.500.911.343)	1.249.523.342.920
I. Nợ ngắn hạn		1.522.024.254.263	(272.500.911.343)	1.249.523.342.920
1. Vay và nợ ngắn hạn	[5]	623.600.000.000	-	623.600.000.000
6. Chi phí phải trả	[5]	309.226.620	1.924.019.174	2.233.245.794
8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	[1]	309.343.132.343	(249.565.870.621)	59.777.261.722
9. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu (**)	[1]	22.051.140.722	(22.051.140.722)	-
13. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ (**)	[5]	546.996.539.174	(1.924.019.174)	545.072.520.000
12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	[1], [6]	1.723.367.697	(1.344.918.913)	378.448.784
12. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên (*)	[6]	-	461.018.913	461.018.913
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.391.159.622.237	(272.500.911.343)	2.118.658.710.894

(*) Các chỉ tiêu mới của Báo cáo tình hình tài chính theo Thông tư 210 và Thông tư 334.

(**) Các chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán trước đây không còn được trình bày theo Thông tư 210 và Thông tư 334.

Chi tiết diễn giải số liệu điều chỉnh của một số khoản mục chính như sau:

- [1] Điều chỉnh tiền gửi của nhà đầu tư ra theo dõi ngoại bảng
- [2] Phân loại lại danh mục đầu tư theo quy định của Thông tư 210 và Thông tư 334
- [3] Phân loại lại các khoản mục phải thu theo quy định của Thông tư 210 và Thông tư 334
- [4] Phân loại lại các khoản mục tài sản khác theo quy định của Thông tư 210 và Thông tư 334
- [5] Phân loại lại các khoản mục vay và nợ theo quy định của Thông tư 210 và Thông tư 334
- [6] Phân loại lại các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên theo quy định của Thông tư 210 và Thông tư 334

**Công ty Cổ phần Chứng khoán
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

34.6 Phân loại lại số liệu tương ứng (tiếp theo)

b. Trích từ báo cáo kết quả hoạt động

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Diễn giải	Năm 2015 (số liệu đã trình bày)	Điều chỉnh theo Thông tư 334	Năm 2015 (trình bày lại)
1. Doanh thu	[7]	465.288.302.248	27.902.201.508	493.190.503.756
Trong đó:	[7]			
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	[7]	108.286.654.674	574.648	108.287.229.322
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn (**)	[7]	85.407.365.392	(85.407.365.392)	-
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	[7]	30.188.469.484	(30.188.469.484)	-
- Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		-	32.588.469.484	32.588.469.484
- Doanh thu hoạt động tư vấn	[7]	60.279.829.904	(60.279.829.904)	-
- Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		-	36.000.000	36.000.000
- Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		-	60.243.829.904	60.243.829.904
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	[7]	9.378.254.036	-	9.378.254.036
- Doanh thu khác (**)	[7]	169.347.728.758	(169.347.728.758)	-
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) (*)	[7]	-	107.575.920.886	107.575.920.886
a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL (*)	[7]	-	68.928.054.007	68.928.054.007
b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL (*)	[7]	-	31.754.800.089	31.754.800.089
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính PVTPL (*)	[7]	-	6.893.066.790	6.893.066.790
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) (*)	[7]	-	91.425.892.249	91.425.892.249

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

34.6 Phân loại lại số liệu tương ứng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Diễn giải	Năm 2015 (số liệu đã trình bày)	Điều chỉnh theo Thông tư 334	Năm 2015 (trình bày lại)
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu (*)	[7]	-	83.629.292.523	83.629.292.523
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (**)		465.288.302.248	(465.288.302.248)	-
Doanh thu hoạt động (*)		-	493.164.888.404	493.164.888.404
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	[8]	(353.935.124.640)	119.979.643.595	(233.955.481.045)
Trong đó:				
Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán (**)	[8]	(301.352.314.841)	301.352.314.841	-
Chi phí dự phòng chứng khoán (**)	[8]	(52.582.809.799)	52.582.809.799	-
Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) (*)	[8]	-	(119.189.643.809)	(119.189.643.809)
Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL (*)	[8]	-	(31.562.613.848)	(31.562.613.848)
Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL (*)	[8]	-	(84.337.609.888)	(84.337.609.888)
Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL (*)	[8]	-	(3.289.420.073)	(3.289.420.073)
Lỗ từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) (*)	[8]	-	(266.125.737)	(266.125.737)

(*) Các chỉ tiêu mới của Báo cáo tình hình tài chính theo Thông tư 210 và Thông tư 334.

(**) Các chỉ tiêu của Báo cáo kết quả kinh doanh trước đây không còn được trình bày theo Thông tư 210 và Thông tư 334.

**Công ty Cổ phần Chứng khoán
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

34.6 Phân loại lại số liệu tương ứng (tiếp theo)

b. Trích từ Báo cáo kết quả hoạt động (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Diễn giải	Năm 2015 (số liệu đã trình bày)	Điều chỉnh theo Thông tư 334	Năm 2015 (trình bày lại)
Chi phí lãi vay, lỗ từ các khoản cho vay và phải thu (*)	[8]	-	(4.323.190.783)	(4.323.190.783)
Chi phí hoạt động tự doanh (*)	[8]	-	(2.474.416.317)	(2.474.416.317)
Chi phí môi giới chứng khoán (*)	[8]	-	(76.561.742.467)	(76.561.742.467)
Chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		-	(7.024.446.536)	(7.024.446.536)
Chi phí lưu ký chứng khoán (*)	[8]	-	(6.277.481.785)	(6.277.481.785)
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính (*)	[8]	-	(17.838.433.611)	(17.838.433.611)
3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định phát sinh trong năm (*)	[7]	-	3.878.213.933	3.878.213.933
4.2. Chi phí lãi vay (*)	[8]	-	(101.202.941.767)	(101.202.941.767)
Chi phí tài chính khác		-	(7.500.000)	(7.500.000)
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (**)		111.353.177.608	(111.353.177.608)	-
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	[8]	(9.351.493.037)	(50.982.512.046)	(60.334.005.083)
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		102.001.684.571	(458.510.129)	101.543.174.442
10. Lợi nhuận khác	[8]	(511.121.597)	458.510.129	(52.611.468)
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		101.490.562.974	-	101.490.562.974

(*) Các chỉ tiêu mới của Báo cáo tình hình tài chính theo Thông tư 210 và Thông tư 334.

(**) Các chỉ tiêu của Báo cáo kết quả kinh doanh trước đây không còn được trình bày theo Thông tư 210 và Thông tư 334.

**Công ty Cổ phần Chứng khoán
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

34.6 Phân loại lại số liệu tương ứng (tiếp theo)

b. Trích từ Báo cáo kết quả hoạt động (tiếp theo)

Chi tiết diễn giải số liệu điều chỉnh của một số khoản mục chính như sau:

[7] Phân loại lại các khoản mục doanh thu hoạt động theo quy định của Thông tư 210 và Thông tư 334

[8] Phân loại lại các khoản mục chi phí hoạt động theo quy định của Thông tư 334

c. Trích từ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Công ty

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Diễn giải	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (số liệu đã trình bày)	Điều chỉnh theo Thông tư 334	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (trình bày lại)
TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM		442.321.779.588	(134.247.668.851)	308.074.110.737
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		442.321.779.588	(134.247.668.851)	308.074.110.737
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động công ty chứng khoán		322.321.779.588	(134.247.668.851)	188.074.110.737
- Các khoản tương đương tiền		120.000.000.000	-	120.000.000.000
TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM		325.923.379.520	(272.500.911.343)	53.422.468.177
Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		325.923.379.520	(272.500.911.343)	53.422.468.177
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động công ty chứng khoán		315.923.379.520	(272.500.911.343)	43.422.468.177
- Các khoản tương đương tiền		10.000.000.000	-	10.000.000.000

**Công ty Cổ phần Chứng khoán
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

34.6 Phân loại lại số liệu tương ứng (tiếp theo)

c. Trích từ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Phần lưu chuyển tiền tệ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Diễn giải	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (số liệu đã trình bày)	Điều chỉnh theo Thông tư 334	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (trình bày lại)
II. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM CỦA KHÁCH HÀNG		-	134.247.668.851	134.247.668.851
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:				
- Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		-	134.247.668.851	134.247.668.851
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		-	116.838.917.604	116.838.917.604
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		-	1.532.339.057	1.532.339.057
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		-	6.520.125.611	6.520.125.611
- Tiền gửi của tổ chức phát hành		-	9.356.286.579	9.356.286.579
III. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM CỦA KHÁCH HÀNG		-	272.500.911.343	272.500.911.343
Tiền gửi ngân hàng cuối năm:				
- Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		-	272.500.911.343	272.500.911.343
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		-	156.828.160.063	156.828.160.063
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		-	92.362.945.946	92.362.945.946
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		-	210.200.000	210.200.000
- Tiền gửi của tổ chức phát hành		-	23.099.605.334	23.099.605.334

**Công ty Cổ phần Chứng khoán
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34.7 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Người lập:

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt
Kế toán

Người phê duyệt:

Bà Trần Ngọc Diệp
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Đỗ Huy Hoài
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 29 tháng 03 năm 2017





CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Tầng 10,11, toà tháp BIDV 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội. Tell: 04 39352722 Web: www.bsc.com.vn

Chi Nhánh: Lầu 9, 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh. Tell: 08 38218508 Fax: 08 38218510